

**THÔNG BÁO**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN**  
**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**



**SỐ 11**  
**2021**



**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
**CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA**  
National Agency for Science and Technology Information

**THÔNG BÁO**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN**  
**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
**(Định kỳ 1 số/tháng)**

**BAN BIÊN TẬP**

*Trưởng ban:* THS. VŨ ANH TUẤN

*Phó Trưởng ban:* ThS. Võ Thị Thu Hà  
ThS. Trần Thị Hoàng Hạnh

*Ủy viên thư ký:* ThS. Nguyễn Thị Thưa  
CN. Nguyễn Thị Thúy Diệu  
CN. Nguyễn Thu Hà

**MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
Lời giới thiệu	ii
Giải thích các yếu tố mô tả kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp	3
Bảng tra kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp theo lĩnh vực nghiên cứu	4
Thông tin thư mục kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp	10
<u>Phụ lục</u> : Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN	109

## LỜI GIỚI THIỆU

Triển khai thực hiện việc thông tin về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định trong Luật Khoa học và Công nghệ; Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ; Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia là cơ quan nhà nước có thẩm quyền về đăng ký, lưu giữ, phổ biến thông tin KQNC, biên soạn và phát hành xuất bản phẩm: ***“Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ”***.

Xuất bản phẩm ***“Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ”*** được xuất bản nhằm giới thiệu với bạn đọc thông tin thư mục cơ bản về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp từ cấp quốc gia (cấp nhà nước), cấp bộ/ngành, cấp tỉnh/thành và cấp cơ sở trên cả nước, thuộc tất cả các lĩnh vực khoa học và công nghệ được đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Thông tin trong xuất bản phẩm này được rút ra từ Hệ thống Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia do Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia xây dựng và có thể tra cứu trực tuyến theo địa chỉ: <http://sti.vista.gov.vn>. Định kỳ xuất bản xuất bản phẩm là 1 số/tháng nhằm thông báo kịp thời thông tin các kết quả nghiên cứu các cấp đã đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Trân trọng giới thiệu.

Mọi thông tin phản hồi về Xuất bản phẩm, xin liên hệ theo địa chỉ:

**CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA**

***Số 24-26 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội***

**ĐT: (024) 39349116- Fax: (024) 39349127- E-mail: [quanly@vista.gov.vn](mailto:quanly@vista.gov.vn)**

Website: <http://www.vista.gov.vn/>

**GIẢI THÍCH CÁC YẾU TỐ MÔ TẢ  
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

① 74479.1-2020. ② Nghiên cứu đề xuất một số khu vực có thể phục hồi và tái tạo hệ sinh thái rạn san hô phục vụ du lịch sinh thái biển Khánh Hòa/ Võ Sĩ Tuấn, TS. Nguyễn Văn Long; CN. Phan Kim Hoàng; ThS. Thái Minh Quang; ThS. Phan Thị Kim Hồng; ThS. Mai Xuân Đạt; ThS. Phạm Sĩ Hoàn; ThS. Phạm Bá Trung; CN. Hứa Thái Tuyên; TS. Hoàng Xuân Bền - Khánh Hòa - Viện Hải dương học Nha Trang, 2018 - 01/2015 - 08/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

③

⑥

⑦

⑧

⑨

⑩—Tổng quan về các điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, đa dạng sinh học ở vùng biển Khánh Hoà. Đánh giá hiện trạng hệ sinh thái rạn san hô ở các khu vực có tiềm năng sử dụng cho mục tiêu du lịch sinh thái biển. Điều tra hiện trạng sử dụng và quản lý tài nguyên tại các khu vực tiềm năng. Phân tích các yếu tố tích cực và hạn chế liên quan đến phục hồi rạn san hô và phát triển du lịch sinh thái và đề xuất các khu vực có thể phục hồi và tái tạo rạn san hô nhằm sử dụng cho du lịch sinh thái. Xây dựng mô hình phục hồi, tái tạo rạn san hô với sự tham gia quản lý của doanh nghiệp.

Số hồ sơ lưu: KHA-2019-002

①	Mã tra cứu
②	Số xuất bản phẩm - Năm xuất bản
③	Tên nhiệm vụ
④	Chủ nhiệm nhiệm vụ và cán bộ tham gia nghiên cứu
⑤	Thời gian thực hiện nhiệm vụ
⑥	Cấp nhiệm vụ
⑦	Nơi viết báo cáo
⑧	Cơ quan chủ trì nhiệm vụ
⑨	Năm viết báo cáo
⑩	Tóm tắt nội dung nghiên cứu

**BẢNG TRA KẾT QUẢ THỰC HIỆN  
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP  
THEO LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU**

<b>1. Khoa học tự nhiên .....</b>	<b>10</b>
<b>101. Toán học và thống kê.....</b>	<b>10</b>
10101. Toán học cơ bản .....	10
10102. Toán học ứng dụng.....	10
<b>102. Khoa học máy tính và thông tin .....</b>	<b>11</b>
10201. Khoa học máy tính .....	12
<b>103. Vật lý .....</b>	<b>13</b>
10301. Vật lý nguyên tử; vật lý phân tử và vật lý hóa học .....	14
10302. Vật lý các chất cô đặc.....	14
10303. Vật lý hạt và trường.....	14
10306. Quang học.....	15
<b>104. Hóa học .....</b>	<b>16</b>
10401. Hoá hữu cơ .....	16
10403. Hoá lý .....	16
10405. Điện hóa (pin khô, pin, pin nhiên liệu, ăn mòn kim loại, điện phân) ..	17
<b>105. Các khoa học trái đất và môi trường liên quan .....</b>	<b>18</b>
10509. Các khoa học môi trường .....	18
10511. Khí hậu học .....	18
10513. Thủy văn; Tài nguyên nước .....	19
<b>106. Sinh học.....</b>	<b>20</b>
10611. Thực vật học .....	20
10612. Động vật học .....	20
10615. Đa dạng sinh học .....	21
<b>199. Khoa học tự nhiên khác.....</b>	<b>21</b>

<b>2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ.....</b>	<b>22</b>
<b>201. Kỹ thuật dân dụng .....</b>	<b>23</b>
20102. Kỹ thuật xây dựng .....	23
20104. Kỹ thuật giao thông vận tải .....	24
20105. Kỹ thuật thủy lợi.....	25
20106. Kỹ thuật địa chất công trình .....	25
<b>202. Kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, kỹ thuật thông tin .....</b>	<b>26</b>
20201. Kỹ thuật điện và điện tử .....	30
20202. Người máy và điều khiển tự động.....	30
20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v..) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),..	31
20204. Các hệ thống và kỹ thuật truyền thông .....	33
<b>203. Kỹ thuật cơ khí.....</b>	<b>33</b>
20301. Kỹ thuật cơ khí nói chung .....	34
20304. Chế tạo máy động lực.....	34
20305. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy nông nghiệp.....	35
20313. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị năng lượng .....	35
20314. Kỹ thuật và công nghệ liên quan đến hạt nhân .....	36
20399. Kỹ thuật cơ khí, chế tạo máy khác .....	36
<b>204. Kỹ thuật hóa học .....</b>	<b>37</b>
20401. Sản xuất hóa học công nghiệp nói chung (nhà máy, sản phẩm).....	37
20402. Kỹ thuật quá trình hóa học nói chung .....	37
20403. Kỹ thuật hoá dược .....	38
<b>205. Kỹ thuật vật liệu và luyện kim.....</b>	<b>38</b>
20501. Kỹ thuật nhiệt trong luyện kim .....	39

20503. Kỹ thuật và công nghệ sản xuất kim loại và hợp kim màu .....	39
20507. Vật liệu xây dựng .....	40
20511. Màng mỏng, vật liệu sơn, vật liệu phủ .....	40
20513. Gỗ, giấy, bột giấy .....	41
<b>206. Kỹ thuật y học .....</b>	<b>41</b>
20601. Kỹ thuật và thiết bị y học .....	43
<b>207. Kỹ thuật môi trường.....</b>	<b>43</b>
20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật.....	43
20703. Kỹ thuật năng lượng và nhiên liệu không phải dầu khí .....	45
20799. Kỹ thuật môi trường khác .....	46
<b>208. Công nghệ sinh học môi trường .....</b>	<b>46</b>
20802. Xử lý môi trường bằng phương pháp sinh học; các công nghệ sinh học chẩn đoán (chip ADN và thiết bị cảm biến sinh học) .....	46
20899. Công nghệ sinh học môi trường khác .....	46
<b>209. Công nghệ sinh học công nghiệp .....</b>	<b>47</b>
20999. Công nghệ sinh học công nghiệp khác.....	47
<b>210. Công nghệ nano.....</b>	<b>47</b>
21001. Các vật liệu nano (sản xuất và các tính chất).....	47
<b>211. Kỹ thuật thực phẩm và đồ uống.....</b>	<b>48</b>
21101. Kỹ thuật thực phẩm .....	48
<b>299. Khoa học kỹ thuật và công nghệ khác .....</b>	<b>49</b>
<b>3. Khoa học y, dược .....</b>	<b>49</b>
<b>301. Y học cơ sở.....</b>	<b>51</b>
30101. Giải phẫu học và hình thái học.....	52
<b>302. Y học lâm sàng .....</b>	<b>52</b>
30206. Huyết học và truyền máu .....	53

30210. Chấn thương, Chỉnh hình .....	54
30215. Da liễu, Hoa liễu.....	54
30223. Tai mũi họng .....	55
30231. Y học dân tộc; y học cổ truyền.....	55
<b>303. Y tế.....</b>	<b>56</b>
30301. Khoa học về chăm sóc sức khỏe và dịch vụ y tế (bao gồm cả quản trị bệnh viện, tài chính y tế,..) .....	58
30302. Chính sách và dịch vụ y tế .....	58
30308. Bệnh truyền nhiễm .....	59
30309. Dịch tễ học.....	60
<b>304. Dược học .....</b>	<b>60</b>
30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc .....	60
30404. Hoá dược học .....	61
30499. Dược học khác.....	62
<b>399. Khoa học y, dược khác .....</b>	<b>62</b>
39904. Quân y; Y tế quốc phòng .....	62
<b>4. Khoa học nông nghiệp .....</b>	<b>63</b>
<b>401. Trồng trọt .....</b>	<b>64</b>
40102. Thổ nhưỡng học .....	68
40103. Cây lương thực và cây thực phẩm.....	68
40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả .....	70
40106. Bảo vệ thực vật.....	71
40199. Khoa học công nghệ trồng trọt khác .....	72
<b>402. Chăn nuôi.....</b>	<b>72</b>
40202. Di truyền và nhân giống động vật nuôi .....	73



40299. Khoa học công nghệ chăn nuôi khác.....	74
<b>404. Lâm nghiệp .....</b>	<b>74</b>
40407. Bảo quản và chế biến lâm sản .....	74
<b>405. Thủy sản.....</b>	<b>74</b>
40503. Bệnh học thủy sản .....	74
<b>406. Công nghệ sinh học trong nông nghiệp .....</b>	<b>75</b>
40601. Công nghệ gen (cây trồng và động vật nuôi); nhân dòng vật nuôi;.....	75
<b>499. Khoa học nông nghiệp khác.....</b>	<b>76</b>
<b>5. Khoa học xã hội .....</b>	<b>77</b>
<b>501. Tâm lý học .....</b>	<b>80</b>
50101. Tâm lý học nói chung.....	80
<b>502. Kinh tế và kinh doanh .....</b>	<b>81</b>
50201. Kinh tế học; Trắc lượng kinh tế học; Quan hệ sản xuất kinh doanh....	83
50202. Kinh doanh và quản lý .....	85
50299. Kinh tế học và kinh doanh khác .....	86
<b>503. Khoa học giáo dục.....</b>	<b>86</b>
50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,.. ..	86
50302. Giáo dục chuyên biệt.....	88
50399. Các vấn đề khoa học giáo dục khác .....	89
<b>504. Xã hội học .....</b>	<b>90</b>
50401. Xã hội học nói chung .....	90
50404. Dân tộc học.....	90
50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội.....	92
<b>505. Pháp luật.....</b>	<b>95</b>
50501. Luật học .....	97

<b>506. Khoa học chính trị .....</b>	<b>97</b>
50601. Khoa học chính trị .....	97
50602. Hành chính công và quản lý hành chính .....	98
50603. Lý thuyết tổ chức; Hệ thống chính trị; Đảng chính trị.....	100
<b>507. Địa lý kinh tế và xã hội .....</b>	<b>102</b>
50701. Khoa học môi trường - các khía cạnh xã hội .....	102
50702. Địa lý kinh tế và văn hoá.....	103
<b>508. Thông tin đại chúng và truyền thông.....</b>	<b>104</b>
50803. Khoa học thư viện .....	104
<b>599. Khoa học xã hội khác.....</b>	<b>104</b>
<b>6. Khoa học nhân văn.....</b>	<b>105</b>
<b>601. Lịch sử và khảo cổ học .....</b>	<b>105</b>
60101. Lịch sử Việt Nam .....	105
<b>602. Ngôn ngữ học và văn học .....</b>	<b>105</b>
60202. Nghiên cứu ngôn ngữ Việt Nam .....	105
60207. Lý luận văn hoá; Nghiên cứu văn hoá nói chung .....	106
<b>603. Triết học, đạo đức học và tôn giáo .....</b>	<b>106</b>
60301. Triết học .....	106
60302. Lịch sử và triết học của khoa học và công nghệ .....	107
60305. Nghiên cứu tôn giáo .....	107
<b>604. Nghệ thuật .....</b>	<b>108</b>
60402. Mỹ thuật .....	108

## THÔNG TIN THƯ MỤC KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP

### 1. Khoa học tự nhiên

#### 101. Toán học và thống kê

##### 10101. Toán học cơ bản

79299. 11-2021. **Xấp xỉ Diophantine và lý thuyết số siêu việt trên trường p-adic/** TS. Phạm Đức Hiệp, CN. Hà Hữu Cao Trình - Hà Nội - Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020 - 02/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu những lớp nhóm đại số giao hoán xác định trên trường các số đại số mà không bị ràng buộc bởi điều kiện rời với nhóm cộng, nhưng vẫn giữ lại điều kiện nửa ổn định. Cụ thể, xét dạng tuyến tính xác định trên trường số và siêu phẳng kết hợp với dạng tuyến tính đó; Thiết lập được chặn dưới effective đối với giá trị tuyệt đối p - adic cho các dạng tuyến tính này tại các điểm đại số nếu như nó không bị triệt tiêu trên các điểm đó. Bên cạnh đó, với việc ứng dụng định lý nhóm con giải tích p - adic đã chứng minh tính siêu việt của một số lớp số p - adic.

Số hồ sơ lưu: 18430

##### 10102. Toán học ứng dụng

74689. 11-2021. **Một số mô hình truyền sóng: mô phỏng và ứng dụng/** TS. Nguyễn Minh Quân, TS. Lê Ánh Hạ; ThS. Huỳnh Thanh Toàn - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Quốc tế, 2019 - 08/2016 - 08/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Cải tiến mô hình truyền soliton của phương trình NLS và GL dạng phức

nhằm truyền tải soliton ổn định đến khoảng cách rất xa (ultra-long distances). Nghiên cứu xác định các yếu tố chính ảnh hưởng lên quá trình truyền tải soliton ở khoảng cách xa dưới tác động của tán xạ raman và các quá trình suy hao năng lượng phi tuyến. Đưa ra thuật toán dịch chuyển tần số của chuỗi soliton một đại lượng tùy ý tại khoảng cách truyền dẫn bất kì và nghiên cứu các ứng dụng của chúng trong thí nghiệm và kỹ thuật. Nghiên cứu tác động của nhiễu suy hao phi tuyến lên va chạm của hai sóng tuyến tính có nhiễu bằng cách xấp xỉ biểu thức suy hao biên độ của sóng tham gia va chạm dưới tác động của nhiễu phi tuyến. Đánh giá sai số hậu nghiệm của phương trình sóng, khảo sát một số mô hình liên quan, như phương trình vận chuyển (transport equation), phương trình khuếch tán (diffusion equation).

Số hồ sơ lưu: 16549

76618. 11-2021. **Phương trình nhiệt với miền xác định ngẫu nhiên/** TS. Phạm Thành Dương, TS. Nguyễn Thị Kim Ngân; GS. TS. Đinh Dũng; PGS. TS. Trần Thanh - TP. Hồ Chí Minh - Phòng Thí nghiệm Mở, 2019 - 09/2017 - 09/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu các phương trình đạo hàm riêng (e.g. phương trình nhiệt) có chứa đựng yếu tố ngẫu nhiên. Các phương trình đạo hàm riêng trong các bài toán giá trị biên

có ứng dụng rộng rãi trong hầu hết tất cả lĩnh vực khoa học và kỹ thuật. Phương trình nhiệt là một trong những phương trình đạo hàm riêng dạng parabolic quan trọng và được nghiên cứu nhiều nhất. Các phương trình này xuất hiện và có nhiều ứng dụng trong các ngành khoa học khác nhau, bao gồm quá trình truyền dẫn nhiệt, sự lan truyền sóng đại dương, các hệ thống trong vật lý và toán học với biến thời gian và quá trình biến đổi theo dạng truyền dẫn nhiệt.

Số hồ sơ lưu: HCM-059-2020

77350. 11-2021. **Khai thác mẫu hữu ích cao và luật hữu ích cao trên cơ sở dữ liệu có lợi ích thay đổi/** TS. Nguyễn Thị Thúy Loan, PGS.TS. Võ Đình Bảy; TS. Huỳnh Quốc Bảo; ThS. Mai Hoàng Thắng; ThS. Trịnh Phi Cường; KTV. Nguyễn Đắc Dzure Trinh - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Quốc tế, 2020 - 12/2018 - 05/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tìm hiểu cách tiếp cận hiện tại và các thuật toán liên quan đến vấn đề khai thác tập mục hữu ích cao, tập mục hữu ích cao đóng, top-k tập mục hữu ích cao. Nghiên cứu các thuật toán khai thác HUI, CHUI, luật hữu ích cao trên CSDL định lượng, từ đó vận dụng và cải tiến để khai thác hiệu quả HUI, CHUI, luật hữu ích cao trên CSDL định lượng có sự thay đổi về lợi ích. Bên cạnh đó, để nhằm cải thiện hơn nữa thời gian thực hiện của các thuật toán khác HUI, CHUI và luật hữu ích cao đã được đề xuất khi áp dụng trên các CSDL có kích thước lớn hoặc các CSDL đặc, một số kỹ thuật tính toán

song song cũng được nghiên cứu và áp dụng.

Số hồ sơ lưu: 17516

## 102. Khoa học máy tính và thông tin

75398. 11-2021. **Xây dựng cơ sở dữ liệu và cảnh báo sớm lũ lụt khu vực Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp/** Nguyễn Vũ Giang, ThS. Nguyễn Vũ Giang; PGS. Phạm Việt Hòa; TS. Phạm Thị Thanh Nga; ThS. Trần Trung Kiên; TS. Lê Quang Toàn; ThS. Vũ Hữu Long; ThS. Nguyễn An Bình; ThS. Nguyễn Minh Hiếu; ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Trang; ThS. Tống Thị Huyền Ái; TS. Nguyễn Hồng Quảng; KS. Trần Duy Thanh - - Viện Công nghệ Vũ trụ, 2016 - 05/2016 - 10/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Lũ lụt là hiện tượng tự nhiên xảy ra hàng năm, gắn liền với sự phát triển của Đồng bằng sông Cửu Long nói chung và tỉnh Đồng Tháp nói riêng. Đồng Tháp là nơi có địa hình trũng thấp so với toàn vùng ĐBSCL, lũ lụt vốn là mối quan tâm hàng đầu nhiều năm qua. Công tác dự báo thủy văn có ý nghĩa rất lớn trong việc điều tiết thủy lợi, thủy nông, giao thông đường thủy, bố trí sản xuất, canh tác trong tỉnh Đồng Tháp cũng như khu vực Hồng Ngự nói riêng. Bên cạnh đó, ứng phó, phòng tránh lũ lụt là những giải pháp được lựa chọn nhằm hạn chế những thiệt hại do lũ lụt gây ra cho sản xuất và đời sống, sinh hoạt của người dân địa phương. Trải qua nhiều thời kỳ phát triển cùng với sự lớn mạnh không ngừng của khoa học công nghệ, công tác cảnh báo lũ đang có

nhiều phát triển trên nền ứng dụng những công nghệ hiện đại. Việc nghiên cứu và cảnh báo, dự báo lũ lụt hiện nay đang trở thành vấn đề thu hút được sự quan tâm của nhiều cơ quan và nhà khoa học đã đem đến những hiệu quả tích cực hơn cho dân cư vùng lũ.

Số hồ sơ lưu: 21

76538. 11-2021. **Nghiên cứu xây dựng hệ thống hỗ trợ ra quyết định để điều hành tối ưu và bền vững hệ thống liên hồ chứa đảm bảo an toàn công trình, phục vụ phát điện, cấp nước, chống ngập lụt và xâm nhập mặn ở hạ lưu Sông Đồng Nai - Sài Gòn/ PGS. TS. Lê Văn Dực, - TP. Hồ Chí Minh - Sở Khoa học Thành Phố Hồ Chí Minh, 2016. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Nghiên cứu các yếu tố khí tượng thủy văn dưới tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng, và sự ảnh hưởng của nó đến chế độ vận hành hệ thống liên hồ chứa ở hạ lưu sông Sài Gòn-Đồng Nai. Phân tích đánh giá các phương pháp điều hành hồ chứa đa mục tiêu, liên hồ chứa đã đang áp dụng trong nước cũng như trên thế giới, rút ra các hạn chế và từ đó đề xuất phương pháp thích hợp áp dụng vào việc điều hành tối ưu liên hồ chứa, đa mục tiêu ở lưu vực hạ lưu sông Đồng Nai - Sài Gòn. Thu thập dữ liệu quá khứ phục vụ cho mục tiêu áp dụng thử nghiệm hệ thống hỗ trợ ra quyết định điều hành liên hồ chứa ở hạ lưu lưu vực sông Đồng Nai-Sài Gòn (LDNRB-DSS). Nghiên cứu đề xuất mô hình điều hành tối ưu liên hồ chứa LDNRB-

DSS. Đề xuất phương pháp và giải thuật cho bài toán điều hành tối ưu liên hồ chứa. Xây dựng hệ thống hỗ trợ ra quyết định LDNRB-DSS. Áp dụng thử nghiệm hệ thống hỗ trợ ra quyết định, đóng gói, chuyển giao công nghệ.

Số hồ sơ lưu: HCM-003-2020

### **10201. Khoa học máy tính**

76545. 11-2021. **Nghiên cứu phát triển mạng thử nghiệm cảm biến không dây (Wireless Sensor Networks) hỗ trợ đánh giá kiểm định ứng dụng và giao thức WSNs/ PGS. TS. Lê Trung Quân, Nguyễn Đình Khương; Nguyễn Hạo Nhiên; Đặng Lê Bảo Chương; Lý Trọng Nhân; Huỳnh Văn Đăng; Trần Hồng Nghi; Tô Nguyễn Nhật Quan - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Công nghệ Thông tin, 2019 - 11/2017 - 10/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Nghiên cứu phát triển một hệ thống mạng thử nghiệm WSNs testbed bao gồm các phần mềm, công cụ, tiện ích dựa trên hạ tầng mạng WSNs và nền tảng điện toán đám mây mã nguồn mở (open-source cloud) để tạo ra một hệ thống “made in Vietnam” phục vụ đánh giá thử nghiệm các giao thức WSNs và ứng dụng WSNs phục vụ đô thị thông minh, đáp ứng tốt hơn những yêu cầu về tính linh hoạt, hiệu quả, độ tin cậy cao và có giá thành triển khai hợp lý.

Số hồ sơ lưu: HCM-007-2020

78976. 11-2021. **Hệ thống tư vấn cho các ứng dụng kinh doanh thông minh trên tập dữ liệu lớn/**

TS. Nguyễn Thị Thanh Sang, PGS.TS. Quán Thành Thơ; ThS. Đào Trần Hoàng Châu - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Quốc tế, 2020 - 07/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khảo sát và phân tích các tập dữ liệu sẵn có trong các miền ứng dụng kinh doanh thông minh, dữ liệu khảo sát thuộc nhiều lĩnh vực kinh doanh khác nhau, do đó sẽ phải khái quát hóa dữ liệu thành các lớp khái niệm có tính phân cấp và việc phân tích, chọn lọc các dữ liệu cần có chiến lược phân nhóm, xử lý từng nhóm và tổng hợp các kết quả xử lý của mỗi nhóm. Chính vì lý do đó đã đề xuất mô hình mô tả tri thức ngữ nghĩa trong lĩnh vực kinh doanh có khả năng mở rộng và học tăng dần cho việc tư vấn hiệu quả.

Số hồ sơ lưu: 18230

79224. 11-2021. **Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chuẩn về các kỹ thuật an toàn công nghệ thông tin (Lựa chọn, triển khai và vận hành các hệ thống phát hiện và ngăn chặn xâm nhập (IDPS) và các tiêu chuẩn ISO/IEC về an toàn thông tin)**/ ThS. Nguyễn Tiến Đức, TS. Nguyễn Thành Phúc; TS. Nguyễn Trọng Đường; TS. Trần Mạnh Thắng; KS. Lê Minh Tuấn; ThS. Nguyễn Thị Minh Thu; ThS. Hoàng Thị Hồng Thắm; ThS. Trần Nguyên Chung; CN. Phạm Phương Mỹ; ThS. Vũ Việt Hùng; ThS. Đỗ Văn Tráng; ThS. Hoàng Hồng Anh; ThS. Phạm Tuấn An; CN. Phan Huệ Dương - Hà Nội - Cục An toàn thông tin, 2020 - 04/2020 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, đánh giá hiện trạng tình hình tiêu chuẩn hóa của các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế (ISO/IEC, ITU) đối với quy trình chọn lựa, triển khai và vận hành IDPS. Khảo sát đánh giá hiện trạng và nhu cầu chuẩn hóa đối với quy trình chọn lựa, triển khai và vận hành IDPS ở Việt Nam. Xây dựng dự thảo tiêu chuẩn quốc gia: “Công nghệ thông tin - Kỹ thuật an toàn – Chọn lựa, triển khai và vận hành hệ thống phát hiện và ngăn chặn xâm nhập (IDPS)”. Đồng thời, tìm hiểu về tình hình tiêu chuẩn hóa của các tổ chức tiêu chuẩn hóa trong lĩnh vực an toàn thông tin mạng (network) trên thế giới và tại Việt Nam để từ đó rà soát và hoàn thiện Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9801-1:2013 (ISO/IEC 27033-1:2009) về Công nghệ thông tin - Kỹ thuật an ninh - An ninh mạng.

Số hồ sơ lưu: 18432

### 103. Vật lý

77309. 11-2021. **Nghiên cứu phát triển bộ tạo lược tần số quang đa dải có độ linh hoạt cao cho các ứng dụng trong truyền thông quang dung lượng lớn**/ TS. Nguyễn Thế Quang, PGS.TS. Trần Xuân Trường; PGS.TS. Nguyễn Văn Tuấn; PGS.TS. Nguyễn Tấn Hưng; ThS. Mai Công Trang - Hà Nội - Học viện Kỹ thuật Quân sự, 2020 - 05/2016 - 05/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Giải phương trình phi tuyến Schrodinger (NLSE) để tìm ra đáp án cho xung soliton cơ bản, xung soliton rời rạc trong các ống dẫn sóng và các ống dẫn sóng phi tuyến,

sợi quang phi tuyến. Xung soliton này được truyền trong sợi quang dưới tác động phi tuyến quang như SPM, XPM, FWM thông qua mô phỏng để đưa ra các thông số thiết kế tối ưu cho bộ tạo lược. Mô phỏng và thiết lập cấu hình thí nghiệm tạo bộ lược tần số (nén xung soliton đa bước sóng) dựa trên các thông số có được thông qua mô phỏng ở trên. Mở rộng nghiên cứu bằng việc ứng dụng của bộ lược tần số quang (nén xung soliton đa bước sóng) vào hệ thống mạng thông tin quang dung lượng cao W/DM/OTDM như thực hiện bộ phân giải bước sóng toàn quang, bộ chuyển đổi giữa WDM và OTDM.

Số hồ sơ lưu: 17527

### **10301. Vật lý nguyên tử; vật lý phân tử và vật lý hóa học**

79247. 11-2021. **Nghiên cứu DFT về sự hút bám nguyên tử hydro trên các dạng bề mặt platinum: Pt(110) và Pt(100)/** TS. Trần Thị Thu Hạnh, TS. Nguyễn Thị Thuý Hằng; ThS. Dương Thị Như Tranh; ThS. Nguyễn Hoàng Giang; ThS. Phạm Ngọc Thanh; TS. Nguyễn Thị Xuân Huynh - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Bách khoa, 2021 - 12/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Mô phỏng tính toán năng lượng hấp thụ hydro (H) trên các bề mặt platinum (Pt) dựa trên lý thuyết hàm mật độ (DFT), tìm những vị trí hấp thụ bền vững nhất có thể của H. Xác định quy luật hút và đẩy giữa các nguyên tử trên bề mặt: tính toán năng lượng tương tác của H trên Pt. Đồng thời xác định sự tương tác hiệu

dụng của nguyên tử trên bề mặt, so sánh cụ thể với thực nghiệm, từ đó đưa ra những kết luận cụ thể về các vùng tương tác, vị trí tương tác bền vững cho các dạng bề mặt Pt khác nhau.

Số hồ sơ lưu: 18443

### **10302. Vật lý các chất cô đặc**

79263. 11-2021. **Chuyển pha điện yếu trong các mô hình mở rộng 3-3-1 cải tiến/** GS.TS. Hoàng Ngọc Long, TS. Đinh Thanh Bình; TS. Võ Quốc Phong; TS. Dương Văn Lợi; TS. Võ Văn Ổn; ThS. Nguyễn Văn Hợp - Hà Nội - Viện Vật lý, 2020 - 07/2018 - 07/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu về chuyển pha điện yếu trong các mô hình 3-3-1 cải tiến. Tìm các mô hình vật lý khả dĩ với các tính chất hấp dẫn, sau đó nghiên cứu các quá trình vật lý cụ thể để tìm ra các tính chất mới. Dựa trên các nghiên cứu này tìm ra giới hạn của các tham số phục vụ cho các nghiên cứu về chuyển pha sau này. Tiếp đến là tiến hành nghiên cứu các quá trình chuyển pha, phân tích các điều kiện cần thiết (cụ thể là 3 điều kiện của Sakharov) để đánh giá các chuyển pha thuộc loại gì thuộc bậc 1 hay bậc 2.

Số hồ sơ lưu: 18445

### **10303. Vật lý hạt và trường**

79273. 11-2021. **Nghiên cứu tính chất điện và từ của một số vật liệu có cấu trúc nano/** PGS.TS. Ngô Văn Thanh, TS. Phạm Đỗ Chung; TS. Nguyễn Thị Lâm Hoài; ThS. Nguyễn Thị Loan; ThS. Nguyễn Thị

Vân Anh - Hà Nội - Viện Vật lý, 2021 - 12/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu cơ bản các tính chất nhiệt, điện và từ của các loại vật liệu từ và bán dẫn có cấu trúc nano, các loại vật liệu có thể ứng dụng được trong công nghệ chế tạo linh kiện spintronics. Từ đó, giải thích các hiệu ứng mới lạ được tìm thấy trong các vật liệu này. Xây dựng các mô hình lý thuyết bằng phương pháp mô hình hoá, tính toán giải tích và tính số trên máy tính. Đồng thời, xây dựng các mô hình mô phỏng cho hệ spin, áp dụng phương pháp mô phỏng MonteCarlo để khảo sát tính chất từ và chuyển pha của hệ.

Số hồ sơ lưu: 18441

### **10306. Quang học**

73435. 11-2021. **Nghiên cứu trạng thái lượng tử tương đối tính Jackiw-Rebbi và viên đạn ánh sáng Dirac thông qua các hiện tượng quang học có tính chất tương tự trong hệ ống dẫn sóng nhị nguyên/ PGS.TS. Trần Xuân Trường, TS. Nguyễn Thế Quang; TS. Nguyễn Minh Huệ; PGS.TS. Dương Chí Dũng; ThS. Phùng Đình Hoạt - Hà Nội - Học viện Kỹ thuật Quân sự, 2019 - 04/2017 - 01/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Tìm ra nghiệm giải tích cho trạng thái lượng tử tương đối tính Jackiw-Rebbi (JR) trong Binary waveguide array (BWA) ở chế độ tuyến tính. Sự ảnh hưởng của yếu tố phi tuyến sẽ được làm rõ và các kịch bản khác nhau trong tương tác giữa trạng thái

JR và Dirac soliton trong BWA. Khởi tạo nên trạng thái JR từ Dirac soliton trong BWA và viên đạn ánh sáng Dirac trong BWA ở chế độ lượng tử tương đối tính được định xứ trong cả không gian và thời gian. Nghiên cứu các hiệu ứng biên của Dirac soliton trong BWA.

Số hồ sơ lưu: 15680

79270. 11-2021. **Nghiên cứu chế tạo công cụ đa năng quang và từ trên cơ sở vật liệu nano Gadolini photphat pha Eu(III) và Tb(III) nhằm phát hiện virus Dengue gây sốt xuất huyết và điều trị một số dòng tế bào ung thư/ TS. Nguyễn Thanh Hoàng, TS. Trần Thu Hương; TS. Nguyễn Thị Ngọc Anh; PGS.TS. Vũ Xuân Nghĩa; GS.TS. Lê Quốc Minh; ThS. Phạm Thị Liên; ThS. Đỗ Như Bình - Hà Nội - Viện Khoa Học Vật Liệu, 2020 - 12/2017 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ chế tạo vật liệu nano tích hợp quang-từ GdPO<sub>4</sub> pha tạp ion Tb<sup>3+</sup> và Eu<sup>3+</sup>. Chế tạo quả cầu nano nen Gd<sub>2</sub>O<sub>3</sub> pha các ion đất hiếm Eu<sup>3+</sup>, Tb<sup>3+</sup>. Đồng thời nghiên cứu hình thái, kích thước, vi cấu trúc, tính chất quang phổ huỳnh quang và từ tính của hệ vật liệu tích hợp. Khảo sát ảnh hưởng, tương tác của tỷ lệ thành phần các ion đất hiếm, điều kiện thí nghiệm đến các đặc trưng quang, lý và từ của vật liệu. Chế tạo hệ vật liệu nano tích hợp (công cụ đa năng) bằng cách bọc vỏ vật liệu nano bang silica, chức năng hóa lớp vỏ với nhóm chức - NH<sub>2</sub> và gắn kết với



phần tử hoạt động sinh học điển hình là IgG thông qua cầu nối GDA.

Số hồ sơ lưu: 18444

## 104. Hóa học

### 10401. Hoá hữu cơ

78885. 11-2021. **Nghiên cứu tổng hợp và thăm dò hoạt tính chống ung thư của các hợp chất có cấu trúc lai chứa khung indenoisoquinoline/** TS. Phạm Hoài Thu, GS.TS. Nguyễn Văn Tuyên; TS. Lục Quang Tấn; TS. Vũ Thị Thu Hà; TS. Nguyễn Thị Hiền; TS. Ngô Hạnh Thương; ThS. Hoàng Thị Phương - Hà Nội - Viện Hóa Học, 2020 - 12/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tiến hành nghiên cứu tổng hợp: Các hợp chất indenoisoquinolin 92 với các nhóm thế hút hoặc cho điện tử ở vòng A và D; Các dẫn xuất indenoisoquinolin 94 và 97 có các nhóm thế amin thơm khác nhau; Các chất dẫn lai indenoisoquinolin chứa dị vòng triazolyl 99 và 102; Các hợp chất lai indenoisoquinolin-hydroxamic axit qua cầu triazol 103 và 104. Xác định cấu trúc các hợp chất nhận được nhờ các phương pháp phổ hiện đại (IR, MS, <sup>1</sup>H NMR, <sup>13</sup>C NMR, HMBC, HMQC...) . Thử hoạt tính gây độc trên các dòng tế bào ung thư: KB, Hep-G2, LU và MCF7 và nghiên cứu hoạt tính ức chế enzym Top1 và HDAC với các chất có hoạt tính gây độc cao với các dòng tế bào ung thư.

Số hồ sơ lưu: 18198

78975. 11-2021. **Nghiên cứu thực hiện phản ứng ghép đôi mới**

**của các hợp chất chứa nhân benzene hoặc dị vòng thơm trong điều kiện xúc tác dị thể/** PGS.TS. Lê Thị Hồng Nhan, GS.TS. Phan Thanh Sơn Nam; ThS. Tô Anh Tường; TS. Nguyễn Thanh Tùng; ThS. Nguyễn Thái Anh; ThS. Đặng Văn Hà - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Bách khoa, 2021 - 12/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng hợp các vật liệu MOFs từ các ligand hữu cơ chứa nhóm carboxylic acid hay nitrogen và các kim loại chuyển tiếp thường gặp như nickel, copper, manganese, iron. Xác định các thông số hóa lý đặc trưng của các vật liệu này bằng những phương pháp phân tích hóa lý thường quy như: nhiễu xạ tia X (X-Ray Diffraction, XRD), chụp ảnh hiển vi điện tử quét (SEM), chụp ảnh hiển vi điện tử truyền qua (TEM). Nghiên cứu khả năng ứng dụng của vật liệu MOFs trong lĩnh vực xúc tác cho phản ứng ghép đôi mới của các hợp chất chứa nhân benzen hoặc dị vòng thơm.

Số hồ sơ lưu: 18237

### 10403. Hoá lý

79278. 11-2021. **Mô phỏng cấu trúc của hệ thủy tinh ô xít nhiều thành phần trên cơ sở B<sub>2</sub>O<sub>3</sub>-SiO<sub>2</sub>/** PGS.TS. Nguyễn Văn Hồng, TS. Nguyễn Thị Thanh Hà; ThS. Hoàng Việt Hưng; ThS. Luyện Thị San - Hà Nội - Viện Vật lý Kỹ thuật, 2020 - 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng thành công các mô hình thủy tinh ô xít nhiều thành phần trên cơ sở B<sub>2</sub>O<sub>3</sub>-SiO<sub>2</sub> pha thêm các

ô xít kim loại ( $\text{Na}_2\text{O}$ ,  $\text{CaO}$ ,  $\text{Al}_2\text{O}_3$ ,  $\text{ZrO}_2$ ,  $\text{Nd}_2\text{O}_3$ ,...). Xác định biểu thức nhiệt động học và phân bố không gian của các  $\text{NB0-}$ ,  $[\text{AlO}_4]-$ ,  $[\text{BO}_4]-$  trong cấu trúc mạng thủy tinh. Làm rõ cơ chế lưu giữ các cation kim loại trong cấu trúc mạng thủy tinh. Đồng thời, xác định cấu trúc và tính chất động học của các vùng giàu cations cũng như phân bố không gian và kích thước của các vùng này. Nghiên cứu làm rõ ảnh hưởng của nồng độ các ôxít kim loại đến sự thay đổi cấu trúc mạng của hệ thủy tinh, bản chất của hiệu ứng MAE, mối liên hệ giữa cấu trúc và các tính chất truyền dẫn.

Số hồ sơ lưu: 18427

**10405. Điện hóa (pin khô, pin, pin nhiên liệu, ăn mòn kim loại, điện phân)**

79237. 11-2021. **Pin mặt trời dị thể Silicon với kim loại chuyển tiếp đóng vai trò trích xuất hạt tải lỗ trống: Cơ chế truyền dẫn hạt tải/** TS. Đào Vĩnh Ái, TS. Nguyễn Thụy Ngọc Thủy; PGS.TS. Vũ Thị Hạnh Thu; ThS. Trịnh Thanh Thủy; ThS. Ngô Thị Thanh Giang - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, 2020 - 03/2018 - 02/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chế tạo màng mỏng TMO bằng phương pháp phún xạ magnetron, ứng dụng màng mỏng TMO thay thế lớp a-Si:H(p) emitter truyền thống để tạo ra pin mặt trời dị thể TMO/c-Si. Khảo sát ảnh hưởng của áp suất ô xy riêng phần, áp suất, nhiệt độ, công suất phún xạ, nhiệt độ ủ lên đồng thời khảo sát tính chất màng

TMO lên các đặc trưng của pin mặt dị thể TCO/c-Si. Từ đó đưa ra cơ chế truyền dẫn của hạt tải điện tích trong pin mặt trời dị thể TMO/c-Si.

Số hồ sơ lưu: 18440

79265. 11-2021. **Nghiên cứu tổng hợp hạt nano  $\text{Cu}(\text{Zn},\text{Sn})\text{Se}_2$  và phát triển ứng dụng cho lớp hấp thụ ánh sáng trong pin năng lượng mặt trời hiệu suất cao/** TS. Nguyễn Duy Cường, TS. Trần Đức Huy; TS. Vũ Ngọc Phan; TS. Nguyễn Hữu Dũng; TS. Phạm Anh Tuấn; TS. Nguyễn Thị Thu Hiền; ThS. Đặng Việt Anh Dũng - Hà Nội - Viện Tiên tiến Khoa học và Công nghệ (AIST), 2020 - 12/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng hợp thành công hạt nano CZTSe đơn pha, phân tán tốt trong dung môi và ổn định với thời gian. Chế tạo thành công lớp hấp thụ ánh sáng CZTSe đơn pha, có độ kết tinh cao, và triệt tiêu được lớp hạt mịn giữa lớp hấp thụ ánh sáng và đế molybdenum. Nghiên cứu, chế tạo lớp điện cực cửa sổ sử dụng vật liệu nanocomposite với điện trở bề mặt ~ 10 ohm/sq và chế tạo thành công các tế bào pin CZTSe có cấu trúc như trong Hình 3 với hiệu suất 7-10%. Tạo môi trường nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế, thúc đẩy công bố khoa học trên các tạp chí uy tín của quốc tế và đào tạo nguồn nhân lực cao (thạc sĩ và tiến sĩ) cho đất nước

Số hồ sơ lưu: 18426

**105. Các khoa học trái đất và môi trường liên quan****10509. Các khoa học môi trường**

75659. 11-2021. **Xây dựng hệ thống dự báo chất lượng không khí vùng TP. Hồ Chí Minh/ GS.TS. Nguyễn Kỳ Phùng, TS. Dương Thị Thúy Nga; ThS. Bùi Chí Nam; ThS. Nguyễn Quang Long; ThS. Nguyễn Thị Kim; ThS. Ngô Nam Thịnh; CN. Nguyễn Văn Tín; CN. Nguyễn Huy Tuấn; CN. Nguyễn Thị Hồng Hà - TP. Hồ Chí Minh - Viện khoa học và công nghệ tính toán, 2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Điều tra, thu thập tổng hợp số liệu, bổ sung dữ liệu, cập nhật số liệu mới. Tính toán tải lượng và xây dựng bộ thư viện phát thải giao thông công nghiệp. Xây dựng quy trình dự báo khí tượng từ mô hình WRF và quy trình dự báo chất lượng không khí từ mô hình CMAQ. Kiểm định và hiệu chỉnh các mô hình sau khi được xây dựng thành quy trình sẽ được chạy kiểm định và hiệu chỉnh tạo ra bộ thông số mô phỏng tốt nhất cho điều kiện khu vực Tp. Hồ Chí Minh. Đánh giá toàn bộ kết quả mô phỏng và triển khai thực tế.

Số hồ sơ lưu: HCM-0279-2018

**10511. Khí hậu học**

76947. 11-2021. **Nghiên cứu luận cứ khoa học của hệ thống giám sát tác động của biến đổi khí hậu đến các yếu tố cực trị, hiện tượng khí tượng thủy văn nguy hiểm ở Việt Nam phục vụ phát triển kinh tế xã hội bền vững/ TS. Đặng Thanh Mai, TS. Đoàn Quang**

Trí; ThS. Ngô Văn Mạnh; TS. Nguyễn Bá Thủy; TS. Hoàng Phúc Lâm; TS. Vũ Văn Thắng; ThS. Nguyễn Đức Cường; TS. Dương Văn Khánh; TS. Nguyễn Vũ Thắng; ThS. Lê Ngọc Quyền - Hà Nội - Trung tâm Dự báo Khí tượng thủy văn quốc gia, 2019 - 07/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan các vấn đề về giám sát tác động của biến đổi khí hậu (BĐKH) đến các yếu tố cực trị và hiện tượng khí tượng thủy văn (KTTV) nguy hiểm. Xây dựng luận cứ khoa học của hệ thống giám sát tác động biến đổi khí hậu đến các đặc trưng cực trị yếu tố và các hiện tượng khí tượng thủy văn nguy hiểm ở Việt Nam. Xây dựng bộ tiêu chí và chỉ số giám sát tác động của biến đổi khí hậu đến các đặc trưng cực trị của yếu tố khí hậu và hiện tượng KTTV nguy hiểm. Đề xuất hệ thống giám sát tác động của biến đổi khí hậu đến các đặc trưng cực trị của yếu tố và các hiện tượng khí tượng thủy văn nguy hiểm ở Việt Nam và giải pháp tăng cường năng lực giám sát biến đổi khí hậu, cảnh báo, dự báo sớm các cực trị yếu tố, hiện tượng khí tượng thủy văn nguy hiểm dưới tác động của biến đổi khí hậu ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17377

79312. 11-2021. **Nghiên cứu đề xuất mô hình thị trường các-bon ở Việt Nam/ TS. Mai Kim Liên, TS. Lương Quang Huy; TS. Tô Nguyễn Cẩm Anh; TS. Đỗ Tiến Anh; TS. Thái Thị Thanh Minh; TS. Nguyễn Toàn Thắng; ThS. Tăng Thế Hùng; ThS. Nguyễn Văn Minh; PGS.TS.**

Dương Hồng Sơn; TS. Nguyễn Phương Nam; TS. Vũ Thị Hoài Thu; TS. Trần Thị Thanh Nga - Hà Nội - Cục Biến đổi khí hậu, 2020 - 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn trong việc hình thành và hoạt động của các mô hình thị trường các-bon trên thế giới. Đánh giá về điều kiện, khả năng của Việt Nam trong việc hình thành thị trường các-bon đồng thời xác định các yếu tố cấu thành của thị trường các-bon tại Việt Nam. Nghiên cứu đề xuất khung mô hình và cơ chế vận hành thị trường các-bon nội địa phù hợp với điều kiện kinh tế-xã hội của Việt Nam. Dự báo xu hướng phát triển thị trường các-bon khi có sự tham gia của ngân hàng và nhà đầu tư để từ đó xây dựng nội dung "Đề án phát triển thị trường các-bon tại Việt Nam".

Số hồ sơ lưu: 18450

### **10513. Thủy văn; Tài nguyên nước**

78887. 11-2021. **Nghiên cứu ảnh hưởng của hồ chứa vùng thượng nguồn tới sự chuyển tải cát bùn lơ lửng và các chất gắn kết (C, N, P, Si) trong nước vùng hạ lưu sông Hồng.**/ TS. Phùng Thị Xuân Bình, TS. Lê Thị Phương Quỳnh; TS. Nguyễn Văn Hiếu; TS. Lê Như Đa; TS. Lê Thị Mỹ Hạnh; Phan Thị Thanh Thủy - Hà Nội - Trường Đại học Điện lực, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng dữ liệu về các hồ chứa được xây dựng ở vùng thượng lưu hệ thống sông Hồng. Đánh giá ảnh

hưởng của hồ chứa tới chuyển tải cát bùn lơ lửng của hệ thống sông Hồng. Đồng thời, đánh giá ảnh hưởng của hồ chứa tới chuyển tải các chất gắn kết (C, N, p và Si) của hệ thống sông Hồng và tác động của thay đổi tải lượng và hàm lượng cát bùn lơ lửng và các chất gắn kết tới môi trường sinh thái hạ lưu sông Hồng. Từ đó, đưa ra các cảnh báo nhằm bảo vệ môi trường nước vùng hạ lưu sông Hồng.

Số hồ sơ lưu: 18203

78908. 11-2021. **Nghiên cứu cơ sở khoa học đổi mới cơ chế, phương thức thăm dò, khai thác cát, sỏi để bảo vệ các dòng sông.**/ TS. Nguyễn Thị Thục Anh, ThS. Bùi Xuân Vịnh; TS. Lê Công Cường; ThS. Trần Ngọc Huân; TS. Lê Quốc Hùng; PGS.TS. Nguyễn Văn Lâm; TS. Nguyễn Xuân Quang - Hà Nội - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, 2020 - 07/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Khái quát bức tranh nghiên cứu về cát, sỏi lòng sông trên thế giới và ở Việt Nam. Đánh giá những tồn tại về cơ chế, phương thức thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng sông từ đó, xác lập cơ sở khoa học dự báo khả năng tái tạo khoáng sản cát, sỏi lòng sông và dự báo các tác động ảnh hưởng của hoạt động khai thác cát, sỏi đến dòng sông. Đề xuất đổi mới cơ chế, phương thức thăm dò, khai thác cát, sỏi để bảo vệ các dòng sông hiệu quả nhất.

Số hồ sơ lưu: 18213

**106. Sinh học****10611. Thực vật học**

76979. 11-2021. **Xây dựng bộ Atlas các loài cây cho lá trang trí có khả năng thương mại hóa tại Đà Lạt và các vùng phụ cận/ KS.** Lê Thị Phương Hội, ThS. Phan Công Du; ThS. Nguyễn Lê Quốc Hùng; CN. Lê Diệu Trâm; CN. Nguyễn Hữu Thanh Tuệ; TS. Lương Văn Dũng; CN. Nguyễn Thị Thu Hoài; CN. Nguyễn Thị Quỳnh Nghi - Đà Lạt - Ban quản lý Khu công nghệ sinh học và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Đà Lạt, 2020 - 10/2018 - 09/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Theo các tài liệu thu thập được, ở nước ta có khoảng 10.650 loài thực vật, 1.250 loài Nấm lớn, trong đó khoảng 3.400 loài cây thuốc. Khi nghiên cứu về Tây Nguyên nói chung và Lâm Đồng nói riêng, với sự đa dạng về loài, kiểu rừng, M. Schmid (1974) đã thống kê được gần 3.000 loài thực vật hạt kín và 400 loài thực vật bậc cao có mạch không có hoa. Trong thống kê điều tra rừng Tây Nguyên thực hiện từ 1976-1981, Viện điều tra quy hoạch rừng đã lập danh mục 716 loài, thuộc 86 họ, trong đó 18 loài thuộc 6 họ của ngành Thông (Pinophyta) còn lại là các họ của ngành Mộc lan, Lâm Đồng hiện hữu 80% các loài tìm được. Viện Khoa học Việt Nam (1984) đưa ra danh mục 3.200 loài thì Lâm Đồng có trên 1.600 loài hiện hữu. Qua các tài liệu điều tra trên, có thể thấy rằng còn rất nhiều loài chưa được phát hiện thống kê do việc điều tra chưa được đầy đủ hoàn toàn,

nhiều tác giả dự đoán số cây còn cao hơn nhiều. Trong khi nhu cầu thị trường về loại cây cho lá trang trí rất lớn, thì nguồn cung ứng cho mặt hàng này lại khan hiếm. Theo báo cáo của Cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng diện tích trồng hoa trong năm 2018 toàn tỉnh là 8.283,0 ha, là thị trường cung cấp hoa lớn nhất cả nước. Hiện nay, bên cạnh sự phát triển mạnh các loại cây trồng chủ lực của tỉnh, do nhận thấy được tiềm năng của các loại cây cho lá trang trí nên tại Đà Lạt và các vùng phụ cận, một số hộ dân đã bắt đầu trồng thử nghiệm và bước đầu đã đem lại hiệu quả kinh tế cao. Số hồ sơ lưu: LDG-2020-010

**10612. Động vật học**

76945. 11-2021. **Đa dạng sinh học, tiến hóa và bảo tồn các loài thú nhỏ ở hệ sinh thái núi cao và núi đá vôi của Việt Nam/ TS.** Nguyễn Trường Sơn, TS. Đặng Ngọc Càn; TS. Vương Tân Tú; ThS. Hoàng Trung Thành; CN. Bùi Tuấn Hải; CN. Nguyễn Đình Duy; CN. Chu Thị Hằng - Hà Nội - Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, 2020 - 12/2017 - 04/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng, bổ sung thông tin, cơ sở dẫn liệu vào bộ sưu tập mẫu vật về khu hệ thú nhỏ của Việt Nam. Bổ sung, hiệu chỉnh hệ thống phân loại và xác định mối quan hệ di truyền cũng như lịch sử tiến hoá các loài thú nhỏ thu được trên cơ sở phân tích các đặc điểm hình thái, siêu âm (trên dơi), dẫn liệu sinh học phân tử, hình thái nhiễm sắc thể. Đánh giá mối quan hệ giữa một

số nhân tố sinh thái học (độ che phủ, đai độ cao, vi khí hậu, v.v) và quá trình tiến hoá của các loài thú nhỏ ghi nhận được. Đề xuất những giải pháp bảo tồn loài thú nhỏ cho phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương. Đào tạo nâng cao năng lực nghiên cứu cho một số cán bộ trẻ theo hướng nghiên cứu chuyên môn của đề tài

Số hồ sơ lưu: 17375

79261. 11-2021. **Nghiên cứu sử dụng quần xã động vật đáy không xương sống cỡ lớn để đánh giá mức độ ô nhiễm trầm tích sông Cầu thuộc hệ thống sông Thái Bình/** TS. Bùi Thị Thu, PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; ThS. Nguyễn Thị Minh Sáng; TS. Lê Thanh Huyền; ThS. Trịnh Kim Yên; ThS. Phạm Phương Thảo; ThS. Bùi Thị Thu Trang; ThS. Trần Sơn Tùng; ThS. Nguyễn Thị Hoài Thương; TS. Nguyễn Thị Linh Giang - Hà Nội - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, 2020 - 07/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá mức độ ô nhiễm một số kim loại nặng (Hg, Pb, Cd, Zn, Cu, Fe...) trong trầm tích sông Cầu bằng quần xã động vật đáy không xương sống cỡ lớn. Xây dựng hướng dẫn sử dụng động vật đáy không xương sống cỡ lớn để đánh giá mức độ ô nhiễm trầm tích sông. Đề xuất một số giải pháp quản lý giảm thiểu tác động do ô nhiễm môi trường nước và trầm tích sông Cầu cũng như các giải pháp nâng cao năng lực quản lý của chính quyền địa phương trong bảo vệ nước sông Cầu.

Số hồ sơ lưu: 18436

### **10615. Đa dạng sinh học**

79233. 11-2021. **Nghiên cứu đa dạng vi sinh vật khu sinh thái rong biển nhiệt đới và sàng lọc các chủng tiềm năng công nghệ sinh học/** TS. Lê Hữu Cường, GS.TS. Lê Mai Hương; TS. Trần Thị Hồng Hà; TS. Hoàng Kim Chi; TS. Trần Thị Như Hằng; TS. Lưu Văn Chính; TS. Đỗ Hữu Nghị; ThS. Nguyễn Đình Luyện; ThS. Bùi Anh Văn; ThS. Trần Mai Đức - Hà Nội - Viện Hoá học các hợp chất thiên nhiên, 2021 - 07/2016 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tiến hành thu thập các mẫu rong và nước biển vùng nuôi trồng 2 loài rong (*Kappahycus alvarezii* và *Euchema dentinulatum*) - thu thập 30 mẫu của 30 loài rong để phân lập vi sinh. Phân tích sự đa dạng sinh vật trên 2 đối tượng rong và nước biển vùng nuôi trồng (2 loài rong sụn và hồng vân, dựa trên trình tự 16 rDNA (vi khuẩn) và 18r DNA (nấm sợi) để xác định phân lập đối tượng vi sinh vật gây bệnh cho rong. Nghiên cứu phân lập 150-200 chủng vi sinh vật trên 30 loài rong mọc tự nhiên và nuôi trồng, đồng thời tiến hành lên mem qui mô phòng thí nghiệm chủng vi sinh vật để thu chất trao đổi thứ cấp và enzyme. Lựa chọn các chủng vi sinh vật có hoạt tính ức chế vi khuẩn để sản xuất chế phẩm bảo vệ rong sụn và hồng vân.

Số hồ sơ lưu: 18420

### **199. Khoa học tự nhiên khác**

77334. 11-2021. **Bội và các vấn đề liên quan/** PGS.TS. Dương Quốc

Việt, TS. Trương Thị Hồng Thanh; TS. Nguyễn Tiến Mạnh - Hà Nội - Trường Đại học sư phạm Hà Nội, 2020 - 07/2016 - 07/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thiết lập khái niệm đặc trưng Euler-Poincare và các bất biến khác đặc trưng cho các bội trộn. Xác định, nghiên cứu các tính chất cho lớp các bội trộn mới rộng hơn lớp các bội trộn thông thường và bội của module Rees của các lọc tốt. Nghiên cứu các tính chất và các bất biến liên quan đến bội trộn, nhằm đưa ra những kết quả mới có giá trị khoa học cao, đóng góp vào sự phát triển của lý thuyết bội trộn.

Số hồ sơ lưu: 17542

## 2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ

77627. 11-2021. **Xây dựng ứng dụng hỗ trợ quản lý và khai thác công trình thủy lợi tỉnh Bến Tre ứng phó với biến đổi khí hậu/** Tiến sĩ Trần Thái Bình, TS Trần Thái Bình; ThS Hồ Lâm Trường; TS Phạm Thị Mai Thy; ThS Phạm Bách Việt; ThS Nguyễn Ngọc Phương Thanh; ThS Đỗ Thành Long; CN Nguyễn Duy Khang; CN Phan Quốc Trần Kha; ThS Đình Trần Anh Thư; ThS Phạm Thị Bích Thục. - TP Hồ Chí Minh - Trung tâm Vũ trụ Việt Nam, 2020 - 06/2018 - 01/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng cơ sở dữ liệu (CSDL) các công trình thủy lợi đầu mối trên địa bàn tỉnh Bến Tre kết hợp dữ liệu thủy văn (độ mặn, mực nước) từ năm 2010 – 2017. Xây dựng ứng dụng WebGIS quản lý hệ thống công trình thủy lợi, hỗ trợ ra quyết định vận hành. Xây dựng ứng dụng trên

thiết bị di động hỗ trợ thu thập, cập nhật thông tin tại hiện trường. Đào tạo và chuyển giao công nghệ cho địa phương.

Số hồ sơ lưu: BTE-138-2020

78838. 11-2021. **Ứng dụng, hoàn thiện quy trình công nghệ và phát triển mô hình nuôi tôm sú sinh thái (Penaeus monodon) ở tỉnh Bạc Liêu/** Hồ Thị Kiếng, PGS.TS. Dương Nhật Long; ThS. Nguyễn Hoàng Thanh; Kỹ sư. Cao Chí Nhã; Kỹ sư. Mai Văn Nữa; Kỹ sư. Đoàn Văn Đen; Kỹ sư. Châu Minh Tân; Nguyễn Chí Thanh; Châu Minh Tấn; Cao Thị Dung; Nguyễn Văn Hơn; Lâm Minh Nguơn; Huỳnh Thanh Di; Trần Thúy Linh - Bạc Liêu - Công ty TNHH MTV chế biến thủy hải sản xuất nhập khẩu Thiên Phú, 2020 - 12/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Dự án thực hiện nhằm mục tiêu ứng dụng & hoàn thiện qui trình công nghệ nuôi tôm sú thương phẩm, chuyển đổi từ hình thức quảng canh, quảng canh cải tiến truyền thống sang mô hình nuôi tôm sú sinh thái, an toàn sinh học và thân thiện với môi trường, góp phần tạo ra sản phẩm sạch, chất lượng cao, đạt tiêu chuẩn xuất khẩu vào các thị trường: Nhật Bản, EU, Mỹ, đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh và hình thành thương hiệu công ty chế biến thủy sản Thiên Phú trên thương trường quốc tế.

Số hồ sơ lưu: 18185

**201. Kỹ thuật dân dụng**

72777. 11-2021. **Nghiên cứu đề xuất giải pháp gia cường và mở rộng cầu yếu, khổ hẹp đang khai thác trên địa bàn thành phố Hà Nội/** PGS.TS. Nguyễn Ngọc Long, PGS.TS. Nguyễn Ngọc Long; TS. Ngô Văn Minh; GS.TS. Trần Đức Nhiệm; TS. Bùi Tiến Thành; ThS. Nguyễn Xuân Lam; TS. Lê Bá Anh; ThS. Hoàng Việt Hải; ThS. Nguyễn Tuấn Bình; TS. Trần Anh Tuấn; TS. Nguyễn Hữu Thuận; ThS. Bùi Thanh Tùng; KS. Nguyễn Mạnh Hải; KS. Chu Hồng Việt; ThS. Đinh Xuân Bắc - Hà Nội - Viện Nghiên cứu và Phát triển đô thị, 2018 - 07/2016 - 06/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Nhóm tác giả đã nghiên cứu và đề xuất các giải pháp tăng cường, mở rộng cầu phù hợp với địa bàn thành phố Hà Nội. Sau khi phân tích về sự hiệu quả trên các mặt kinh tế - kỹ thuật, các giải pháp mở rộng, tăng cường cầu đối với các loại kết cấu điển hình bao gồm: Mở rộng cầu: trên địa bàn thành phố Hà Nội, để giảm tối đa ảnh hưởng của việc thi công mở rộng cầu đến lưu thông, phương pháp ưu tiên để mở rộng công trình cầu sử dụng các kết cấu chế tạo sẵn như dầm thép liên hợp, có thể vượt được nhịp dài, và không cần phải thi công các trụ trung gian. Tăng cường dầm bản và dầm BTCT thường: nhóm tác giả đề xuất phương pháp sử dụng vật liệu cường độ cao FRP để dán tăng cường chống uốn và chống cắt. Phương pháp này thích hợp để nâng cao khả năng chịu lực của các kết cấu BTCT thường, hiệu quả và rút ngắn quy

trình thi công. Tăng cường dầm thép liên hợp BTCT: nhóm tác giả đề xuất phương pháp tăng cường bằng cách hàn tấp bản thép. Phương pháp này thích hợp đối với các dầm chủ là thép và thép liên hợp. Thi công nhanh và hiệu quả. Tăng cường dầm bê tông dự ứng lực: nhóm tác giả đề xuất tăng cường loại kết cấu dầm này bằng dự ứng lực ngoài. Đây là giải pháp điển hình và rất hiệu quả về mặt kinh tế - kỹ thuật đối với các kết cấu dầm bê tông dự ứng lực có chiều cao tương đối lớn và có không gian thi công phù hợp.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-26/ĐK-TTTT&TK

**20102. Kỹ thuật xây dựng**

78807. 11-2021. **Nghiên cứu đề xuất công nghệ sản xuất cốt liệu đá sử dụng cho bê tông nhựa phù hợp với điều kiện Việt Nam/** ThS. Đặng Minh Hoàng, ThS. Vũ Văn Thắng; TS. Nguyễn Văn Thành; TS. Lâm Hữu Quang; ThS. Cao Anh Tuấn; ThS. Tạ Xuân Trường; Kỹ sư. Trần Mai Khanh; ThS. Trần Trung Thành; Kỹ sư. Huỳnh Thị Bích Hiền; Kỹ sư. Nguyễn Thị Hoa - Hà Nội - Viện Khoa học và Công nghệ GTVT, 2020 - 03/2019 - 03/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu lý thuyết, các yêu cầu kỹ thuật về cốt liệu và cấp phối cốt liệu. Khảo sát đánh giá hiện trạng chất lượng vật liệu và công nghệ sản xuất đá tại Việt Nam. Trên cơ sở khảo sát đánh giá hiện trạng chất lượng vật liệu và công nghệ sản xuất đá đề xuất các yêu cầu kỹ thuật của từng thành phần cốt liệu đá dùng để sản xuất BTN và công nghệ sản



xuất cốt liệu cốt liệu đá phù hợp với điều kiện Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18171

#### **20104. Kỹ thuật giao thông vận tải**

77838. 11-2021. **Nghiên cứu nâng cao khả năng ổn định dao động dây cáp văng của cầu dây văng bằng tổ hợp hai thiết bị giảm chấn ma sát có xét đến độ cứng chống uốn của dây/** TS. Nguyễn Duy Thảo, TS. Võ Duy Hùng; TS. Đặng Văn Sỹ; TS. Trần Thị Phương Huyền; ThS. Châu Sĩ Quan; ThS. Nguyễn Hữu Tuân; ThS. Đoàn Việt Hùng; ThS. Võ Văn Nhựt; ThS. Phan Quang Bình; ThS. Vũ Ngọc Trung - Đà Nẵng - Trường Cao đẳng Giao thông Vận tải Trung ương V, 2020 - 04/2019 - 03/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu các biện pháp hạn chế dao động dây cáp văng của cầu dây văng, trong đó tập trung nghiên cứu phân tích chi tiết giải pháp sử dụng tổ hợp hai thiết bị giảm chấn ma sát có xét đến độ cứng chống uốn EJ của dây. Đánh giá ảnh hưởng các thông số của thiết bị giảm chấn đến khả năng hạn chế dao động của dây cáp văng, đánh giá ảnh hưởng của độ cứng chống uốn đến khả năng hạn chế dao động của dây cáp văng. Áp dụng nghiên cứu để giải quyết bài toán thực tế hạn chế dao động của dây cáp văng bằng giải pháp lắp đặt thiết bị giảm chấn ma sát.

Số hồ sơ lưu: 17783

78811. 11-2021. **Nghiên cứu thiết kế, chế tạo thử nghiệm chân vịt nửa nước dạng cắt mặt lắp đặt trên các phương tiện chở khách**

**cao tốc/** ThS. Nguyễn Thị Ngọc Hoa, TS. Đỗ Hùng Chiến; PGS.TS. Vũ Ngọc Bích; ThS. Lê Đức Cảnh; ThS. Nguyễn Văn Công; TS. Lê Văn Toàn; ThS. Nguyễn Huy Minh; TS. Nguyễn Văn Triều - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh, 2020 - 04/2019 - 03/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tìm hiểu các loại chân vịt cao tốc hiện nay đang được sử dụng trên các phương tiện thủy tại Việt Nam, phân tích nguyên lý hoạt động, kết cấu cũng như ưu nhược điểm của mỗi loại. Nghiên cứu lý thuyết về chân vịt cắt mặt thông qua các công bố khoa học gần đây, kết hợp với thực nghiệm từ các bể thử. Nghiên cứu ảnh hưởng của hình dáng đuôi tàu, thiết bị hệ thống đi kèm phù hợp với môi trường làm việc của loại chân vịt cắt mặt lắp đặt trên tàu cao tốc cỡ nhỏ. Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo thử nghiệm chân vịt cắt mặt nửa nước trên cơ sở thiết lập mô phỏng CFD với các phần mềm sẵn có hiện nay như ANSYS FLUENT, SATR CMM+,... Chế tạo mẫu, tiến hành thử nghiệm mẫu trong môi trường thực tế để đánh giá kiểm tra tính đúng đắn của mô hình thiết kế. Trên cơ sở kết quả thu nhận được, đưa ra giải pháp thiết kế, chế tạo hợp lý chân vịt cắt mặt cho một số mẫu tàu cao tốc nhằm cải thiện đáng kể tốc độ tàu, đồng thời đề xuất giải pháp công nghệ đúc chân vịt dạng này phù hợp với điều kiện Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18172

78854. 11-2021. **Nghiên cứu ứng dụng in 3D trong chế tạo vỏ tàu cao tốc cỡ nhỏ hoạt động trong**

vùng nước thủy nội địa Việt Nam/ TS. Đỗ Hùng Chiến, PGS.TS. Vũ Ngọc Bích; ThS. Đoàn Trung Việt; ThS. Lê Đức Cảnh; ThS. Nguyễn Văn Công; ThS. Ngô Thị Mai Ka; ThS. Nguyễn Huy Minh - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh, 2020 - 04/2019 - 03/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu kỹ thuật in 3D và ứng dụng công nghệ chế tạo cho tàu thuyền cỡ nhỏ. Rút ngắn thời gian và chi phí chế tạo. Đề xuất mẫu kích thước hợp lý, bản vẽ thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, quy trình chế tạo khuôn cho công nghệ chế tạo vỏ composite FRP phục vụ đóng các tàu cỡ lớn hơn, khả năng áp dụng phù hợp với điều kiện trong nước. Chế tạo thử nghiệm vỏ ca nô cỡ nhỏ, có sử dụng kỹ thuật kỹ thuật in 3D trong quá trình chế tạo khuôn, phù hợp với tình hình ứng dụng thực tế trong nước, chất lượng tương đương với phương pháp truyền thống. Nghiên cứu ứng dụng quy trình thiết kế ngược, để số hóa và thiết kế ra mẫu cho một số chủng loại ca nô cao tốc có tính năng tốt, tính thương mại cạnh tranh.

Số hồ sơ lưu: 18189

#### **20105. Kỹ thuật thủy lợi**

78886. 11-2021. Ứng dụng giải pháp bê tông cốt phi kim nhằm tăng cường tính bền vững cho các công trình kè chắn sóng ven biển ở khu vực đồng bằng Sông Cửu Long dưới tác động của biến đổi khí hậu/ TS. Hoàng Đức Thảo, PGS.TS. Đinh Công Sản; PGS.TS. Lê Xuân Roanh; TS. Nguyễn Phú

Quỳnh; TS. Khương Văn Huân; GS.TSKH. Nguyễn Ân Niên; ThS. Nguyễn Lê Thi; ThS. Nguyễn Quang Tùng; KS. Phạm Ngọc Anh Tú; KS. Văn Huy Hoàn - Bà Rịa - Vũng Tàu - Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam, 2020 - 04/2017 - 07/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khảo sát thực nghiệm ứng xử và khả năng chịu lực thực tế của một số cấu kiện cơ bản bê tông cốt sợi hỗn hợp GFRP (Glass fiber reinforced polymer), sợi PP (Poly propylene) và so sánh với bê tông cốt thép. Đánh giá ảnh hưởng của các tác động xấu của môi trường (nước, độ ẩm, độ mặn, ...) lên khả năng chịu lực của các cấu kiện cơ bản bê tông cốt sợi hỗn hợp GFRP và sợi PP theo thời gian. Xây dựng hướng dẫn cơ sở cho công tác thiết kế và thi công công trình thủy lợi trong điều kiện khí hậu của khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long và tiến hành triển khai ứng dụng BT cốt sợi hỗn hợp GFRP và sợi PP vào một số hạng mục kết cấu của công trình như đê chống sạt lở ven biển, hệ thống kênh tưới tiêu ở khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long.

Số hồ sơ lưu: 18202

#### **20106. Kỹ thuật địa chất công trình**

78795. 11-2021. Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo hệ thống quét địa hình mặt đất dựa trên công nghệ ảnh số phục vụ thu thập dữ liệu thông tin địa lý và thành lập bản đồ địa hình độ chính xác cao/ Kỹ sư. Đặng Xuân Thủy, Kỹ sư. Phạm Kim Ngân; TS. Trần Trung Anh; ThS. Phan Tuấn Anh; ThS. Phạm Thành Việt; ThS. Phạm Thanh Thọ;

ThS. Bùi Nguyễn Hoàng; ThS. Phạm Thị Hạnh; Cử nhân. Chu Thanh Huệ; Kỹ sư. Kiều Cao Chung; ThS. Phạm Thu Thủy - Hà Nội - Viện khoa học Đo đạc và bản đồ, 2020 - 06/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng hệ thống quét địa hình mặt đất dựa trên công nghệ ảnh số được tích hợp bởi camera ảnh số, máy định vị GNSS và một thiết bị IMU. Tiến hành khảo sát độ chính xác của thiết bị quét địa hình mặt đất trong thu nhận dữ liệu thông tin địa lý, thành lập bản đồ địa hình. Thiết kế, chế tạo hệ thống quét địa hình mặt đất dựa trên công nghệ ảnh số phục vụ thu thập dữ liệu thông tin địa lý và thành lập bản đồ địa hình độ chính xác cao.

Số hồ sơ lưu: 18159

78799. 11-2021. **Nghiên cứu chế tạo và thử nghiệm ứng dụng hệ thống đo và định vị từ trường Trái đất dựa trên hiệu ứng Từ giảo - Áp điện và kỹ thuật GPS.**/ PGS.TS. Đỗ Thị Hương Giang, ThS. Vũ Nguyên Thức; GS.TS. Nguyễn Hữu Đức; TS. Phùng Anh Tuấn; PGS.TS. Nguyễn Quốc Tuấn; Kỹ sư. Nguyễn Đình Văn; TS. Đỗ Tử Chung; TS. Bùi Nguyên Quốc Trình; ThS. Đặng Văn Mười; ThS. Hồ Anh Tâm - Hà Nội - Trường Đại học Công nghệ, 2020 - 01/2017 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng quy trình công nghệ chế tạo cảm biến từ trường có độ nhạy cao, độ ồn nhiễu thấp dựa trên hiệu ứng từ giảo – áp điện. Phát triển hệ thống đo và định vị từ trường Trái đất trên cơ sở tích hợp cảm biến với kỹ thuật GPS. Chế tạo hoàn chỉnh hệ

thống đo và định vị từ trường Trái đất dựa trên hiệu ứng từ giảo áp điện và kỹ thuật GPS phục vụ thăm dò, xây dựng bản đồ từ trường Trái đất và đặt các trạm cảnh báo dị thường từ trên biển, tự động truyền tín hiệu về đất liền.

Số hồ sơ lưu: 18165

## **202. Kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, kỹ thuật thông tin**

75887. 11-2021. **Xây dựng hệ thống tiếp nhận hồ sơ tuyển dụng công chức, viên chức tỉnh Đồng Tháp.**/ CN. Nguyễn Thanh Tú, CN. Trần Quốc Tuấn; CN. Lê Minh Trung; CN. Phạm Hữu Bình; KS. Nguyễn Phạm Thanh Tâm; KS. Võ Minh Trí - Sở Nội vụ tỉnh Đồng Tháp - Sở Nội vụ Đồng Tháp, 2018 - 11/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Việc xây dựng hệ thống tiếp nhận hồ sơ tuyển dụng công chức, viên chức tỉnh Đồng Tháp sau khi hoàn thành sẽ đưa ra hướng mới và góp phần giải quyết được những vấn đề như sau: Liên kết với CSDL cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh giúp cho hệ thống trở thành quy trình khép kín từ giai đoạn đăng ký chỉ tiêu tuyển dụng từ các sở, ban, ngành tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố lên Sở Nội vụ nhằm thống kê lập danh sách chỉ tiêu thi tuyển nhanh chóng. Đồng thời đến khi có kết quả thi tuyển thì hệ thống hỗ trợ sẽ cập nhật thông tin thí sinh trúng tuyển vào CSDL cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh. Quá trình giải quyết hồ sơ đăng ký một cách trật tự, thứ tự tiếp nhận hồ sơ được hiển thị trên màn hình trình chiếu đặt tại bộ

phận tiếp nhận hồ sơ. Việc ứng dụng đăng ký hồ sơ dự thi online giúp giảm chi phí đi lại bỏ túi hồ sơ cho các thí sinh, mặt khác sẽ thuận tiện mở rộng đối tượng tham gia đến các thí sinh ở xa trong và ngoài tỉnh. Giúp tìm kiếm được nguồn cán bộ, công chức với phạm vi rộng hơn, tăng khả năng tìm được nguồn công chức, viên chức có chuyên môn giỏi hơn. Đối với chức năng Thi nâng ngạch công chức, công chức, viên chức, việc liên kết với CSDL cán bộ, công chức, viên chức giúp việc đăng ký hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức trong việc thi nâng ngạch được thực hiện đồng bộ, nhanh chóng, tiết kiệm thời gian.

Số hồ sơ lưu: DTP-2020-002

77260. 11-2021. **Nghiên cứu, thiết kế chế tạo chuẩn độ chói với độ không đảm bảo đo  $U = (0,6 \div 0,8)\%$** / TS. Cao Xuân Quân, ThS. Lê Ngọc Hiếu; KS. Hoàng Ngọc Dũng; KS. Nguyễn Thị Huyền; CN. Lê Thị Thu Thủy - Hà Nội - Viện Đo lường Việt Nam, 2019 - 01/2018 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, thiết kế chế tạo thành công chuẩn độ chói với độ không đảm bảo đo  $U = (0,6 - 0,8)\%$  để từng bước đáp ứng quy hoạch chuẩn đo lường quốc gia về độ chói. Hoàn thiện sơ đồ dẫn xuất chuẩn độ chói tại Việt Nam. Hiệu chuẩn các nguồn chuẩn độ chói với độ không đảm bảo đo  $U >$  hoặc bằng  $0,8\%$  ( $k=2$ ). Thiết lập, hiệu chuẩn thang độ nhảy độ chói  $[A/(cd/m^2)]$  với  $U >$  hoặc bằng  $0,8\%$  ( $k=2$ ).

Số hồ sơ lưu: 17504

77331. 11-2021. **Nghiên cứu phương pháp hiệu chỉnh nền trên miền số các sai lệch kênh cho các bộ ADC ghép xen thời gian ứng dụng trong máy thu trực tiếp RF băng rộng/** TS .Lê Đức Hân, PGS.TS. Hoàng Văn Phúc; PGS.TS. Nguyễn Đức Minh; TS. Hoàng Minh Thiện; TS. Trịnh Quang Kiên; ThS. Tạ Văn Thành; ThS. Vũ Ngọc Anh; ThS. Nguyễn Hữu Thọ; ThS. Đinh Thị Kim Phượng - Hà Nội - Học viện Kỹ thuật Quân sự, 2019 - 04/2017 - 04/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đề xuất kỹ thuật hiệu chỉnh nền hoàn toàn số cho các sai lệch kênh trong TIADC và xử lý đồng thời nhiều loại sai lệch kênh khác nhau giữa các bộ ADC thành phần. Sửa lỗi hoàn toàn trên miền số cho các thành phần xuyên điều chế hay các thành phần méo hài gây ra bởi các nhiễu mạnh bên trong các kênh mong muốn, nhằm nâng cao hơn nữa hiệu năng của các máy thu RF số hóa trực tiếp băng rộng. Đồng thời, đề xuất các giải pháp tuyến tính hóa cho các bộ khuếch đại công suất trong máy phát và tối ưu các mạch số học hiệu quả trong các máy thu phát số. Thực hiện thiết kế và tối ưu trên phần cứng cho các thuật toán đề xuất và tối ưu hóa các mạch số học để thực hiện các thuật toán xử lý số trong các máy thu phát vô tuyến thế hệ mới. Thiết kế mạch số và thực thi trên nền tảng FPGA cho phần hiệu chỉnh hoàn toàn số, hướng tới sẵn sàng cho việc chế tạo vi mạch và có thể tích hợp vào lõi ADC hoàn chỉnh trong tương lai.

Số hồ sơ lưu: 17538

77807. 11-2021. **Áp dụng sáng chế “Hệ đo quang thông” sử dụng quả cầu tích phân, thiết bị đo phổ bức xạ và quang kế chuẩn theo Văn bằng bảo hộ số 15562 cấp ngày 31/5/2016 để hiệu chuẩn, đo thử nghiệm quang thông đối với các nguồn sáng/** TS. Cao Xuân Quân, PGS.TS. Vũ Khánh Xuân; GS.TS. Võ Thạch Sơn; KS. Hoàng Ngọc Dũng; ThS. Lê Ngọc Hiếu; KS. Trần Mạnh Hải; KS. Nguyễn Ngọc Danh; CN. Lê Thị Thu Thủy; KS. Nguyễn Thị Huyền - Hà Nội - Viện Đo lường Việt Nam, 2019 - 09/2016 - 05/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Áp dụng văn bằng bảo hộ số 15562 cấp ngày 31/5/2016 để chế tạo thành công 02 hệ đo quang thông sử dụng quả cầu tích phân, thiết bị đo phổ bức xạ và quang kế chuẩn dùng để hiệu chuẩn, đo thử nghiệm quang thông đối với các nguồn sáng. Áp dụng thành công công nghệ được bảo hộ sáng chế vào thực tiễn đời sống, sản xuất kinh doanh. Tạo ra mô hình mẫu về áp dụng sáng chế vào thực tiễn nhằm góp phần nâng cao giá trị kinh tế và ý nghĩa xã hội của công nghệ được bảo hộ sở hữu trí tuệ, làm cơ sở khoa học và thực tiễn để triển khai nhân rộng đối với các đối tượng cùng loại.

Số hồ sơ lưu: 17765

77808. 11-2021. **Ứng dụng công nghệ thông tin số hóa để nâng cao chất lượng cho phòng thí nghiệm/** ThS. Nguyễn Anh Tuấn, KS. Hoàng Quốc Trường; TS. Ngô Thanh Bình; ThS. Nguyễn Chí Minh; ThS. Cồ Như Văn; KS. Lê

Nguyên Phong; ThS. Đinh Trọng Thân; KS. Phan Anh Hưng - Hà Nội - Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông Vận tải, 2020 - 04/2019 - 07/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng hợp, thống kê số lượng các thiết bị thí nghiệm tại Viện, lựa chọn nhóm thiết bị cần số hóa. Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo thiết bị đo các giá trị đo lực, dẫn dài, nhiệt độ, độ ẩm phục vụ thí nghiệm thép, cấp dự ứng lực, kích, bê tông, đất,...Làm chủ công nghệ, ứng dụng công nghệ truyền nhận hình ảnh, dữ liệu để thu thập kết quả đo từ thiết bị thí nghiệm thép, cấp dự ứng lực phục vụ giám sát online từ xa, đảm bảo độ tin cậy kết quả cũng như quy trình thí nghiệm và phù hợp với trình độ chế tạo trong nước nhằm nâng cao chất lượng cho các phòng thí nghiệm.

Số hồ sơ lưu: 17774

78733. 11-2021. **Ứng dụng công nghệ iMetos hỗ trợ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên/** Tô Đức Hải, Tô Đức Hải; Ninh Văn Nghị; Mai Quang Vinh; Nguyễn Thị Thắm; Lê Thị Ngân; Mai Hồng Sơn; Nguyễn Ngọc Quang - Thái Nguyên - Công ty Cổ phần Giải pháp Thời tiết và Nông nghiệp AgriMedia (AgriMedia JSC.), 2019 - 05/2018 - 11/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng hệ thống trạm thời tiết tự động iMetos và công nghệ kết nối thông tin tới người sử dụng theo thời gian thực tại tỉnh Thái Nguyên. Xây dựng công cụ và các cơ chế truyền tải thông tin tới nông dân thông qua SMS, Tổng đài khuyến nông IVR,

Website/Wapsite. Vận hành đồng bộ hệ thống thông tin cảnh báo, dự báo thời tiết, thiên tai, sâu bệnh và giá cả thị trường qua thiết bị di động tại tỉnh Thái Nguyên. Nghiên cứu, xây dựng phần mềm và mô hình cảnh báo, phát hiện sâu bệnh trên cây chè.

Số hồ sơ lưu: TNN-2020-003

78803. 11-2021. **Nghiên cứu, đề xuất mô hình kỹ thuật cung cấp dịch vụ công trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông/** ThS. Đỗ Tiến Thắng, TS. Hồ Sỹ Lợi; Cử nhân. Lê Thị Kim Lan; Cử nhân. Nghiêm Quốc Việt; Cử nhân. Vũ Thị Nhung; Cử nhân. Nguyễn Minh Tài; Cử nhân. Phan Chính Mơ; ThS. Quách Hồng Trang; Kỹ sư. Nguyễn Văn Chính - Hà Nội - Trung tâm Thông tin- Bộ Thông tin và Truyền thông, 2020 - 02/2020 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu đánh giá thực trạng cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại Việt Nam. Nghiên cứu đánh giá thực trạng cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại Bộ Thông tin và Truyền thông. Đề xuất mô hình kỹ thuật tổng thể cung cấp dịch vụ công trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông để thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Số hồ sơ lưu: 18164

78823. 11-2021. **Nghiên cứu tổng quan về các công nghệ mới trong lĩnh vực báo chí truyền** truyền/ ThS. Bùi Thị Vân Anh, TS. Nguyễn Kim Quang; ThS. Hà Đình Dũng; ThS. Nguyễn Thị Lan Phương; ThS. Trần Danh Tuấn - Hà

Nội - Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, 2020 - 02/2020 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về vai trò, đặc trưng của báo chí truyền truyền; thực trạng hoạt động và nhu cầu đổi mới của báo chí truyền truyền hiện nay. Các công nghệ mới trong cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay và xu hướng chuyển đổi số với lĩnh vực báo chí truyền truyền. Nghiên cứu tình hình phát triển công nghệ trong nước và thế giới hiện nay, khảo sát việc ứng dụng công nghệ mới trong lĩnh vực báo chí truyền truyền. Phân tích đánh giá việc tác động của công nghệ với hoạt động làm báo. Đề xuất khả năng ứng dụng các công nghệ mới trong lĩnh vực báo chí truyền truyền, trong đó đề xuất về việc nâng cao nhận thức, trang bị các kiến thức, kỹ năng về công nghệ cho người làm báo chí truyền truyền.

Số hồ sơ lưu: 18181

79089. 11-2021. **Xây dựng Cơ sở dữ liệu điện tử Thông tin kinh tế xã hội tỉnh Bến Tre/** ThS Lê Văn Sáu, ThS Lê Văn Sáu; ThS Trần Công Minh; KS Đoàn Công Dũng; CN Nguyễn Tiến Dũng; ThS Nguyễn Thị Ngọc Giàu; ThS Nguyễn Văn Ngoạn; KS Nguyễn Thái Bảo; KS Đoàn Lê Phương; ThS Nguyễn Văn Dũng; CN Nguyễn Bảo Long; CN Cao Ngọc Dung - Bến Tre - Văn phòng UBND tỉnh Bến Tre, 2020 - 07/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng CSDL điện tử thông tin kinh tế xã hội tỉnh cung cấp số liệu Báo cáo kinh tế xã hội của tỉnh định

kỳ hàng tháng và số liệu Niên giám thống kê của tỉnh, nguồn dữ liệu chính thức từ Cục Thống kê tỉnh. Thông tin được cung cấp trên môi trường mạng Internet đến các cơ quan nhà nước phục vụ công tác tham mưu, hoạch định, quản lý nhà nước về kinh tế xã hội, đồng thời công khai phục vụ người dân, tổ chức.

Số hồ sơ lưu: BTE-149-2021

### **20201. Kỹ thuật điện và điện tử**

79288. 11-2021. **Nghiên cứu thiết kế, chế tạo các thiết bị Cloud IoT đa năng ứng dụng trong công nghiệp/** TS. Trần Viết Thắng, KS. Hoàng Thị Ngọc Bích; ThS. Lê Trường Giang; PGS.TS. Nguyễn Ngọc Lâm; ThS. Phạm Quốc Phương; KS. Nguyễn Văn Chiến Thắng; ThS. Trần Minh Nhật; KS. Trần Viết Tâm; KS. Trần Minh Tân - Hồ Chí Minh - Phân Viện Nghiên cứu Điện tử, Tin học, Tự động hóa thành phố Hồ Chí Minh, 2021 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tìm hiểu tổng quan, khảo sát tình hình triển khai các ứng dụng IoT trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Nghiên cứu thiết kế chế tạo phần cứng cho IoT gateway, đồng thời nghiên cứu các giải thuật bảo mật dữ liệu trong hệ thống mạng iot và giải thuật bảo mật cho gateway IoT. Tiến tới thiết kế IoT cloud node đa năng và phát triển app đa năng trên thiết bị di động nhằm hỗ trợ cho các ứng dụng trong công nghiệp nghiên cứu thiết kế khuôn mẫu kiểu dáng công nghiệp cho các sản phẩm. Tiến hành thí nghiệm, thử

nghiệm, thực nghiệm, khảo nghiệm, chế tạo, sản xuất; nghiên cứu, hoàn thiện quy trình công nghệ.

Số hồ sơ lưu: 18449

79290. 11-2021. **Nghiên cứu thiết kế, chế tạo Bộ đo lưu tốc khí thải công nghiệp trên ống khói/** ThS. Dương Đức Anh, ThS. Dương Đức Anh; ThS. Nguyễn Ngọc Thăng; ThS. Mai Văn Tuệ; ThS. Trần Văn Hùng; KS. Nguyễn Xuân Thành; KS. Trần Đình Chiến - Hà Nội - Viện nghiên cứu điện tử, tin học, tự động hóa, 2021 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Khảo sát, tìm hiểu và phân tích công nghệ chế tạo các thiết bị đo lưu tốc khí của các hãng trên thế giới. Trên cơ sở đó lựa chọn công nghệ phù hợp và xác định mức chất lượng cho các thông số kỹ thuật chính cho sản phẩm. Nghiên cứu, thiết kế hệ thống, thiết kế chi tiết bộ đo lưu tốc khí thải. Xây dựng phần mềm nhúng cho bộ đo lưu tốc khí thải trong đó có các mô đun xử lý tín hiệu đo, tính toán giá trị lưu lượng và nhiệt độ, hiển thị, lưu trữ và truyền thông. Từ đó, chế tạo thiết bị đo lưu tốc khí thải, tích hợp với phần mềm nhúng và tiến hành thử nghiệm, đánh giá, hoàn thiện hệ thống.

Số hồ sơ lưu: 18448

### **20202. Người máy và điều khiển tự động**

75657. 11-2021. **Thiết kế, chế tạo và điều khiển robot tiếp tân ở môi trường công cộng/** PGS.TS. Nguyễn Trường Thịnh, CN Hoàng Trà Hương; TS. Phan Công Bình; ThS. Tường Phước Thọ; KS. Nguyễn

Trọng Tuấn; ThS. Nguyễn Mạnh Hiền; ThS. Nguyễn Thị Uyên Uyên; T.S Trần Thị Thúy Nga; ThS. Phan Thị Thu Thủy; ThS. Lê Phan Hưng; Lương Hữu Thành Nam; ThS. Dương Thị Chi Mai; Phan Châu Tú; Đặng Hải Đăng - TP. Hồ Chí Minh - Trường ĐH Sư Phạm Kỹ Thuật TP. Hồ Chí Minh, 2018 - 04/2016 - 10/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thiết kế và chế tạo robot tự hành cấu hình dạng người cho mục đích cung cấp cho người dùng những thông tin hữu ích tại những không gian mở như tiền sảnh các tòa nhà cao ốc, khách sạn, tòa nhà văn phòng. Robot có thể di chuyển trên mặt phẳng có sử dụng cơ chế tránh vật cản cố định hay di động, tự động định vị trong không gian, song song đó là khả năng hoạt động với nguồn năng lượng độc lập mà robot có thể tự nạp qua bộ sạc. Chế tạo robot tiếp tân dạng người hoạt động độc lập với các thiết bị có sẵn trong nước để tiến tới áp dụng vào việc thay thế con người thực hiện các công việc hàng ngày với giá thành phù hợp. Kết hợp với hệ thống xử lý ảnh, tiếng nói, màn hình tương tác, thuật toán nhận dạng khuôn mặt để tạo ra robot có thể giao tiếp cơ bản với con người.

Số hồ sơ lưu: HCM-0277-2018

78839. 11-2021. **Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo robot công nghiệp phục vụ tự động hóa một số công đoạn trong quá trình sản xuất của các doanh nghiệp cơ khí vừa và nhỏ tại Việt Nam/** Kỹ sư. Trương Trọng Toại, TS. Chung Tấn Lâm; PGS.TS. Mai Anh Tuấn; Kỹ

sư. Nguyễn Chí Linh; Cử nhân. Nguyễn Hùng; Kỹ sư. Hà Thúc Phùng; Kỹ sư. Lê Lương Trường Thành; Kỹ sư. Đinh Phước Long; Cử nhân. Vũ Thị Ngọc Yên; TS. Lê Thị Ngọc Anh; ThS. Trần Thị Nhung; Kỹ sư. Nguyễn Huy Hoàng; ThS. Lê Ngọc Trúc; ThS. Phạm Đoàn Hùng; ThS. Nguyễn Công Đức - Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Chế Tạo máy 3C, 2020 - 03/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tìm kiếm, giải mã và làm chủ công nghệ robot chuyên phối công nghiệp cho máy dập các chi tiết rời, máy hàn MIG, TIG và cắt plasma 2D. Thiết kế, chế tạo thành công một số robot công nghiệp phục vụ việc cấp phối cho máy dập các chi tiết rời, robot ứng dụng hàn MIG hoặc TIG và cắt plasma 2D. Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo vài robot phục vụ cho chuyên phối, cắt, hàn... vận hành trong hệ thống tự động hóa gia công cơ khí trong các doanh nghiệp SME.

Số hồ sơ lưu: 18183

**20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v.) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),..**

78948. 11-2021. **Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của ứng dụng công nghệ số đến hoạt động của các doanh nghiệp Việt Nam/** TS. Đặng Thị Việt Đức, TS. Phạm Thị Thu Trang; ThS. Đặng Huyền Linh; ThS. Nguyễn Đỗ Hoàng Thao; ThS. Đoàn Hiếu; ThS. Dương Thị Thúy Hồng - Hà Nội - Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, 2020. (Đề tài cấp Bộ)



Nghiên cứu tổng quan về công nghệ số và ảnh hưởng của ứng dụng công nghệ số tới hoạt động của doanh nghiệp. Khảo sát, đánh giá thực trạng ứng dụng công nghệ số trong doanh nghiệp Việt Nam. Từ đó, đánh giá ảnh hưởng của ứng dụng công nghệ số tới hoạt động của doanh nghiệp Việt Nam và khuyến nghị tăng cường ảnh hưởng của ứng dụng công nghệ số tới hoạt động của doanh nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 18217

79225. 11-2021. **Nghiên cứu các quy định quản lý thiết bị IoT trên thế giới và đề xuất xây dựng khung pháp lý quản lý công nghiệp IoT và các thiết bị kết nối/** ThS. Lê Đức Hiệp, ThS. Tô Thị Thu Hương; ThS. Nguyễn Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Việt Nga; ThS. Phạm Trọng Thanh; ThS. Chu Hồng Trang; ThS. Nguyễn Việt Dũng; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Hòa; CN. Vũ Thị Bảo Len; ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy; ThS. Nguyễn Đức Toàn; ThS. Đặng Thị Diệu Thúy - Hà Nội - Vụ Công nghệ thông tin, 2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về Internet of Things và nghiên cứu tiềm năng phát triển của Internet of Things cũng như tác động của Internet of Things đến sự phát triển kinh tế - xã hội. Tìm hiểu các vấn đề bảo mật, an toàn thông tin của thiết bị Internet of Things. Nghiên cứu, đánh giá các chính sách, quy định quản lý thiết bị Internet of Things. Từ đó, đề xuất khung pháp lý quản lý thiết bị Internet of Things tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18433

79289. 11-2021. **Thiết kế chế tạo máy đo kích thước không tiếp xúc tự động sử dụng công nghệ thị giác máy/** ThS. Đặng Anh Tuấn, ThS. Đặng Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Đình Tuấn; ThS. Trần Thị Tuyết Hằng; KS. Trần Mạnh Thắng; KS. Lai Thanh Tú; ThS. Đỗ Mạnh Quân - Hà Nội - Viện nghiên cứu điện tử, tin học, tự động hóa, 2021 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về công nghệ thị giác máy, thiết bị đo kích thước không chạm từ khái niệm đến mô hình thiết bị thực tế. Tiến hành phân tích, thiết kế, xây dựng mô hình tổng quan thiết bị máy đo kích thước không chạm, kết cấu phần cứng, cấu trúc phần mềm, quy trình hoạt động sử dụng từ đó chế tạo, xây dựng thành công thiết bị máy đo kích thước không chạm có tên VMES.01 và phần mềm VMES có chức năng điều khiển và thu thập dữ liệu. Đồng thời, sản phẩm đã cho ứng dụng thử nghiệm thực tế tại doanh nghiệp và đã đáp ứng chỉ tiêu chất lượng chủ yếu so với đăng ký.

Số hồ sơ lưu: 18446

79292. 11-2021. **Nghiên cứu xây dựng hệ thống giám sát và cảnh báo tự động mức dầu trong máy biến áp, ứng dụng cho vận hành các trạm biến áp có và không người trực/** TS. Hoàng Ngọc Nhân, TS. Hoàng Ngọc Nhân; ThS. Lê Mạnh Hùng; KS. Hoàng Khánh Linh; ThS. Phạm Chí Công; KS. Phùng Đức Hưng; ThS. Trần Huy Long; KS. Lê Bá Linh; KS. Nguyễn Công Tình - Hà Nội - Viện nghiên cứu điện tử, tin học, tự động hóa,

2021 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo phần cứng, phát triển phần mềm nhúng và nghiên cứu phát triển phần mềm trung tâm trên nền tảng web cũng như việc nghiên cứu lắp đặt kết nối với máy biến áp nhằm tiến tới làm chủ công nghệ, thiết kế chế tạo hệ thống giám sát tự động mức dầu online máy biến áp ứng dụng cho vận hành trạm biến áp có và không người trực.

Số hồ sơ lưu: 18447

#### **20204. Các hệ thống và kỹ thuật truyền thông**

78884. 11-2021. **Nghiên cứu giải pháp ứng dụng tiêu chuẩn IBB, HBBTV vào thực tiễn cung cấp dịch vụ truyền hình tại Việt Nam/** ThS. Đỗ Quang Lộc, Nguyễn Chân; Bùi Huy Cường; Nguyễn Đức Cường; Bùi Đức Thái; Phạm Hồng Thúy; Trần Xuân Dũng - Hà Nội - Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, 2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tìm hiểu cơ bản về công nghệ IBB, HbbTV, các đặc tính kỹ thuật chính, một số ưu nhược điểm của dịch vụ đồng thời nghiên cứu tình hình triển khai dịch vụ này trên thế giới và tại Việt Nam. Tiến hành đánh giá khách quan xu hướng phát triển của dịch vụ và khả năng triển khai ứng dụng dịch vụ tại Việt Nam. Đề xuất một số giải pháp ứng dụng tiêu chuẩn IBB, HbbTV vào thực tiễn cung cấp dịch vụ truyền hình tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18196

78955. 11-2021. **Nghiên cứu về công nghệ truyền dữ liệu cự ly ngắn bằng ánh sáng (LiFi) và khả năng ứng dụng/** PGS.TS. Đặng Thế Ngọc, TS. Lê Hải Châu; TS. Phạm Thị Thúy Hiền; ThS. Nguyễn Thị Thu Nga; TS. Phạm Anh Thư; ThS. Lê Tùng Hoa - Hà Nội - Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, 2020 - 01/2020 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu một số vấn đề và xu thế công nghệ truyền dữ liệu cự ly ngắn bằng ánh sáng (LiFi). Tiến hành phân tích hiệu năng hệ thống LiFi trong mỗi kịch bản ứng dụng, cụ thể: Ứng dụng LiFi cho hệ thống thông tin trong nhà; Ứng dụng LiFi cho hệ thống thông tin và xe cộ; Ứng dụng LiFi cho hệ thống định vị trong nhà và ứng dụng LiFi cho hệ thống truyền thông dưới nước. Qua đó đánh giá nhu cầu và tiềm năng ứng dụng công nghệ truyền dữ liệu cự ly ngắn bằng ánh sáng và đề xuất khả năng ứng dụng công nghệ truyền dữ liệu cự ly ngắn bằng ánh sáng tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18227

#### **203. Kỹ thuật cơ khí**

72757. 11-2021. **Thiết kế chế tạo dây chuyền sản xuất gạch không nung. Công suất 15 triệu viên/năm./** TS. Phạm Xuân Khánh, TS. Phạm Xuân Khánh; TS. Trần Xuân Ngọc; TS. Ngô Mạnh Tiến; ThS. Nguyễn Trung Dũng; ThS. Trần Xuân Dũng; thS. Ngô Minh Nhật; thS. Nguyễn Hùng Cường; KS. Phạm Tiên Bắc; KS. Lã Đình Hội; KS. Hoàng Văn Tùng; ThS. Phạm Đức Diễn. - Hà Nội - Trường

Cao đẳng nghề Công nghệ cao Hà Nội, 2018 - 01/2015 - 06/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Sau hơn 2 năm triển khai thực hiện, dự án đã thiết kế, chế tạo các hệ thống dây chuyền sản xuất gạch và tiến hành chạy thử với kết quả đạt yêu cầu và cho sản phẩm gạch đạt các tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam. Xây dựng được bộ tài liệu hóa kỹ thuật sản xuất gạch không nung bằng công nghệ phù hợp với điều kiện của Việt Nam; Đào tạo được 2 nhân viên kỹ thuật lắp đặt và bảo trì hệ thống, 4 công nhân vận hành thành thạo dây chuyền sản xuất gạch không nung; Sản xuất thử nghiệm gạch không nung loại 2 lỗ, kích thước 60×100×210mm, số lượng 1000 viên và đã được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6477:2011. Dự án cũng đã đưa ra những đề xuất mang tính tích cực trong công tác tuyên truyền, thông tin cho các cơ quan quản lý Nhà nước, các chủ thể trong hoạt động xây dựng và người dân nhận thức rõ những ưu điểm, lợi thế trong việc sản xuất, sử dụng vật liệu xây không nung, đồng thời thấy được những tác động tiêu cực của việc sản xuất và sử dụng gạch đất sét nung. Dự án cũng đã nghiên cứu, xây dựng và triển khai dây chuyền sản xuất gạch không nung công suất 15 triệu viên/năm tự vật liệu xây dựng không nung XMCL. Dây chuyền sản xuất vận hành liên tục và ổn định. Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn mác gạch M75 theo TCVN 6477:2011.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-27/ĐK-TTTT&TK

### **20301. Kỹ thuật cơ khí nói chung**

78961. 11-2021. **Nghiên cứu công nghệ và thiết kế hệ thống nâng từ đơn giản để giảm thiểu ma sát cơ khí, phục vụ công tác đào tạo.**/ TS. Nguyễn Thị Việt Hương, ThS. Chu Thị Thùy Giang; ThS. Nguyễn Thị Lan Hương; ThS. Nguyễn Thái Bình; ThS. Mai Thị Thanh Bình; ThS. Nguyễn Mạnh Hiền; ThS. Chu Văn Nhã; ThS. Đinh Quang Ninh; ThS. Phạm Thị Thanh Hương; ThS. Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thái Nguyên - Trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên, 2020 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan tình hình nghiên cứu trong nước và ngoài nước về hệ thống nâng từ và các bài toán điều khiển nâng từ. Nghiên cứu, lựa chọn thiết kế và chế tạo thành công hệ thống nâng từ - Magnetic Levitation. Xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng và bài tập thực hành liên quan đến mô hình thí nghiệm hệ nâng từ - Magnetic Levitation. Tiến hành áp dụng thử nghiệm, hiệu chỉnh mô hình.

Số hồ sơ lưu: 18216

### **20304. Chế tạo máy động lực**

78980. 11-2021. **Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo bộ biến tần điều khiển động cơ xoay chiều ba pha.**/ TS. Phạm Tâm Thành, ThS. Nguyễn Thanh Vân; PGS.TS. Nguyễn Hồng Vân; TS. Đặng Hồng Hải; ThS. Vũ Ngọc Minh; ThS. Lê Thị Hiền; ThS. Trần Tiến Lương; ThS. Vũ Thị Thu; ThS. Lục Thị Thu Hương; ThS. Nguyễn Trung Kiên - Hải Phòng - Trường Đại học Hàng hải Việt

Nam, 2021 - 03/2018 - 02/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan tình hình nghiên cứu, ứng dụng trong nước và quốc tế về thiết kế bộ biến tần điều khiển động cơ xoay chiều ba pha. Nghiên cứu cấu trúc bộ biến tần, cấu trúc bộ nghịch lưu nguồn áp xoay chiều ba pha, cấu trúc điều khiển động cơ xoay chiều ba pha và xây dựng mô hình mô phỏng bộ biến tần. Thiết kế, chế tạo mạch lực bộ biến tần, Nghiên cứu vi xử lý tín hiệu số DSP và phần mềm lập trình. Thiết kế và chế tạo mạch điều khiển của bộ biến tần dựa trên nền tảng uC/uP và hệ thống điều khiển nhúng. Thiết kế và viết mã chương trình điều khiển bộ biến tần. Cài đặt thuật toán điều khiển bộ biến tần trong các uC/uP. Xây dựng các bài toán thử nghiệm phục vụ công tác đào tạo nhân lực chất lượng cao ngành Tự động hóa.

Số hồ sơ lưu: 18233

### **20305. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy nông nghiệp**

78890. 11-2021. **Nghiên cứu hoàn thiện thiết kế, quy trình công nghệ chế tạo thiết bị gieo hạt (cải tiến và phát triển sáng chế 3399)/** TS. Phạm Hoàng Thắng, CN. Trần Thanh Kim Tuyền; CN. Danh Út; KS. Trần Bá Hoàng; CN. Đinh Trọng Nghĩa; ThS. Lưu Quốc Tại; CN. Nguyễn Văn Mạnh; TS. Nguyễn Văn Khải; KS. Đào Văn Múc; CN. Hà Văn Thạnh; CN. Đào Văn Hiền; KTV. Vũ Quỳnh Anh; KS. Trần Quyết Thắng - Cần Thơ - Công ty TNHH Sản xuất máy nông nghiệp Hoàng Thắng, 2020 - 11/2017 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Cải tiến và phát triển sáng chế 3399 nhằm hoàn thiện quy trình công nghệ chế tạo bộ khuôn mẫu chính xác phục vụ sản xuất các thiết bị gieo hạt phù hợp với đặc điểm thổ nhưỡng của các vùng miền ở nước ta. Tiên hành, xây dựng quy trình công nghệ chế tạo thiết bị gieo hạt sử dụng công nghệ ép nén có khuôn mẫu định hình chính xác, chắc chắn, ít hao tổn nguyên liệu, sản xuất nhanh hơn, đạt hiệu quả kinh tế.

Số hồ sơ lưu: 18199

### **20313. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị năng lượng**

78835. 11-2021. **Nghiên cứu, xây dựng các giải pháp, quy chế và xây dựng quy trình về quản lý, tổ chức thực hiện dự án Nhà máy nhiệt điện áp dụng Cơ chế 1791/** ThS. Lê Xuân Quý, ThS. Đinh Việt Hải; Kỹ sư. Phạm Công Thành; ThS. Tạ Trung Dũng; ThS. Phạm Văn Hùng; Cử nhân. Nguyễn Đức Thịnh; TS. Dương Văn Long; Kỹ sư. Vũ Văn Điệp; Kỹ sư. Nguyễn Mạnh Hùng; Cử nhân. Lê Thị Thu Hạnh; ThS. Nguyễn Quang Hưng; Kỹ sư. Trần Đức Quảng; Cử nhân. Ngô Thị Minh; Cử nhân. Nguyễn Thị Thu Thủy - Hà Nội - Viện nghiên cứu cơ khí, 2020 - 01/2016 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng cơ sở dữ liệu về năng lực các doanh nghiệp cơ khí trong nước cho từng hạng mục được nội địa hóa theo hướng chuyên môn hóa; Xây dựng và đề xuất cơ chế, chính sách để thực hiện các nội dung theo Quyết định 1791; Từ đó xây dựng bộ quy trình về quản lý dự án thực hiện

thiết kế, chế tạo các thiết bị nhiệt điện theo Quyết định 1791.

Số hồ sơ lưu: 18186

**20314. Kỹ thuật và công nghệ liên quan đến hạt nhân**

77286. 11-2021. Nghiên cứu, tính toán các đặc trưng neutron, thủy nhiệt và phân tích an toàn lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu do Liên bang Nga đề xuất cho Trung tâm Khoa học và Công nghệ hạt nhân Việt Nam/ PGS.TS. Nguyễn Nhị Điền, ThS. Huỳnh Tôn Nghiêm; ThS. Nguyễn Kiên Cường; CN. Lê Vĩnh Vinh; ThS. Trần Quốc Dưỡng; ThS. Võ Đoàn Hải Đăng; ThS. Bùi Phương Nam; CN. Hồ Nguyễn Thành Vinh; ThS. Lương Bá Viên; CN. Nguyễn Minh Tuấn; ThS. Phạm Quang Huy; KS. Nguyễn Mạnh Hùng - Lâm Đồng - Viện Nghiên cứu Hạt Nhân, 2020 - 06/2016 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tính toán các đặc trưng neutron, thủy nhiệt và phân tích an toàn lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu mới. Đề xuất, lựa chọn được cấu hình thiết kế phù hợp cho lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu của Trung tâm KH&CN hạt nhân cho Việt Nam. Nghiên cứu tính toán một số cấu hình vùng hoạt và các thành phần liên quan như nhiên liệu, vành phản xạ, các kênh chiếu xạ, ... để đánh giá các đặc trưng neutron, thủy nhiệt và phân tích an toàn của lò phản ứng, nhằm đảm bảo phù hợp với các định hướng khai thác trong nghiên cứu, sản xuất và dịch vụ, đồng thời hỗ trợ chương trình phát triển điện hạt nhân của Việt Nam trong tương lai.

Số hồ sơ lưu: 17517

**20399. Kỹ thuật cơ khí, chế tạo máy khác**

78859. 11-2021. Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực hàn phù hợp với chuẩn mực quốc tế phục vụ ngành cơ khí chế tạo/ ThS. Vương Thanh Phương, ThS. Đỗ Hải Tĩnh; Kỹ sư. Nguyễn Gia Vinh; Kỹ sư. Nguyễn Duy Ninh; Kỹ sư. Đào Mạnh Quỳnh; Kỹ sư. Trần Văn Thanh; KTV. Nguyễn Cảnh Khương; Kỹ sư. Phan Minh Khôi; KTV. Trần Hùng Phong; Cử nhân. Vũ Thị Hoa - Hà Nội - Trung tâm Đào tạo và Chuyển giao công nghệ Việt - Đức (Nay là Trung tâm chuyên giao công nghệ Việt - Đức), 2019 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng, thiết kế 8 chương trình đào tạo nhân sự hàn. Biên tập 8 tài liệu đào tạo nhân sự hàn. Tổ chức 08 khóa đào tạo cho 320 học viên đến từ các doanh nghiệp cơ khí chế tạo hoặc các trường nghề, trung tâm đào tạo nghề...với các khóa học: công nhân hàn, giám sát hàn, chuyên gia hàn, đảm bảo chất lượng hàn và các phương pháp kiểm tra không phá hủy nhằm nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, giúp các doanh nghiệp cơ khí chế tạo có thể cạnh tranh lành mạnh trên thị trường trong và ngoài nước. Cung cấp kiến thức, kỹ năng cần thiết để góp phần nâng cao năng lực của đội ngũ nguồn nhân lực kỹ thuật hàn cho ngành cơ khí chế tạo để phù hợp với các chuẩn mực quốc tế.

Số hồ sơ lưu: 18193

**204. Kỹ thuật hóa học****20401. Sản xuất hóa học công nghiệp nói chung (nhà máy, sản phẩm)**

79019. 11-2021. **Nghiên cứu công nghệ sản xuất mực in sử dụng cho máy in kỹ thuật số trong công nghiệp sản xuất gạch ốp lát/** KS. Nguyễn Đức Thuận, KS. Nguyễn Thu Hà; KS. Hoàng Bá Thịnh; CN. Nguyễn Văn Tú - Hà Nội - Viện nghiên cứu sành sứ thủy tinh công nghiệp, 2021 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về công nghệ in kỹ thuật số cho gạch ốp lát và mực in tương ứng. Nghiên cứu công nghệ gia công chất màu cho mực in kỹ thuật số trong sản xuất gạch ốp. Lựa chọn dung môi, phụ gia và nghiên cứu công nghệ pha chế mực in kỹ thuật số. Xây dựng quy trình công nghệ sản xuất mực in kỹ thuật số trong sản xuất gạch ốp lát. Chế thử sản phẩm mực in màu xanh (blue) và thử nghiệm tại nhà máy.

Số hồ sơ lưu: 18247

**20402. Kỹ thuật quá trình hóa học nói chung**

78818. 11-2021. **Nghiên cứu cấu trúc và bản chất liên kết hóa học của một số hệ phức kim loại chuyển tiếp chứa phối tử pentamethylcyclopentadienyl ( $Cp^*$ ) và nhóm 13 diyl ( $ECp^*$ )<sub>1;2</sub> ( $E = B - Tl$ ) bằng tính toán hóa lượng tử/** PGS.TS. Nguyễn Thị Ái Nhung, GS.TS. Dương Tuấn Quang; PGS.TS. Phạm Văn Tất; TS. Đặng Tấn Hiệp; ThS. Huỳnh Thị Phương Loan - Thừa Thiên - Huế - Trường

Đại học Khoa học-Đại học Huế, 2020 - 12/2019 - 07/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thiết kế và xác định mô hình tính toán lý thuyết với đầy đủ tính chất đặc trưng của hệ phức kim loại và kim loại chuyển tiếp như Mo, W, Al, Ag, Pt, ... với các phối tử riêng biệt, từ đó đề nghị phương pháp tính phù hợp cho mỗi hệ phức. Xác định cấu trúc hình học và cấu trúc điện tử ứng với trạng thái năng lượng thấp nhất, khảo sát sự ảnh hưởng của các kim loại và kim loại chuyển tiếp với các phối tử chứa  $Cp^*$ , nhóm 13 diyl, nhóm 14 ylidone, nhóm 14-tetrylene gồm  $X(ECp^*)_2$ ,  $X(PR_3)_2$ ,  $(NHX)_2$  với E thay đổi từ B đến Tl và X thay đổi từ C đến Pb. Nghiên cứu tính chất và phát triển mô hình liên kết hóa học, thiết lập các hình thành liên kết của các hệ phức chứa các phối tử gồm  $Cp^*$  với nhóm 13 diyl, nhóm 14 ylidone, nhóm 14-tetrylene gồm  $X(ECp^*)_2$ ,  $X(PR_3)_2$ ,  $(NHX)_2$ . Đề nghị cơ chế hình thành cấu trúc và tính chất của các hệ phức nghiên cứu, cơ chế này quyết định sự thay đổi về tính chất hóa học của phối tử và hệ phức khi thay đổi kim loại chuyển tiếp. Phát triển mô hình liên kết hóa học trong hệ phức khi khảo sát ảnh hưởng của sự tương tác phân tán vào độ mạnh yếu của các liên kết chính trong hệ phức; phân tích orbital liên kết tự nhiên, phân tách các hợp phần năng lượng (EDA-NOCV) và thử hoạt tính của các hệ phức đặc trưng được chọn.

Số hồ sơ lưu: 18177

**20403. Kỹ thuật hoá dược**

76916. 11-2021. **Nghiên cứu xây dựng quy trình tổng hợp hoạt chất obidoxime chloride làm nguyên liệu dược/** TS. Vũ Ngọc Toán, CN. Lê Hồng Minh; GS.TS. Nguyễn Đình Thành; TS. Trịnh Đắc Hoàn; TS. Nguyễn Thị Thuận; CN. Nguyễn Minh Trí; TS. Nguyễn Thị Nhung; TS. Đỗ Thúy Nga; ThS. Nguyễn Thanh Bình; TS. Phạm Thị Nguyệt Hằng - Hà Nội - Viện Hóa học - Vật liệu, 2019 - 12/2017 - 06/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng quy trình tổng hợp, đánh giá cấu trúc, độ tinh khiết, giá trị LD50 của hoạt chất obidoxime chloride, quy mô 5-10 g/mẻ, hiệu suất toàn bộ quy trình tổng hợp đạt 30-40 % dùng làm nguyên liệu dược. Xây dựng quy trình đánh giá chất lượng của sản phẩm làm nguyên liệu dược. Thử nghiệm khả năng giải độc của sản phẩm trên in vitro đối với men AChE.

Số hồ sơ lưu: HCM-004-2020

**205. Kỹ thuật vật liệu và luyện kim**

75690. 11-2021. **Nghiên cứu công nghệ và thiết bị tôi cục bộ bề mặt phức tạp dùng cho công nghiệp khuôn mẫu/** ThS. Nguyễn Vinh Dự, PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hà; PGS. TS. Đặng Thành Trung; TS. Phạm Sơn Minh; ThS. Lê Quốc Phong; ThS. Trần Minh Thế Uyên; ThS. Lê Thanh Đức; ThS. Lê Thành Nhân; KS. Trịnh Thái Xiêm; KS. Trần Trung Trực; TS. Vũ Quang Huy - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm

Ứng dụng Tiến bộ Khoa học và Công nghệ, 2018 - 12/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Công nghệ tôi cục bộ cho các bề mặt phức tạp được ứng dụng trong nhiều lĩnh vực trong công nghiệp. Quy trình xử lý nhiệt cho bề mặt chi tiết được xử dụng nhằm nâng cao độ cứng của bề mặt các chi tiết làm bằng thép. Trang thiết bị phục vụ cho quy trình tôi cục bộ đã được nghiên cứu và chế tạo, sau đó, một số thí nghiệm đã được tiến hành với chi tiết làm từ thép C45, CT3, và C50. Kết quả thử nghiệm cho thấy phương pháp tôi cục bộ có thể nâng cao độ cứng bề mặt chi tiết từ khoảng 30 HRC đến trên 45 HRC, khả năng tôi phụ thuộc và từng loại thép. Nghiên cứu chế tạo hoàn thiện: cụm CNC dùng trong quá trình điều khiển vị trí của chi tiết cần tôi; mẫu chi tiết “cần gạt” phục vụ cho quá trình thử nghiệm; quy trình mô phỏng phân bố nhiệt độ của chi tiết trong quá trình tôi; quy trình vận hành hệ thống tôi cục bộ.

Số hồ sơ lưu: HCM-0286-2018

77837. 11-2021. **Nghiên cứu chế tạo vật liệu phát xạ đỏ và đỏ xa trên cơ sở SnO<sub>2</sub>, ZnO-SnO<sub>2</sub> pha tạp carbon nhằm ứng dụng cho diốt phát quang ánh sáng trắng có chỉ số CRI cao./** TS. Nguyễn Tư, PGS.TS. Nguyễn Trí Tuấn; TS. Đoàn Minh Thủy; ThS. Lê Thị Thảo Viễn; ThS. Nguyễn Văn Nghĩa - Bình Định - Trường Đại học Quy Nhơn, 2020 - 04/2017 - 04/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu quy trình tổng hợp bột SnO<sub>2</sub> pha tạp C phát xạ ánh sáng đỏ xung quanh bước sóng 600-750 nm. Hình thái, cấu trúc và tính chất quang của bột SnO<sub>2</sub>:C. Quy trình tổng hợp vật liệu tổ hợp ZnO-SnO<sub>2</sub> pha tạp C cho phát xạ ánh sáng trắng. Tính cấu trúc, hình thái bề mặt và chất quang của vật liệu tổ hợp ZnO-SnO<sub>2</sub> pha tạp C. Phát triển quy trình công nghệ để chế tạo bột SnO<sub>2</sub> pha tạp C phát xạ mạnh vùng ánh sáng đỏ có bước sóng từ 600-750 nm. Quy trình phải đơn giản, rẻ tiền, độ lặp lại cao và làm sáng tỏ nguồn gốc các phát xạ đỏ của bột SnO<sub>2</sub>:C. Phát triển quy trình công nghệ mới để chế tạo bột ZnO-SnO<sub>2</sub> pha tạp C cho phát xạ ánh sáng trắng có bước sóng từ 400-850 nm, nhằm định hướng ứng dụng trong các đèn white LED có chỉ số CRI cao.

Số hồ sơ lưu: 17781

### **20501. Kỹ thuật nhiệt trong luyện kim**

74271. 11-2021. Nghiên cứu xử lý chất thải flo phát sinh trong quá trình chế biến quặng apatit tạo ra sản phẩm nhôm florua và criolit/ TS. Hoàng Anh Tuấn, ThS. Nguyễn Quang Hợp; TS. Dương Mạnh Tiến; ThS. Vũ Quang Dương; ThS. Nguyễn Thị Hoài; TS. Nguyễn Việt Hùng; ThS. Trần Thị Bích Thủy; ThS. Bùi Thị Hiếu; ThS. Giáp Thị Hải Linh - Hà Nội - Viện Hóa học Công nghiệp Việt Nam, 2019 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Xử lý chế biến sâu và sử dụng có hiệu quả chất thải flo phát sinh trong quá trình chế biến quặng apatit Việt Nam theo phương pháp hóa học, tạo

ra sản phẩm mới (nhôm florua và criolit) thay thế hàng nhập khẩu và giải quyết vấn đề môi trường. Đưa ra các thông số kỹ thuật về: chế độ nạp liệu, lượng NH<sub>3</sub> cần dùng, nhiệt độ phản ứng, tốc độ khuấy trộn, nồng độ dung dịch H<sub>2</sub>SiF<sub>6</sub>, nồng độ dung dịch NH<sub>3</sub> để xử lý dung dịch H<sub>2</sub>SiF<sub>6</sub> bằng dung dịch NH<sub>3</sub> nhằm thu hồi dung dịch NH<sub>4</sub>F. Nghiên cứu tách lọc kết tủa Si(OH)<sub>4</sub> bằng cách lọc nóng ở 60 °C và sử dụng chất trợ lọc CTAB với nồng độ 0,005%. Dung dịch NH<sub>4</sub>F thu được có nồng độ 16%. Nghiên cứu đưa ra các thông số cụ thể về nhiệt độ, thời gian phản ứng; tốc độ khuấy trộn; nồng độ dung dịch NaOH để điều chế dung dịch Na<sub>3</sub>AlO<sub>3</sub> từ NaOH và Al(OH)<sub>3</sub>.

Số hồ sơ lưu: 16385

### **20503. Kỹ thuật và công nghệ sản xuất kim loại và hợp kim màu**

79268. 11-2021. Hoàn thiện công nghệ và thiết bị tạo viên sử dụng hệ chất kết dính tiên tiến để chế tạo nguyên liệu cho sản xuất phốt pho vàng từ quặng apatit cấp hạt nhỏ/ ThS. Vũ Tuấn Anh, GS.TS. Vũ Thị Thu Hà; TS. Đỗ Thanh Hải; TS. Nguyễn Thị Thu Trang; TS. Dương Văn Long; Lê Quốc Hùng; PGS.TS. Mai Ngọc Chúc; KS. Vũ Văn Thuận; TS. Đỗ Mạnh Hùng; TS. Nguyễn Văn Chúc; CN. Hoàng Trọng Hà; TS. Hoàng Thân Hoài Thu; KS. Mai Ngọc Anh Tuấn; KS. Nguyễn Hữu Đức; KS. Phạm Nam Phong; KS. Nguyễn Tất Anh; CN. Nguyễn Thị Hoài An; ThS. Nguyễn Ngọc Thụy; ThS. Nguyễn Mạnh Dương; KS. Nguyễn Quang Minh;



Bùi Tô Phương Thảo; Phùng Nam Hải; ThS. Trần Thị Liên; CN. Lâm Thị Tho; KS. Dương Quang Thắng; CN. Nguyễn Thị Bảy; Nguyễn Thị Thu Hà; Lê Phương Anh; Bùi Văn Cừ - Hà Nội - Phòng Thí nghiệm trọng điểm Công nghệ lọc, hóa dầu, 2020 - 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thiết kế, chế tạo và lắp đặt hệ thống thiết bị hoàn chỉnh và phù hợp để sản xuất viên quặng. Nghiên cứu qui trình công nghệ ép viên quặng apatit loại I cấp hạt nhỏ, sử dụng hệ chất kết dính mới và tiến hành sản xuất thử nghiệm ở điều kiện công nghệ ổn định, ở qui mô công nghiệp. Đồng thời, thử nghiệm thành công việc sử dụng quặng ép viên thay thế 60% quặng apatit loại I dạng cục, làm nguyên liệu sản xuất phốt pho vàng. Xây dựng thành công qui trình công nghệ sản xuất quặng ép viên sử dụng chất kết dính thế hệ mới và qui trình công nghệ sử dụng viên quặng đã chế tạo để sản xuất phốt pho vàng.

Số hồ sơ lưu: 18435

### **20507. Vật liệu xây dựng**

78960. 11-2021. **Nghiên cứu làm chủ, ứng dụng công nghệ sản xuất gạch granite thấm muối tan công suất 3.000.000 m<sup>2</sup>/ năm/** KS. Nguyễn Thị Kim Huệ, CN. Nguyễn Quang Huy; CN. Dương Quốc Chính; KS. Đỗ Phúc Viện; CN. Tạ Quang Vững; CN. Ngô Thị Học; KS. Kiều Sơn Hùng; KS. Nguyễn Văn Kiêm; KS. Vũ Quang Bảy; KS. Ngô Thị Kim Thoa; CN. Nguyễn Hồng Quân; CN. Nguyễn Thị Ngân Hà; CN. Lê Trung Nguyên; CN.

Nguyễn Thành Chung; CN. Nguyễn Văn Quân; CN. Đào Mạnh Hiền; KS. Lê Hồng Ánh; KS. Nguyễn Bình Dương; CN. Vũ Thị Loan; KS. Phạm Anh Tuấn; CN. Nguyễn Ngọc Hoàn; KS. Bùi Thị Thu Hiền; ThS. Nguyễn Hữu Tài; ThS. Nguyễn Minh Quỳnh; KS. Nguyễn Văn Trung; CN. Lê Thanh Nghị; CN. Lê Đức Anh; CN. Tạ Đức Hà; KS. Phùng Quang Huy; KS. Đặng Thái Sơn; CN. Hán Văn Hợi; KTV. Vũ Trọng Phú; KTV. Nguyễn Quốc Khánh; KS. Nguyễn Thành Hưng; KTV. Nguyễn Ngọc Hải; CN. Nguyễn Quang Vinh; KTV. Lê Trung Chiến - Phú Thọ - Công ty cổ phần CMC, 2020 - 11/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tiến hành lựa chọn loại, vùng nguyên vật liệu trong nước phục vụ sản xuất. Xây dựng tỷ lệ và quy trình phối liệu chế biến nguyên liệu sản xuất xương gạch và vật liệu ướt từ nguồn nguyên liệu trong nước. Nghiên cứu nhằm làm chủ công nghệ sản xuất gạch Granite thấm muối tan và nâng cao trình độ công nghệ và kỹ năng sản xuất cho đội ngũ cán bộ và công nhân kỹ thuật của công ty. Hoàn thiện, vận hành quy trình công nghệ sản xuất hiện đại và đem lại hiệu quả kinh tế cao cho công ty phù hợp với xu hướng công nghệ của thế giới.

Số hồ sơ lưu: 18225

### **20511. Màng mỏng, vật liệu sơn, vật liệu phủ**

78982. 11-2021.  **nghiên cứu chế tạo men phủ kim loại/** ThS. Nguyễn Thị Luyên, KS. Trần Đoàn Trường; KS. Nguyễn Thu Hà - Hà

Nội - Viện nghiên cứu sành sứ thủy tinh công nghiệp, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về men, kim loại được tráng men và các sản phẩm men phủ kim loại. Nghiên cứu đơn phối liệu frit cho men phủ và men lót, Xây dựng quy trình tạo frit và quy trình tráng men lên sản phẩm kim loại. Xây dựng quy trình xử lý bề mặt gang xám và quy trình phủ men, nung sản phẩm. Xác định chế độ nung hợp lý và chế thử sản phẩm, đánh giá chất lượng.

Số hồ sơ lưu: 18235

### **20513. Gỗ, giấy, bột giấy**

79246. 11-2021. **Nghiên cứu công nghệ oxi hóa xúc tác để khử màu nước thải nhà máy sản xuất giấy bao bì công nghiệp/** ThS. Cao Thị Bình, ThS. Nguyễn Đăng Toàn; ThS. Hồ Thị Thúy Liên; KS. Hà Kim Chung; ThS. Lưu Trung Thành; ThS. Trần Thanh Nga; KS. Đặng Anh Tuấn; CN. Nguyễn Quang Hải - Phú Thọ - Trường Cao đẳng Công Thương Phú Thọ, 2020 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan tài liệu về công nghệ xử lý nước thải sản xuất giấy bao bì và tổng quan khử màu nước thải bằng công nghệ oxi hóa xúc tác. Khảo sát, đánh giá thực trạng công nghệ và thiết bị xử lý nước thải sản xuất giấy bao bì của Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì. Tiến hành nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ khử màu nước thải sản xuất giấy bao bì công nghiệp bằng công nghệ oxi hóa xúc tác và nghiên cứu thiết kế, chế tạo mô hình thiết bị khử

màu nước thải sản xuất giấy bao bì bằng công nghệ oxi hóa xúc tác công suất 100 lít t/m<sup>3</sup>. Thử nghiệm khử màu nước thải của Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì bằng công nghệ oxi hóa xúc tác trên mô hình thiết bị pilot, tiến tới đánh giá sơ bộ hiệu quả kỹ thuật và môi trường.

Số hồ sơ lưu: 18419

79262. 11-2021. **Hoàn thiện công nghệ và thiết bị sản xuất giấy in khối lượng riêng thấp./** TS. Cao Văn Sơn, KS. Đỗ Thị Thu Nguyệt; KS. Mai Bảo Ngọc; KS. Trần Thị Ninh; KS. Nguyễn Tuấn Phong - Hà Nội - Viện công nghiệp giấy và xenlulô, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu hoàn thiện quy trình công nghệ giấy in khối lượng riêng thấp: Các thông số công nghệ công đoạn chuẩn bị bột, công đoạn ép, sấy, gia keo bề mặt. Hoàn thiện dây chuyền sản xuất giấy in khối lượng riêng thấp, công suất 3 tấn/ ngày: Cải tạo hệ thống hơi sấy, các lô ép gia keo, ép quang... . Tiến hành sản xuất thử nghiệm 200 tấn giấy in khối lượng riêng thấp đạt yêu cầu chất lượng: Khối lượng riêng 90%; các tính chất cơ lý đạt TCVN 6886:2001. Đánh giá sơ bộ hiệu quả kinh tế, kỹ thuật của việc nghiên cứu hoàn thiện quy trình công nghệ giấy in khối lượng riêng thấp.

Số hồ sơ lưu: 18417

### **206. Kỹ thuật y học**

76547. 11-2021. **Nghiên cứu chế tạo phòng thí nghiệm trên chip (lab-on-a-chip) với giá thành thấp để thực hiện phản ứng lamp**

**khuếch đại ADN tại chỗ/** KS. Nguyễn Hoàng Tuấn, Võ Văn Tới; Huỳnh Chấn Khôn; Nguyễn Thanh Tâm; Thạch Nguyễn Bích Hà; Lý Bảo Hân - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2019 - 06/2018 - 04/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Để chế tạo một hệ vi lưu, việc quan trọng nhất là phải tạo khắc thành công khuôn mẫu cho hệ vi lưu đó. Các phương pháp phổ biến hiện nay để tạo khuôn thường đòi hỏi các kỹ thuật phức tạp, thiết bị quang khắc hiện đại, và phòng thí nghiệm sạch. Tập trung phát triển một quy trình chế tạo khuôn cho hệ vi lưu bằng vật liệu rẻ tiền và kỹ thuật đơn giản. Quy trình này sẽ giúp quá trình chế tạo khuôn được đơn giản hóa tối đa và giảm thiểu đáng kể chi phí sản xuất, tránh việc đầu tư phòng thí nghiệm quang khắc hiện đại với các thiết bị đắt tiền. Khuôn tạo thành sau đó sẽ được dùng để đúc vật liệu PDMS để tạo chip. Chế tạo thiết bị AMchip với thiết kế hệ vi lưu và bộ cung cấp nhiệt giúp thực hiện phản ứng LAMP khuếch đại ADN tại chỗ ứng dụng cho các xét nghiệm chẩn đoán bệnh truyền nhiễm.

Số hồ sơ lưu: HCM-009-2020

77810. 11-2021. **Phát triển các phương pháp học máy để khai thác bệnh án điện tử cho chăm sóc sức khỏe và nghiên cứu y học/** GS.TSKH. Hồ Tú Bảo, GS.TSKH. Nguyễn Hùng Sơn; PGS.TS. Nguyễn Xuân Long; TS. Bùi Hải Hưng; GS.TS. Phùng Quốc Định; PGS.TS. Ngô Quang Hưng - Tp. Hồ Chí Minh - Viện John von Neumann,

2019 - 03/2018 - 09/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phát triển một số phương pháp và thuật toán khai thác bệnh án điện tử tiếng Việt cho một số bài toán quan trọng trong khám chữa bệnh. Chia sẻ (chuyên gia) của các chuyên gia về các tiến bộ mới của ngành học máy để hỗ trợ thực hiện phát triển phương pháp và thuật toán khai thác bệnh án điện tử tiếng Việt cho một số bài toán quan trọng trong khám chữa bệnh cũng như với cộng đồng học máy ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17769

77811. 11-2021. **Phát triển công nghệ thông tin điện tử NeuroDrug Design ứng dụng trong thiết kế và tổng hợp các phối tử dùng trong chẩn đoán hình ảnh não bộ và dẫn truyền thuốc cho các bệnh thoái hoá thần kinh/** PGS.TS. Nguyễn Thế Toàn, CN. Đỗ Thị Ngọc; TS. Đỗ Minh Hà; TS. Lê Thị Hải Yến; TS. Nguyễn Hòa Mi; TS. Nguyễn Thùy Trang; ThS. Vũ Văn Quyền; ThS. Trần Kỳ Thanh; CN. Công Phương Cao; CN. Nguyễn Thiện Tâm; CN. Hoàng Gia Linh; CN. Vũ Đình Hồng Phúc; CN. Nguyễn Thị Hoa; CN. Lê Hoàng Phong; CN. Lại Thị Thu Hiền; CN. Nguyễn Hải Lý - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2019 - 05/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng mô hình protein TSPO đơn thể của người dùng phương pháp homology modelling, so sánh cấu trúc TSPO đơn thể của người khi có và không có phối tử PKA. Xây dựng mô hình protein TSPO nhị thể

của người dùng phương pháp homology modelling, mô phỏng gắn phối tử PK11195. Khảo sát vai trò của màng ty thể, của cholesterol lên cấu trúc TSPO, phức hợp phối tử - thụ thể PK11195 và TSPO. Phân tích mô hình tương tác phối tử PK11195 – TSPO tiến tới sàng lọc thuốc cho đích TSPO.

Số hồ sơ lưu: 17768

### **20601. Kỹ thuật và thiết bị y học**

78800. 11-2021. **Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo một số sản phẩm cấy ghép sử dụng trong y tế bằng hợp kim titan y sinh mác Ti-6Al-7Nb; Ti-5Al-2,5Fe và đánh giá độ an toàn của sản phẩm/** TS. Nguyễn Tiến Tài, TS. Hoàng Anh Tuấn; Kỹ sư. Nguyễn Thanh Tùng; Kỹ sư. Nguyễn Ngô Kiên; Kỹ sư. Phan Khắc Hùng; Kỹ sư. Ngô Bảo Trung; PGS.TS. Ngô Duy Thìn; TS. Lê Thị Hồng Nhung; PGS.TS. Nguyễn Xuân Thùy; PGS.TS. Trần Trung Dũng - Hà Nội - Viện công nghệ, 2020 - 11/2016 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ, nấu luyện, chế tạo phối hợp kim titan; Nghiên cứu công nghệ gia công, chế tạo các chi tiết cấy ghép từ hợp kim titan; Thử nghiệm an toàn sinh học và khả năng cấy ghép; Thử nghiệm trên lâm sàng diện hẹp (180 ngày). Từ đó thực hiện nghiên cứu chế tạo vật liệu hợp kim titan y sinh, đánh giá độ an toàn của sản phẩm trên cơ sở một số những nghiên cứu đã được thực hiện trên thế giới.

Số hồ sơ lưu: 18167

78891. 11-2021. **Nghiên cứu thiết kế, chế tạo lắp đặt nguồn ion theo công nghệ PIG cho máy gia tốc KOTRON13/** TS. Nguyễn Tiến Dũng, KS. Nguyễn Tuấn Anh; CN. Phạm Minh Đức; TS. Phan Việt Cường; ThS. Nguyễn Xuân Trường; KS. Võ Tường Hạnh; ThS. Trần Mạnh Thắng; KS. Đàm Thị Tâm; ThS. Mai Văn Vinh; Vũ Thành Long - Hà Nội - Trung tâm Chiếu xạ Hà Nội, 2019 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan nguồn ion PIG trong máy gia tốc cyclotron, mô phỏng một số thông số của nguồn ion PIG. Nghiên cứu tìm hiểu đưa ra bản vẽ thiết kế các chi tiết cơ khí của nguồn ion PIG theo kích thước mẫu nguồn ion PIG trong máy HICKOTRON13. Tiến hành lắp đặt, chạy thử nghiệm nguồn ion trên máy gia tốc HICKOTRON13, từ đó, xác định các thông số thực nghiệm về vị trí cơ khí, các thông số cài đặt cho hoạt động của nguồn ion PIG trên máy gia tốc này.

Số hồ sơ lưu: 18208

### **207. Kỹ thuật môi trường**

#### **20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật**

78810. 11-2021. **Nghiên cứu, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên đất vùng đồng bằng sông Hồng và đề xuất các giải pháp chủ động ứng phó/** PGS.TS. Lưu Thế Anh, TS. Hoàng Lưu Thu Thủy; TS. Dương Thị Lịm; TS. Nguyễn Mạnh Hà; TS. Lê Thị Thu Hiền; TS. Nguyễn Thị Thủy; ThS. Hoàng Quốc Nam; ThS. Lê Thị

Mỹ Hào; TS. Nguyễn Thị Thu Trang; ThS. Hoàng Thái Ninh - Hà Nội - Viện Địa lý, 2020 - 12/2016 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn nghiên cứu, đánh giá tác động của BĐKH đến tài nguyên đất và xây dựng quy trình nghiên cứu cho vùng ĐBSH. Điều tra, rà soát bổ sung và cập nhật số liệu và đánh giá hiện trạng và biến động số lượng, chất lượng tài nguyên đất giai đoạn 1985 - 2015 và phân tích các nguyên nhân tác động. Nghiên cứu, đánh giá nguyên nhân và mức độ tác động của BĐKH đến SDD vùng ĐBSH giai đoạn 1985 - 2015. Nghiên cứu, dự báo biến động tài nguyên đất vùng ĐBSH theo kịch bản BĐKH và NBD mới nhất. Nghiên cứu đề xuất giải pháp tổng hợp SDD hợp lý nhằm chủ động ứng phó với BĐKH và NBD vùng ĐBSH. Xây dựng cơ sở dữ liệu (CSDL) GIS về tài nguyên đất và khí hậu vùng ĐBSH phục vụ quản lý và sử dụng hợp lý tài nguyên đất trong điều kiện BĐKH và NBD.

Số hồ sơ lưu: 18168

78812. 11-2021. **Nghiên cứu xây dựng luận cứ khoa học bổ sung cho các chương trình hành động ứng phó biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh ở một số tỉnh thuộc đồng bằng sông Hồng có sự tham gia của các tổ chức xã hội/** TS. Nguyễn Khắc Bằng, ThS. Nghiêm Vũ Phong; Cử nhân. Nguyễn Việt Phong; Cử nhân. Nguyễn Hữu Hiền; Cử nhân. Nguyễn Thế Lâm; Cử nhân. Nguyễn Khắc Vinh; Kỹ sư. Nguyễn Hữu

Thiện; Cử nhân. Nguyễn Hữu Quý; Cử nhân. Tạ Minh Phương; ThS. Cán Thị Huyền - Hà Nội - Viện Nghiên cứu xã hội và phát triển công nghệ, 2020 - 03/2019 - 08/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu một số đặc điểm về môi trường, biến đổi khí hậu và hoạt động ứng phó với ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu (bđkh) ở các tỉnh Thái Bình, Hà Nam, Hải Dương, Hải Phòng. Khảo sát, đánh giá năng lực ứng phó với bđkh và bảo vệ tài nguyên môi trường (tnmt) ở các tỉnh Thái Bình, Hà Nam, Hải Dương, Hải Phòng. Đưa ra một số đề xuất bổ sung cho các chương trình hành động ứng phó với bđkh & tăng trưởng xanh với sự tham gia của các tổ chức xã hội.

Số hồ sơ lưu: 18169

78837. 11-2021. **Đánh giá ảnh hưởng từ hoạt động nuôi trồng thủy sản đến chất lượng nước và trầm tích vùng ven biển Quảng Ninh, Thái Bình và đề xuất giải pháp hạn chế ô nhiễm môi trường vùng nuôi./** TS. Dương Thị Lịm, ThS. Nguyễn Thị Lan Hương; ThS. Nguyễn Thị Huế; ThS. Đặng Trần Quân; ThS. Nguyễn Hoài Thu Hương; ThS. Nguyễn Thị Hương Thúy; ThS. Phạm Thị Dung; ThS. Đinh Phương Quỳnh - Hà Nội - Hội Khoa học Kỹ thuật Biển Việt Nam, 2020 - 05/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Để cân bằng giữa lợi ích về việc tăng sản lượng thủy sản nuôi phục vụ phát triển kinh tế, cung cấp thực phẩm cải thiện bữa ăn và các tác động đến môi trường của hoạt động

nuôi trồng thủy sản, cần có các nghiên cứu cụ thể, chi tiết về các loại hình nuôi thủy sản, tác động của việc sử dụng thức ăn công nghiệp giàu dinh dưỡng, khoáng chất bổ sung, các hóa chất xử lý ao nuôi, hóa chất phòng bệnh dịch, thuốc sử dụng trong nuôi thủy sản đến chất lượng môi trường lân cận khu vực nuôi. Nghiên cứu được tiến hành nhằm đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường trầm tích, nước ở các khu vực nuôi thủy sản vùng ven biển Thái Bình – Quảng Ninh. Từ đó đề xuất các giải pháp hạn chế tối đa các yếu tố bất lợi cho môi trường trầm tích, nước góp phần phát triển bền vững ngành nuôi thủy sản và bảo vệ cảnh quan khu vực nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: 18184

79257. 11-2021. **Nghiên cứu khử màu nước thải sản xuất bột giấy và giấy bằng phương pháp keo tụ điện hóa.**/ ThS. Tạ Thanh Tùng, KS. Nguyễn Thị Phương Thanh; TS. Nguyễn Thị Thu Hiền; KS. Lai Hoài Vũ; TS. Nguyễn Thị Thanh Hương; ThS. Phạm Đức Thắng; KS. Phan Thúy Hà; CN. Xuân Thị Thoa - Hà Nội - Viện công nghiệp giấy và xenlulô, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan chung về đặc tính nước thải và các giải pháp xử lý màu phổ biến hiện nay. Nghiên cứu điều kiện công nghệ phù hợp xử lý màu nước thải bằng công nghệ điện hóa (Electrocagulation – EC). Đồng thời nghiên cứu thiết kế, chế tạo mô hình thiết bị công nghệ keo tụ điện hóa (Electrocagulation – EC) quy mô 1,0 m<sup>3</sup> /mẻ. Ứng dụng mô hình

thiết bị công nghệ quy mô 1,0 m<sup>3</sup> /mẻ xử lý nước thải bậc 3 của nhà máy sản xuất bột giấy và hoàn thiện quy trình công nghệ, đánh giá hiệu quả xử lý và hiệu quả kinh tế.

Số hồ sơ lưu: 18418

**20703. Kỹ thuật năng lượng và nhiên liệu không phải dầu khí**

76996. 11-2021. **Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo mô hình hệ thống điện năng lượng mặt trời theo phương pháp tự động dò bám**/ TS. Hoàng Thị Phương, ThS. Nguyễn Thị Hòa; ThS. Giản Quốc Anh; ThS. Trần Văn Hạnh; ThS. Trần Hiếu; PGS.TS. Trần Đức Tân; TS. Trần Xuân Thành; ThS. Đoàn Tuấn Nam - Nam Định - Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định, 2020 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, thiết kế và xây dựng phần cứng gồm các mô-đun điện tử và viết chương trình điều khiển cho hệ thống dò bám thu năng lượng tối ưu. Chương trình tính toán vị trí mặt trời dựa trên thông tin định vị GPS thời gian thực, cảm biến góc và la bàn số, để điều khiển tấm pin theo 2 bậc tự do. Tính toán, thiết kế bộ nạp ắc-quy và bộ chuyển đổi điện công suất nhỏ một pha không nối lưới có dạng sóng đầu ra dạng sin 220V, 50Hz, công suất 1KW Mô hình được thiết kế dạng mô-đun phục vụ nghiên cứu, đào tạo ngành công nghệ kỹ thuật điện-điện tử tại các trường đại học, cao đẳng.

Số hồ sơ lưu: 17392

**20799. Kỹ thuật môi trường khác**

78813. 11-2021. **Nghiên cứu làm chủ, cải tiến và ứng dụng công nghệ Bể lọc cát tuần hoàn liên tục trong xử lý nước cấp cho sinh hoạt/** TS. Ngô Đức Trung, Kỹ sư. Mai Thảo; Kỹ sư. Phạm Ngọc Kiểm; Kỹ sư. Đỗ Minh Hải; ThS. Ngô Trần Tô Uyên; Cử nhân. Ngô Trần Đức Tín; Kỹ sư. Nguyễn Văn Sư; Kỹ sư. Trần Văn Cúc; Kỹ sư. Nguyễn Đức Bình; ThS. Hà Đức Sơn; Kỹ sư. Phan Văn Hùng; ThS. Hoàng Kim Tâm; Cử nhân. Trần Thị Minh Hiền - Quảng Nam - Công ty cổ phần Cấp thoát nước Quảng Nam, 2020 - 01/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tìm kiếm, cải tiến kỹ thuật và làm chủ công nghệ lọc cát tuần hoàn liên tục, phục vụ lọc nước ở quy mô công nghiệp. Thiết kế chế tạo mẫu bể lọc 500m<sup>3</sup>/ngày đêm và các công trình, thiết bị kèm theo. Vận hành thử nghiệm với nguồn nước đầu vào khác nhau tại các bể mẫu thử nghiệm, xác định các thông số kỹ thuật và đánh giá hiệu chỉnh. Chế tạo, lắp đặt và vận hành cụm bể lọc cát tuần hoàn liên tục của nhà máy nước với công suất 5000m<sup>3</sup>/ngày đêm.

Số hồ sơ lưu: 18173

**208. Công nghệ sinh học môi trường****20802. Xử lý môi trường bằng phương pháp sinh học; các công nghệ sinh học chẩn đoán (chip ADN và thiết bị cảm biến sinh học)**

75566. 11-2021. **Chế tạo mô hình keo tụ tạo bông ứng dụng xử**

**lý nước thải công nghiệp./** ThS. Trịnh Diệp Phương Danh, - Bình Dương - Khoa Khoa học Tự nhiên - Đại học Thủ Dầu Một, 2018 - 11/2017 - 11/2018. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu chế tạo mô hình Keo tụ tạo bông ứng dụng xử lý nước thải công nghiệp, phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học của sinh viên và giảng viên khoa Khoa Học Tự Nhiên tại trường đại học Thủ Dầu Một. Chế tạo vận hành mô hình keo tụ tạo bông, xác định pH, nồng độ tối ưu của nước thải dệt nhuộm và xi mạ, phục vụ công tác giảng dạy và phục vụ công tác nghiên cứu chuyển giao công nghệ cho sinh viên chuyên ngành Môi trường tại Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Số hồ sơ lưu: BDG-005-2019

**20899. Công nghệ sinh học môi trường khác**

78857. 11-2021. **Nghiên cứu xây dựng mô hình bảo tồn đa dạng sinh học quy mô làng, xã tại Khu Dự trữ Sinh quyển Mũi Cà Mau/** ThS. Nguyễn Minh Đức, ThS. Nguyễn Minh Đức; ThS. Nguyễn Thị My; PGS.TS. Nguyễn Quốc Huy; TS. Ngô Xuân Nam; ThS. Nguyễn Thúy Hiền; PGS.TS. Nguyễn Văn Quảng; PGS.TS. Đoàn Thị Hương Mai; PGS.TS. Mai Sỹ Tuấn; Kỹ sư. Dương Như Quỳnh; TS. Nguyễn Hồng Trường - Hà Nội - Viện Sinh thái và Bảo vệ Công trình, 2020 - 09/2017 - 09/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác lập cơ sở nghiên cứu khoa học, lý luận và thực tiễn về mô hình

bảo tồn đa dạng sinh học quy mô làng, xã; Xây dựng các mô hình quản lý KBT ĐDSH quy mô làng, xã; Xây dựng và đề xuất bộ tiêu chí, hướng dẫn kỹ thuật thành lập khu bảo tồn đa dạng sinh học quy mô làng, xã và cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển bảo tồn ĐDSH quy mô làng, xã.

Số hồ sơ lưu: 18174

## **209. Công nghệ sinh học công nghiệp**

### **20999. Công nghệ sinh học công nghiệp khác**

78796. 11-2021. **Xây dựng bản đồ công nghệ trong công nghệ vi sinh phục vụ phát triển kinh tế xã hội/** TS. Nguyễn Đức Hoàng, PGS.TS. Ngô Đình Bính; GS.TS. Lê Thanh Hòa; PGS.TS. Lê Như Kiều; PGS.TS. Tăng Thị Chính; PGS.TS. Quán Lê Hà; TS. Vũ Văn Hạnh; TS. Trần Duy Dương; TS. Đoàn Thị Thanh Hương; PGS.TS. Nông Văn Hải; PGS.TS. Nguyễn Duy Thịnh; TS. Nguyễn Hải Hà; TS. Võ Thị Bích Thủy; TS. Lê Thị Phượng; TS. Lê Thị Nguyên Bình; TS. Huỳnh Thị Thu Huệ; ThS. Lê Thị Thu Hiền; TS. Nguyễn Tất Thắng; ThS. Lê Minh Hải; ThS. Nguyễn Văn Nguyên; TS. Nguyễn Đức Tiến; TS. Vũ Quốc Huy; ThS. Nguyễn Anh Dũng; TS. Nguyễn Khánh Tùng - Hà Nội - Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ, 2020 - 10/2017 - 03/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá hiện trạng, năng lực và nhu cầu đổi mới công nghệ về nghiên cứu và ứng dụng công nghệ gen ở Việt Nam . Đánh giá hiện

trạng, năng lực và khả năng nghiên cứu, ứng dụng, phát triển công nghệ tế bào gốc trong lĩnh vực y-dược và nông nghiệp, kết quả của nhiệm vụ này sẽ có hiệu quả tác động tích cực đến việc hoạch định chính sách, tăng hiệu quả đầu tư nghiên cứu phát triển, đổi mới công nghệ trong việc phát triển các ngành kinh tế có liên quan chặt chẽ đến công nghệ sinh học, nâng cao hiệu quả và vai trò quản lý của Bộ Khoa học và công nghệ cũng như các Bộ, ngành khác có liên quan. Ngoài ra, việc xây dựng bản đồ công nghệ vi sinh cùng với bản đồ công nghệ gen và tế bào gốc sẽ từng bước góp phần hoàn thiện bản đồ công nghệ sinh học tại Việt Nam trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 18162

## **210. Công nghệ nano**

### **21001. Các vật liệu nano (sản xuất và các tính chất)**

79275. 11-2021. **Tổng hợp vật liệu sắt dạng hạt nano hóa trị không bằng thiết bị vi chất lỏng ứng dụng trong xử lý nước thải công nghiệp có chứa chất màu hữu cơ/** PGS.TS. Đặng Trung Dũng, TS. Lê Thị Thu Hằng; TS. Nguyễn Thị Thu Huyền; TS. Bùi Thị Thanh Huyền; ThS. Nguyễn Tuấn Anh - Hà Nội - Viện Kỹ thuật Hóa học, 2021 - 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu, chế tạo thiết bị vi chất lỏng ứng dụng làm bình phản ứng hóa học vi mô. Tổng hợp vật liệu sắt nano hóa trị không thông qua thiết bị vi chất lỏng. Ứng dụng sản phẩm vật liệu sắt nano hóa trị không



vào quá trình xử lý các chất thải công nghiệp mà cụ thể là chất màu hữu cơ (organic color dyes) trong nước thải công nghiệp dệt may.

Số hồ sơ lưu: 18434

## **211. Kỹ thuật thực phẩm và đồ uống**

### **21101. Kỹ thuật thực phẩm**

75658. 11-2021. **Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật tạo bong bóng hơi (cavitation) trong công nghệ sản xuất dầu gốc sinh học từ mỡ cá/ PGS. TS. Phan Minh Tân, ThS. Trần Hải Ứng; ThS. Phan Hồng Phương; ThS. Đào Thị Kim Thoa; ThS. Nguyễn Kim Trung; TS. Nguyễn Thành Duy Quang; TS. Hồ Quang Như; TS. Phạm Hồ Mỹ Phương; CN. Nguyễn Thị Hạnh; CN Võ Văn Tuyên - TP. Hồ Chí Minh - Đại học Bách khoa, 2018 - 10/2016 - 10/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Xây dựng công nghệ và hệ thống thiết bị (quy mô 100 L/h) tinh chế mỡ cá trên cơ sở kỹ thuật tạo bong bóng hơi. Thực nghiệm tinh chế mỡ cá, tìm điều kiện tối ưu trên hệ thống thiết bị xây dựng, đánh giá hiệu suất và chất lượng mỡ cá tinh chế. Xây dựng công nghệ và hệ thống thiết bị phản ứng tổng hợp dầu gốc sinh học bằng phản ứng no hoá mạch acid béo trong triglyceride của mỡ cá với H<sub>2</sub>O<sub>2</sub> và mở vòng epoxy, sử dụng kỹ thuật cavitation. Thực nghiệm phản ứng trên hệ thống thiết bị phản ứng, đánh giá hiệu suất và chất lượng sản phẩm thu được. Đánh giá khả năng ứng dụng các sản phẩm dầu gốc sinh học thu được.

Số hồ sơ lưu: HCM-0278-2018

76569. 11-2021. **Nghiên cứu sản xuất sản phẩm có giá trị gia tăng từ cám gạo đã tách lipid/ GS. TS. Lê Văn Việt Mẫn, - TP. Hồ Chí Minh - Đại học Bách khoa TP Hồ Chí Minh, 2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Lúa là một loại cây nông nghiệp phổ biến nhất ở Việt Nam. Phần nội nhũ của hạt lúa (hạt gạo) được sử dụng chủ yếu như là nguồn lương thực chính còn phần cám gạo được xem là phụ phẩm và chưa được sử dụng hiệu quả. Mục đích của nghiên cứu này là tận dụng nguồn cám gạo tách lipid (DRB) để làm nguồn chất xơ bổ sung vào sản phẩm bánh quy đồng thời trích ly protein từ cám gạo tách lipid với dung môi là nước để sản xuất chế phẩm protein đậm đặc (DRBPC) chứa hỗn hợp albumin và globulin dùng trong công nghiệp thực phẩm.

Số hồ sơ lưu: HCM-050-2020

79228. 11-2021. **Nghiên cứu sản xuất đường trehalose từ tinh bột bằng công nghệ enzyme ứng dụng trong công nghiệp thực phẩm/ PGS.TS. Lê Đức Mạnh, TS. Nguyễn Mạnh Đạt; ThS. Đỗ Thị Thanh Huyền; ThS. Bùi Thị Hồng Phương; ThS. Nguyễn Thị Hồng Lĩnh; KS. Chu Thắng; TS. Đỗ Thị Thủy Lê; TS. Đỗ Thị Tuyên; ThS. Lê Thanh Hoàng; CN. Lê Hoàng Vinh - Hà Nội - Viện Công nghiệp thực phẩm, 2020 - 01/2017 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Nghiên cứu công nghệ tạo chủng tái tổ hợp sinh tổng hợp enzyme MTHase và MTSase. Xây dựng quy trình công nghệ và mô hình thiết bị sản xuất chế phẩm enzyme (MTSase và enzyme MTHase) tái tổ hợp quy mô 50 lít dịch lên men/mẻ. Đồng thời nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ và mô hình thiết bị sản xuất đường trehalose (độ tinh sạch 98%) quy mô 500 kg nguyên liệu/mẻ và cho ứng dụng sản phẩm trehalose vào sản phẩm sữa chua tại Công ty Cổ phần Sữa Ba Vì.

Số hồ sơ lưu: 18451

### **299. Khoa học kỹ thuật và công nghệ khác**

77814. 11-2021. **Dự án nghiên cứu, hoàn thiện công nghệ sản xuất thiết bị cảm ứng cho màn hình và hệ thống phần mềm cho bảng tương tác phục vụ việc hội họp và giảng dạy/** ThS. Hà Sơn Bình, CN. Đinh Phương Anh; CN. Nguyễn Thị Hải Yến - Hà Nội - Công ty cổ phần Công nghệ phần mềm Hải Hòa, 2020 - 06/2017 - 09/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thiết kế điện tử, kiểu dáng công nghiệp cho thiết bị Touch Plus. Hoàn thiện công nghệ tương tác màn hình cho thiết bị Touch Plus và công nghệ chia sẻ dữ liệu thời gian thực (điện toán đám mây) phục vụ việc ứng dụng thiết bị Touch Plus trong giáo dục. Cho ra đời phần mềm phục vụ mô hình giảng dạy sử dụng thiết bị tương tác màn hình Touch Plus trong bậc học phổ thông tại Việt Nam. Hoàn thiện quy trình sản xuất ở quy mô công nghiệp và sản xuất thử nghiệm thiết bị Touch Plus. Triển

khai thử nghiệm mô hình giảng dạy sử dụng thiết bị tương tác màn hình Touch Plus trong môi trường giáo dục

Số hồ sơ lưu: 17772

78959. 11-2021. **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để đề xuất giải pháp tăng cường số lượng và chất lượng công bố quốc tế của Việt Nam/** TS. Phạm Đình Nguyên, ThS. Nguyễn Minh Quân; ThS. Nguyễn Thị Phương; ThS. Lê Ngọc Bích; ThS. Nguyễn Thị Mỹ An; CN. Cao Hạnh Quyên; PGS.TS. Lê Trường Giang; TS. Nghiêm Xuân Huy; PGS.TS. Nguyễn Thời Trung; CN. Phùng Thị Hiệp - Hà Nội - Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, 2019 - 08/2018 - 07/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận để xác định, đánh giá số lượng và chất lượng công bố khoa học quốc tế của Việt Nam. Tiến hành thu thập số liệu công bố khoa học quốc tế của Việt Nam từ các cơ sở dữ liệu phù hợp, xử lý để đáp ứng các nghiên cứu. Đánh giá thực trạng số lượng, chất lượng (Phân bố theo ngành, lĩnh vực; Phân bố theo các tổ chức nghiên cứu khoa học; Phân bố theo các chương trình tài trợ, hỗ trợ) công bố khoa học quốc tế của Việt Nam. Từ đó, đề xuất các giải pháp nhằm tăng số lượng và nâng cao chất lượng công bố quốc tế của Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18207

### **3. Khoa học y, dược**

78724. 11-2021. **Nghiên cứu nồng độ một số cytokine huyết**

**thanh ở bệnh nhân viêm loét đại trực tràng chảy máu/** Hoàng Anh Tuấn, Hoàng Anh Tuấn; Ngô Thúy Hà; Đỗ Thị Thanh Hải; Hoàng Thị Thúy; Nguyễn Thúy Hà; Nguyễn Thị Nguyệt Minh; Nguyễn Minh Chung - Thái Nguyên - Trường Cao đẳng Y tế Thái Nguyên, 2020 - 08/2017 - 04/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Báo cáo khoa học về một số đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng ở bệnh nhân VLĐTTTCM tại bệnh viện A Tỉnh Thái Nguyên và bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên (- Làm tài liệu tham khảo cho trường Đại học Y - Dược Thái Nguyên, trường Cao đẳng Y tế Thái Nguyên.- Làm tài liệu tham khảo cho các bệnh viện thực hành trong tỉnh Thái Nguyên. - Đưa ra các khuyến nghị và hướng dẫn chẩn đoán, tiên lượng và điều trị thích hợp tại các bệnh viện và các cơ sở y tế trong tỉnh). Báo cáo khoa học về nồng độ một số cytokine, globulin miễn dịch và mối liên quan giữa nồng độ một số cytokine với một số đặc điểm và mức độ bệnh ở bệnh nhân VLĐTTTCM. Báo cáo khoa học ứng dụng trong thực hành lâm sàng về phương pháp chẩn đoán, tiên lượng và điều trị bệnh ở bệnh nhân VLĐTTTCM tại bệnh viện A Tỉnh Thái Nguyên và bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên.

Số hồ sơ lưu: TNN-2020-004

78766. 11-2021. **Nghiên cứu tạo keo dán fibrin tự thân ứng dụng trong phẫu thuật cắt mống ghép kết mạc/** Đỗ Quang Thọ, Đỗ Quang Thọ; Vũ Thị Kim Liên;

Hoàng Thị Thu Soan; Bùi Thanh Thủy; Nguyễn Mạnh Quỳnh; Lương Thị Hải Hà; Cao Đắc Thắng; Hoàng Thị Kim Yến - Thái Nguyên - Bệnh viện mắt Thái Nguyên, 2020 - 06/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu xây dựng các quy trình tạo keo fibrin (Thực hiện nghiên cứu tại trường Đại học Y Dược Mắt Thái Nguyên) Thực nghiệm keo dán fibrin trên động vật đánh giá tác động và tính an toàn (Thực hiện nghiên cứu tại trường Đại học Y Dược Thái Nguyên)

Ứng dụng keo dán fibrin tự thân trong phẫu thuật cắt mống ghép kết mạc trên bệnh nhân có mống mắt nguyên phát; Bước đầu đánh giá tác động và hiệu quả Đào tạo thực hành các kỹ thuật về quá trình thực hiện tạo keo fibrin và vận dụng trong phẫu thuật cắt mống ghép kết mạc cho một nhóm bác sĩ và điều dưỡng chuyên khoa Mắt

Số hồ sơ lưu: TNN-2020-010

78806. 11-2021. **Nghiên cứu và phát triển bộ sinh phẩm phát hiện SARS-CoV-2 virus bằng kỹ thuật Realtime PCR/** Nguyễn Phú Hùng, TS. Nguyễn Phú Hùng; TS. Bùi Thị Thu Hương; TS. Nguyễn Thị Hương; TS. Nguyễn Thy Ngọc; TS. Lê Thị Thanh Hương; TS. Nguyễn Đắc Trung; TS. Lê Thị Hương Lan; TS. Mai Anh Tuấn; TS. Trương Phúc Hưng; CN. Nguyễn Văn Long; ThS. Ngô Thu Hà; CN. Trần Trung Anh - Thái Nguyên - Đại học Thái Nguyên, 2020 - 04/2020 - 07/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thu nhận mẫu bệnh phẩm tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên và mẫu bệnh phẩm dương tính với SARS-CoV-2 từ Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương. Lựa chọn gene đích và thiết kế primer, tổng hợp, nhân dòng gene đích và tổng hợp các primer. Nghiên cứu quy trình và chế tạo bộ kit phát hiện virus SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime PCR. Thử nghiệm và tối ưu các điều kiện phát hiện SARS-CoV-2 của bộ kit, đánh giá độ nhạy, độ đặc hiệu, tính ổn định. Xây dựng quy trình sản xuất, sử dụng, bảo quản bộ kit phát hiện SARSCoV-2. Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở cho bộ kit: Bộ kit có độ nhạy và độ đặc hiệu từ 95% trở lên. Sản xuất 20 bộ kit, mỗi bộ gồm 50 xét nghiệm, kèm theo hướng dẫn quy trình sử dụng, bảo quản bộ kit.

Số hồ sơ lưu: TNN-2020-001

79064. 11-2021. **Đánh giá nâng cao hiệu quả một số biện pháp can thiệp nhằm nâng cao kiến thức, thái độ thực hành về phòng, chống nhiễm vi rút viêm gan B tại cộng đồng miền núi và ven biển tỉnh Quảng Bình/** BS. CKII. Nguyễn Đức Cường, Nguyễn Đức Cường; Đỗ Quốc Tiệp; Phan Nam Bình; Lê Minh Tiến; Đỗ Bá Tý; Dương Văn Tự Nguyễn Đức Cường; Đỗ Quốc Tiệp; Phan Nam Bình; Lê Minh Tiến; Đỗ Bá Tý; Dương Văn Tự - Sở y Tế Quảng Bình - Sở Y tế Quảng Bình, 2021 - 10/2018 - 09/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định tình trạng hiện nhiễm vi rút viêm gan B và một số liên quan ở người lớn độ tuổi 20- 60 tại cộng đồng miền núi và ven biển tỉnh

Quảng Bình; Mô tả kiến thức, thái độ thực hành về dự phòng lây nhiễm vi rút viêm gan B; Triển khai đánh giá và can thiệp nhằm nâng cao kiến thức thái độ thực hành về phòng chống lây nhiễm vi rút viêm gan B ở người lớn độ tuổi 20 - 60 tại cộng đồng miền núi và ven biển tỉnh Quảng Bình.

Số hồ sơ lưu: 02/2021/QL.KHCN

### 301. Y học cơ sở

74041. 11-2021. **Thực trạng an toàn tiêm chủng tại một số quận huyện thành phố Hà Nội năm 2015/** TS. Nguyễn Thị Minh, TS. Nguyễn Thị Minh; BS. Nguyễn Hồng Lụa; BSKKI Nguyễn Tuấn Cường; BS. Hoàng Quỳnh Thu; CN. Phạm Thị Tuyết Minh; ĐD. Trần Thị Loan; ĐD. Phạm Thị Thu Hiền; ĐD. Phạm Thị Hiền Ninh; ĐD Trần Thị Thùy Dương; ĐD Kiều Thị Cúc - - Trung tâm y tế Hoàng Mai, 2017 - 01/2015 - 12/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan về an toàn tiêm chủng trong nước và trên thế giới. Nghiên cứu tổng quan về các giải pháp đảm bảo an toàn tiêm chủng trong nước và trên thế giới. Nghiên cứu đánh giá thực trạng hoạt động tiêm chủng tại các trạm y tế xã, phường của 4 quận, huyện: Hai Bà Trưng, Hoàng Mai, Thanh Trì, Đan Phượng: Đánh giá thực trạng về nhân lực, quy trình, tổ chức tiêm chủng.

- Đánh giá thực trạng về cơ sở vật chất, trang thiết bị. Nghiên cứu xác định tỷ lệ phản ứng sau tiêm chủng, tai biến nặng sau tiêm chủng tại

thành phố Hà Nội từ năm 2006 – 2015: Thiết kế mẫu điều tra. Nghiên cứu đánh giá tỷ lệ phản ứng sau tiêm chủng đối với từng loại vắc xin tại địa bàn thành phố Hà Nội từ năm 2006 – 2015. Nghiên cứu đánh giá tai biến nặng sau tiêm chủng đối với từng loại vắc xin tại địa bàn thành phố Hà Nội từ năm 2006 – 2015. Nghiên cứu đề xuất giải pháp cải thiện và nâng cao chất lượng tiêm chủng, giảm tai biến do tiêm chủng tại các phường, xã trên địa bàn các quận, huyện nói riêng và địa bàn Hà Nội nói chung

Số hồ sơ lưu: HNI-2017-01/ĐK-TTTT&TK

### **30101. Giải phẫu học và hình thái học**

78766. 11-2021. **Nghiên cứu tạo keo dán fibrin tự thân ứng dụng trong phẫu thuật cắt mộng ghép kết mạc/** Đỗ Quang Thọ, Đỗ Quang Thọ; Vũ Thị Kim Liên; Hoàng Thị Thu Soan; Bùi Thanh Thủy; Nguyễn Mạnh Quỳnh; Lương Thị Hải Hà; Cao Đắc Thắng; Hoàng Thị Kim Yến - Thái Nguyên - Bệnh viện mắt Thái Nguyên, 2020 - 06/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Nghiên cứu xây dựng các quy trình tạo keo fibrin (Thực hiện nghiên cứu tại trường Đại học Y Dược Mắt Thái Nguyên). Thực nghiệm keo dán fibrin trên động vật đánh giá tác động và tính an toàn (Thực hiện nghiên cứu tại trường Đại học Y Dược Thái Nguyên). Ứng dụng keo dán fibrin tự thân trong phẫu thuật cắt mộng ghép kết mạc trên bệnh nhân có mộng mắt nguyên

phát; Bước đầu đánh giá tác động và hiệu quả. Đào tạo thực hành các kỹ thuật về quá trình thực hiện tạo keo fibrin và vận dụng trong phẫu thuật cắt mộng ghép kết mạc cho một nhóm bác sĩ và điều dưỡng chuyên khoa Mắt

Số hồ sơ lưu: TNN-2020-010

### **302. Y học lâm sàng**

77258. 11-2021. **Đánh giá kết quả điều trị bảo tồn gãy đầu dưới xương quay nắn ép đối kháng có trọng điểm tại TTYT Đức Trọng năm 2017 - 2019/** BSCKII. Lê Khắc Thảo, BSCKII. Nguyễn Thành Lực; BSCKI. Trần Xuân Trường; BS. Đặng Thành Công; CN. Trần Trọng Thanh; CN. Trương Quốc Nam; KTV. Lê Khắc Toàn; CN. Nguyễn Thị Trinh - Lâm Đồng - Trung tâm Y tế huyện Đức Trọng, 2019 - 04/2017 - 04/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Gãy đầu dưới xương quay (ĐDXQ) là gãy xương thường gặp, chiếm tỷ lệ 1/6 các loại gãy xương trong cấp cứu gãy xương, chiếm 26% gãy xương chi trên và 50% các trường hợp gãy xương vùng cẳng tay [3], [9], [25]. Gãy đầu dưới xương quay xảy ra ở mọi lứa tuổi, nhưng nhiều nhất là lứa tuổi 15-20 tuổi và từ > 50 tuổi. Ở phụ nữ lớn tuổi gãy đầu dưới xương quay nhiều hơn nam giới [25]. Gãy ĐDXQ không phạm khớp, đơn giản, điều trị chủ yếu là bảo tồn nắn xương bó bột. Loại gãy này thường gặp ở người cao tuổi, loãng xương, kèm theo các bệnh lý nội khoa khác nên kết quả phục hồi sau điều trị thấp. Một số bệnh nhân không tuân thủ lịch tái khám định kỳ

của bác sĩ, bó thuốc dân gian dẫn đến di lệch xấu sau thời gian điều trị nên đã đi đến các thầy lang bó thuốc dân gian dẫn đến di lệch can xấu sau thời gian điều trị. Trong các trường hợp gãy ĐDXQ đến muộn do tự điều trị (uống thuốc, bó thuốc) hoặc điều trị không đầy đủ có biến chứng thì sẽ gây đau vùng khớp cổ tay, hư khớp, thoái hóa khớp, làm giảm hoặc mất chức năng vùng cổ tay, bàn tay. Các phương pháp điều trị gãy ĐDXQ gồm: Treo tay, nắn xương bó bột đơn thuần cánh cẳng bàn tay. Xuyên kim cố định quan sát dưới C-arm. Mổ kết hợp xương bên trong bằng nẹp vít kèm theo ghép xương nếu bị thiếu xương. Mổ hở, xuyên kim: phương pháp đơn giản, dụng cụ đơn giản, thời gian thực hiện phẫu thuật ngắn. nhưng không vững chắc và đôi lúc cần phải ghép xương nên phương pháp này chưa được lựa chọn nhiều. Tại Việt Nam có nhiều Bệnh viện điều trị gãy ĐDXQ bằng phương pháp bảo tồn. Nhưng chúng tôi chưa ghi nhận có đề tài nào nghiên cứu về Điều trị bảo tồn gãy ĐDXQ bằng phương pháp nắn ép đối kháng có trọng điểm.

Số hồ sơ lưu: LDG-2020-013

### **30206. *Huyết học và truyền máu***

73964. 11-2021. **Nghiên cứu xây dựng bộ sinh phẩm phát hiện một số đột biến gây bệnh beta thalassemia sử dụng kỹ thuật lai điểm ngược (Reverse Dot-Blot)/ PGS. TS. Võ Thị Thương Lan, ThS. Tạ Bích Thuận; ThS. Phạm Anh Thùy Dương; ThS. Lê Thu Hà; TS. Triệu Tiến Sang - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Hà Nội,**

2019 - 02/2015 - 02/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Beta thalassemia ( $\beta$ -thalassemia) là bệnh di truyền lặn do đột biến gen beta globin. Tại Việt Nam, đây là nguyên nhân hàng đầu gây thiếu máu, tan máu nặng ở trẻ em. Bệnh gây ra những hậu quả nặng nề về thể chất và tinh thần cho người bệnh. Hầu hết các đột biến xảy ra trên gen beta globin liên quan đến bệnh thiếu máu  $\beta$ -thalassemia là đột biến điểm. Vì vậy, kỹ thuật ARMS-PCR (Amplification Refractory Mutation System-PCR) và kỹ thuật lai điểm ngược (Reverse Dot-Blot) được phát triển trong các kit thương mại nhằm phát hiện đột biến  $\beta$ -thalassemia. Với mong muốn áp dụng kỹ thuật lai điểm ngược để phân tích đồng thời 3 đột biến phổ biến trên gen beta globin gây bệnh  $\beta$ -thalassemia ở người Việt Nam, từ đó tự chủ thêm kỹ thuật xét nghiệm gây bệnh  $\beta$ -thalassemia sử dụng kỹ thuật lai điểm ngược (Reverse Dot-Blot). Xây dựng được bộ sinh phẩm lai điểm ngược (Reverse Dot-Blot) để thử nghiệm phát hiện đồng thời 3 đột biến điểm có tần xuất cao CD17(A>T), CD26 (G>A) và CD41/42(-TCTT) gây ở người Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 16297

76969. 11-2021. **Nghiên cứu đặc điểm dịch tễ gen bệnh Thalassemia ở một số dân tộc thiểu số tại tỉnh Hà Giang./ BSK II. Vũ Hùng Vương, - - Bệnh viện Đa khoa Hà Giang, 2019 - 06/2018 - 06/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Thalassemia là bệnh mạn tính, các triệu chứng xuất hiện từ từ, kéo dài liên tục suốt cuộc đời người bệnh. Các hội chứng và triệu chứng thường gặp sau: Hội chứng thiếu máu mạn tính: Mệt mỏi, chóng mặt, chậm lớn (trẻ nhỏ); Khó thở khi gắng sức, nhịp tim nhanh; Da xanh, niêm mạc nhợt. Hội chứng tan máu mạn tính: Cứng mạc mắt vàng, nước tiểu sẫm màu; Lách to, gan to. Tăng sinh tủy xương tạo máu phản ứng: Phì đại các xương dẹt làm biến dạng đầu, mặt như trán dô, mũi tẹt, bướu chằm. Hai biện pháp chính điều trị thalassemia hiện nay là truyền máu và thải sắt. Bên cạnh đó, một số biện pháp khác cũng được áp dụng trong điều trị thalassemia cho những trường hợp cụ thể.

Số hồ sơ lưu: HGG-003-2020

### **30210. Chấn thương, Chỉnh hình**

74045. 11-2021. **Nghiên cứu điều trị gãy kín mâm chày phức tạp bằng phương pháp kết hợp xương nẹp khóa/ BSCKII.** Đào Thiện Tiến, PGS.TS. Phạm Đăng Ninh; BSCKII. Đào Thiện Tiến; BSCKII. Hoàng Xuân Tuệ; ThS. Lê Hoàng Oanh; BSCKI. Nguyễn Ngọc Thành; ThS. Trần Quang Toàn; BSCKI. Nguyễn Huyền Quang; BSCKI. Dương Văn Vĩnh; ThS. Nguyễn Trọng Nghĩa; ThS. Nguyễn Văn Ngọc; BSCKII. Lê Hoàng Tú - - Bệnh viện đa khoa Hà Đông, 2017 - 01/2015 - 12/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan chung về gãy kín mâm chày, nguyên tắc và phương pháp điều trị gãy kín mâm chày, về phương pháp điều trị bằng

kết hợp xương nẹp khóa, cơ sinh học của nẹp khóa. Nghiên cứu đánh giá kết quả ứng dụng nẹp vít có khóa trong điều trị gãy kín mâm chày phức tạp, các dấu hiệu lâm sàng, cận lâm sàng của nhóm bệnh nhân nghiên cứu, đánh giá việc thực hiện quy trình kỹ thuật điều trị gãy kín mâm chày phức tạp bằng kết hợp xương nẹp khóa. Đánh giá Tình trạng vết mổ; Kết quả nắn chỉnh ổ gãy (phục hồi hình thể giải phẫu); Các tai biến và biến chứng sớm sau mổ. Kết quả liền xương; Kết quả phục hồi hình thể giải phẫu; Độ vững của khớp gối; Kết quả PHCN; Nghiên cứu đề xuất hoàn thiện quy trình kỹ thuật điều trị gãy kín mâm chày phức tạp bằng kết hợp xương nẹp khóa. Nghiên cứu đánh giá các tai biến và biến chứng liên quan trong điều trị gãy kín mâm chày phức tạp bằng kết hợp xương nẹp khóa. Nghiên cứu đánh giá các nguyên nhân gây di lệch xương thứ phát sau kết hợp xương bằng nẹp khóa. Nghiên cứu đề xuất các giải pháp, kiến nghị nhằm mở rộng ứng dụng kỹ thuật điều trị gãy kín mâm chày phức tạp bằng kết hợp xương nẹp khóa.

Số hồ sơ lưu: HNI-2017-18/ĐK-TTTT&TK

### **30215. Da liễu, Hoa liễu**

78792. 11-2021. **Nghiên cứu sự thay đổi hàm lượng RNA, DNA của vi khuẩn phong và mức kháng thể kháng PGL-I ở bệnh nhân phong trong quá trình điều trị đa hóa./** Cử nhân. Nguyễn Phúc Như Hà, Cử nhân. Nguyễn Phúc Như Hà ThS. Nguyễn Thanh Tân;

ThS. Nguyễn thị Thời Loan; ThS. Trần Lê Minh Đức; ThS. Châu Hồ Tịnh Tâm; Cử nhân. Bùi Thị Bích Thoa; ThS. Nguyễn Khánh Hòa; ThS. Trần Duy Thạch; ThS. Nguyễn Xuân Gián; ThS. Phạm Thị Hoàng Bích Dị; ThS. Phạm Thị Thu Hà - Bệnh viện Phong Da liễu TW Quy Hòa, 2019 - 04/2015 - 07/2017. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá sự thay đổi chỉ số hình thái vi khuẩn phong và mức kháng thể kháng PGL-I trước, trong và sau sử dụng đa hóa trị liệu. Đánh giá sự thay đổi hàm lượng RNA, DNA của gen rRNA 16S và hsp18 của vi khuẩn phong trước, trong và sau sử dụng đa hóa trị liệu. Xây dựng bản hướng dẫn điều trị phản ứng phong phù hợp. Tiên lượng bệnh phong kháng thuốc và tái phát. Xác định các dấu hiệu liên quan đến sự sống của vi khuẩn phong và đáp ứng miễn dịch của bệnh nhân, xem chúng biến đổi như thế nào theo thời gian dưới tác động của thuốc điều trị, bằng việc định lượng các chỉ số MI, lượng RNA và DNA của 2 gen 16S rRNA và hsp18 vi khuẩn phong và mức kháng thể kháng PGL-I. Các biến đổi các chỉ số nói trên có liên quan như thế nào đối với tình trạng lâm sàng, bao gồm tình trạng phản ứng phong, nghi kháng thuốc và tiên lượng tái phát.

Số hồ sơ lưu: 18160

### **30223. Tai mũi họng**

78819. 11-2021. Nghiên cứu áp dụng kỹ thuật sinh học phân tử và chẩn đoán hình ảnh để nâng cao chất lượng chẩn đoán, điều trị điếc bẩm sinh ở trẻ em bằng cấy ốc tai

điện tử/ PGS.TS. Cao Minh Thành, TS. Nguyễn Thị Trang; ThS. Phạm Vũ Hồng Hạnh; ThS. Lê Duy Chung; ThS. Lê Tuấn Linh; TS. Nguyễn Quang Trung; ThS. Nguyễn Văn Hùng; Bs. Nguyễn Thị Hải Lý; BS. Đặng Thị Hồng Ánh; ThS. Trần Lê Giang - Hà Nội - Trường Đại học Y Hà Nội, 2020 - 04/2018 - 04/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu xác định đột biến ở một số gen thường gặp liên quan đến trẻ em điếc bẩm sinh bằng kỹ thuật giải trình tự gen thế hệ mới. Chuẩn hoá được kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính độ phân giải cao và cộng hưởng từ để đánh giá tình trạng tai - tai thần kinh ở trẻ điếc bẩm sinh. Từ đó xây dựng quy trình sàng lọc chẩn đoán và điều trị điếc bẩm sinh ở trẻ em bằng phẫu thuật cấy ốc tai điện tử.

Số hồ sơ lưu: 18179

### **30231. Y học dân tộc; y học cổ truyền**

75910. 11-2021. Đánh giá hiệu quả của cây chỉ điều trị mắt ngủ không thực tổn thể tâm tỳ hư tại bệnh viện Y học Cổ truyền Phạm Ngọc Thạch tỉnh Lâm Đồng năm 2018 - 2019/ BSCII. Đoàn Ngọc Khanh, ThS. Nguyễn Thị Kiều Oanh; BSCKII. Nguyễn Văn Trịnh; BSCKII. Phạm Thanh Liêm; BSCKII. Trần Thị Tiến; BS. Mai Thùy Dương; BSCII. Phạm Thị Diệp; ThS. Nguyễn Bùi Như Thùy; YS. Bùi Thị Thanh; CN. Lê Thị Lan - Đà Lạt - Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng, 0 - 01/2018 - 10/2019. (Đề

Có nhiều phương pháp điều trị mắt ngủ bằng YHHĐ và điều trị bằng



YHCT, đơn trị hay phối hợp. Mỗi phương pháp điều trị đều có những ưu điểm, hạn chế nhất định, do vậy việc tìm kiếm, nghiên cứu để tìm ra phương pháp điều trị mất ngủ có hiệu quả, ít tốn kém, tiện lợi cho bệnh nhân là một việc làm cần thiết. So với phương pháp châm cứu để có hiệu quả điều trị bệnh nhân phải điện châm 1 lần ngày, cấy chỉ với ưu điểm là cách nhau 14 ngày/ 1 lần. Vì vậy áp dụng phương pháp cấy chỉ ít tốn kém, dễ ứng dụng ở các tuyến cơ sở, tiết kiệm thời gian điều trị. **Đối tượng nghiên cứu:** bao gồm 67 bệnh nhân được khám và chẩn đoán mất ngủ không thực tổn thể Tâm Tỳ hư, có chỉ số rối loạn giấc ngủ Pittsburgh (Pittsburgh Sleep Quality Index = PSQI) > 5 được đưa vào đối tượng nghiên cứu tại Bệnh viện y học cổ truyền Phạm Ngọc Thạch tỉnh Lâm Đồng. **Phương pháp nghiên cứu:** thử nghiệm lâm sàng, có đối chứng. Mẫu nghiên cứu: chọn theo phương pháp chủ đích, ghép cặp phân bố vào nhóm nghiên cứu và nhóm chứng. Nhóm nghiên cứu 33 bệnh nhân điều trị: cấy chỉ catgut vào huyết kết hợp dùng thuốc Quy tỳ thang 1 gói/1 lần x 3 lần/ ngày sau ăn sáng, trưa, tối. Nhóm chứng 34 bệnh nhân điều trị: dùng thuốc Quy tỳ thang 1 gói/1 lần x 3 lần/ ngày sau ăn sáng, trưa, tối. Bệnh nhân vào được khám bằng YHHĐ và YHCT đánh giá giấc ngủ theo PSQI, chia vào hai nhóm. Qua nghiên cứu phương pháp cấy chỉ trong điều trị mất ngủ không thực tổn thể Tâm Tỳ hư tại Bệnh Viện y học cổ truyền Phạm Ngọc Thạch tỉnh Lâm Đồng, chúng tôi rút ra một số kết luận sau: Các điểm trong thang PSQI sau cấy

chỉ giảm rõ rệt từ 1,56 - 2,87 điểm xuống còn 0,21 - 1,21 điểm ( $p < 0,05$ ), giá trị tổng điểm PSQI trung bình giảm từ  $19,08 \pm 0,525$  điểm xuống còn  $3,56 \pm 0,271$  điểm. Kết quả điều trị đạt loại A là 84,85% ở nhóm nghiên cứu và 70,59% ở nhóm chứng. Phương pháp cấy chỉ kết hợp Bài thuốc Quy tỳ thang có hiệu quả trong điều trị mất ngủ không thực tổn thể Tâm Tỳ hư, vì vậy phương pháp này phù hợp đối với các trường hợp không có điều kiện đi châm cứu hàng ngày, bệnh nhân điều trị ngoại trú. Phương pháp này nên được áp dụng triển khai ở cơ sở Y tế có Khoa Y học cổ truyền.

Số hồ sơ lưu: LDG-2020-002

### 303. Y tế

72888. 11-2021. **Đánh giá thực trạng sức khỏe và thực hiện chế độ chính sách đối với nhân viên y tế tại một số bệnh viện của Hà Nội/BS.** Trịnh Huy Toàn, BS. Trịnh Huy Toàn; CN. Trịnh Tố Tâm; ThS. Trần Nhị Hà; BS. Nguyễn Duy Thụy; BS. Hoàng Thúy Hải; BS. Nguyễn Văn Thắng; BS. Trần Ngọc Cường; ThS. Nguyễn Minh Hiền; Ks. Tạ Văn Dưỡng; CN. Nguyễn Thị Vân. - Hà Nội - Công đoàn ngành Y tế Hà Nội, 2018 - 01/2015 - 12/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu với đối tượng là nhân viên y tế làm việc tại các bệnh viện thuộc Sở Y tế Hà Nội: 3 Bệnh viện hạng I: BVĐK Xanh Pôn, BVĐK Thanh Nhàn, BVĐK Hà Đông. 2 Bệnh viện hạng II: BVĐK Đống Đa, BVĐK Sơn Tây. 3 bệnh viện hạng III: BVĐK Ba Vì, BVĐK Quốc Oai, BVĐK Thường Tín. Các nhân viên y

tế có thời gian công tác tại Bệnh viện từ 6 tháng trở lên, gồm các chức danh: bác sỹ, điều dưỡng, y sỹ, kỹ thuật viên, y công, kế toán, lái xe... Đối với mục tiêu 1, đề tài nghiên cứu các nội dung sau: Một số đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu: phân bố nhân viên y tế theo giới tính, độ tuổi, trình độ chuyên môn, thâm niên nghề nghiệp; Thực trạng sức khỏe bệnh tật của nhân viên y tế: tình hình mắc bệnh ở nhân viên y tế; phân loại sức khỏe theo bệnh các cơ quan, hệ thống, theo chức danh nghề nghiệp, theo khoa/phòng, theo hạng bệnh viện, liên quan đến nghề nghiệp... Thực trạng mắc bệnh nghề nghiệp, tai nạn lao động ở nhân viên y tế. Một số yếu tố liên quan đến sức khỏe nhân viên y tế. Tiến hành các buổi thảo luận nhóm về các chủ đề như: chế độ lương, phụ cấp; chế độ bảo hiểm; chế độ làm việc, nghỉ ngơi, an dưỡng; hỗ trợ kinh phí đào tạo chuyên môn nghiệp vụ; khám sức khỏe định kỳ; khen thưởng, kỷ luật; các chế độ khác và đề xuất giải pháp cải thiện sức khỏe, chế độ, chính sách cho nhân viên y tế. Đề xuất các giải pháp cải thiện sức khỏe, chế độ chính sách cho nhân viên y tế làm việc tại các bệnh viện nghiên cứu và kiến nghị một số vấn đề để thực hiện các giải pháp đó..

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-05/ĐK-TTTT&TK

76974. 11-2021. **Khảo sát nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính ở trẻ em từ 2 tháng đến 60 tháng tuổi điều trị nội trú từ năm 2011 - 2013 tại trung tâm Y tế huyện Di Linh tỉnh Lâm Đồng/ BSKKI. Đoàn Trí Dũng, BSKKI. K' Bê Đakrong;**

ThS.BS. Mul Lợi; BSKKI. Ka Hor; BSKKI. K' Mỹ; CN. Đặng Kim Sơn - Di Linh, Lâm Đồng - Trung tâm Y tế huyện Di Linh, 2013 - 05/2011 - 05/2013. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính ở trẻ em là nguyên nhân chủ yếu gây mắc bệnh và tử vong ở trẻ em dưới 5 tuổi trên Thế giới, đặc biệt là những nước đang phát triển. Do đó luôn là một trong những vấn đề được ngành y tế quan tâm hàng đầu ở mọi quốc gia trên thế giới. Theo số liệu của Tổ chức Y tế thế giới, hàng năm có khoảng 14 triệu trẻ dưới 5 tuổi tử vong (khoảng 90% ở các nước đang phát triển) thì có tới 4 triệu trẻ em tử vong vì nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính [6]. Tại Việt Nam số liệu thống kê từ các tuyến tỉnh trong nhiều năm đã cho thấy nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính cũng là nguyên nhân hàng đầu gây mắc bệnh và tử vong ở trẻ em dưới 5 tuổi. Số liệu báo cáo của Bệnh viện nhi đồng trong cả nước cho thấy tỉ lệ tử vong do nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính tại bệnh viện đứng vị trí số một và chiếm khoảng 40% tổng số tử vong do mọi nguyên nhân ở trẻ em [3]. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính ở trẻ em, Việt Nam là nước đã sớm triển khai chương trình nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính vào năm 1984. Sau 20 năm thực hiện, chương trình đã đạt hiệu quả rõ rệt. Theo số liệu báo cáo hoạt động chương trình nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính giai đoạn 1996 - 2000 đến năm 2000 đã có 100% số tỉnh, 100% số huyện, 97,9% số xã triển khai chương trình và 97,6% số trẻ em dưới 5 tuổi được chương trình

bảo vệ[1]. Hiện nay, tỉ lệ tử vong do nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính giảm một cách đáng kể, tuy nhiên tỷ lệ mắc nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính vẫn còn cao nên hiện nay chương trình vẫn đang tập trung vào vấn đề truyền thông giáo dục về kiến thức, thái độ và thực hành bệnh NKHHCT cho các bà mẹ. Đề tài Đánh giá tình hình nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính ở trẻ em từ 2 tháng - 60 tháng tuổi điều trị nội trú tại TTYT huyện Di Linh từ 2011-2013. Tìm hiểu một số yếu tố liên quan của bệnh nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính.

Số hồ sơ lưu: LDG-2020-009

### **30301. Khoa học về chăm sóc sức khỏe và dịch vụ y tế (bao gồm cả quản trị bệnh viện, tài chính y tế,..)**

78989. 11-2021. **Những giải pháp cơ bản và cấp bách về chăm sóc sức khỏe đồng bào dân tộc thiểu số nước ta hiện nay/ GS.TS. Hoàng Văn Minh, PGS.TS. Nguyễn Thanh Hà; PGS.TS. Nguyễn Đức Thành; ThS. Đoàn Thị Thùy Dương; TS. Lưu Thị Kim Oanh; TS. Lê Thị Hải Hà; ThS. Nguyễn Thị Nga; PGS.TS. Trần Trung; PGS.TS. Nguyễn Văn Minh; TS. Phan Hồng Vân - Hà Nội - Trường Đại học Y tế Công cộng, 2021 - 04/2018 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về các chính sách, mô hình chăm sóc sức khỏe cho đồng bào dân tộc thiểu số. Đánh giá tác động của chính sách chăm sóc sức khỏe cho đồng bào dân tộc thiểu số tại Việt Nam từ năm 1986 đến nay. Thực

trạng và một số yếu tố ảnh hưởng tới công tác chăm sóc sức khỏe cho đồng bào dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Dự báo các vấn đề cơ bản, cấp bách về sức khỏe, chăm sóc sức khỏe cho đồng bào dân tộc thiểu số và đề xuất quan điểm, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác chăm sóc sức khỏe cho đồng bào dân tộc thiểu số ở nước ta đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 18236

### **30302. Chính sách và dịch vụ y tế**

78821. 11-2021. **Nghiên cứu xây dựng gói dịch vụ y tế cơ bản hướng tới bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân dựa trên bảo hiểm y tế tại Việt Nam/ PGS.TS. Phạm Lê Tuấn, TS. Trần Thị Mai Oanh; TS. Khương Anh Tuấn; TS. Nguyễn Khánh Phương; TS. Phan Hồng Vân; TS. Thẩm Chí Dũng; TS. Hà Anh Đức; TS. Dương Huy Liệu; TS. Phạm Đình Thành; GS.TS. Giang Thanh Long; ThS. Nguyễn Thị Thủy; ThS. Dương Đức Thiện; TS. Nguyễn Thị Thắng; TS. Hoàng Thị Phượng; ThS. Nguyễn Hoàng Giang; TS. Ong Thế Duệ; Cử nhân. Hoàng Thu Thủy; ThS. Phạm Văn Hiến; ThS. Phùng Lâm Tới; ThS. Nguyễn Thế Vinh; ThS. Nguyễn Tuấn Việt; ThS. Đỗ Trà My; ThS. Trương Thục Linh - Hà Nội - Viện chiến lược và chính sách y tế, 2020 - 10/2015 - 09/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Sau gần 3 năm triển khai thực hiện, nghiên cứu đã đưa ra được khung khái niệm, quy trình và các tiêu chí trong xây dựng danh mục dịch vụ do quỹ BHYT chi trả cũng như xây dựng gói dịch vụ y tế cơ bản; Đồng thời nghiên cứu cũng đề

xuất danh mục danh mục DVYTCB, triển khai thí điểm và phân tích các điều kiện cần thiết cũng như dự báo tác động chi phí khi áp dụng gói dịch vụ y tế cơ bản trên thực tế. Kết quả của nghiên cứu đã đóng góp và cung cấp thông tin cho Lãnh đạo Bộ Y tế trong ban hành Thông tư 39/2017/TT-BYT/2017/TT-BYT quy định chi tiết về gói dịch vụ y tế cơ bản, thực hiện nhiệm vụ được giao theo Nghị quyết 68/2013/NQ-QH12 của Quốc hội.

Số hồ sơ lưu: 18180

### **30308. Bệnh truyền nhiễm**

78981. 11-2021. **Tỷ lệ tái phát, tái nhiễm lao và yếu tố nguy cơ ở bệnh nhân đồng nhiễm lao/HIV tại Việt Nam/** GS.TS. Nguyễn Trần Hiền, TS. Trịnh Quỳnh Mai; TS. Nguyễn Thị Vân Anh; BS. Phạm Tuấn Anh; TS.BS. Nguyễn Hữu Lâm; TS.BS. Đỗ Châu Giang; BS. CKII. Nguyễn Năng Viện; TS.BS. Phạm Thu Hằng; ThS.BS. Phạm Hữu Thương; TS.BS. Hoàng Văn Huân; BS. CKII. Nguyễn Phương Hoàng; ThS.BS. Phạm Thu Ánh, BS. Vũ Thị Lý; ThS.BS. Trần Quốc Tuấn; PGS.TS. Nguyễn Việt Nhung - Hà Nội - Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương, 2020 - 04/2015 - 10/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định tỷ lệ tái mắc, tái phát và tái nhiễm lao ở bệnh nhân đồng nhiễm lao/HIV tại Việt Nam. Mô tả các yếu tố nguy cơ gây tái mắc, tái nhiễm và tái phát bệnh lao ở bệnh nhân đồng nhiễm lao/HIV tại Việt Nam. Từ đó đề xuất giải pháp kiểm soát các yếu tố gây tái mắc, tái nhiễm và tái phát bệnh lao nhằm

giảm tỷ lệ tái mắc lao trong bệnh nhân đồng nhiễm lao/HIV tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18232

79234. 11-2021. **Ảnh hưởng của hạn hán tới một số nhóm bệnh truyền nhiễm và khả năng ứng phó của cộng đồng và ngành Y tế/** TS. Nguyễn Xuân Trường, TS. Nguyễn Thị Trang Nhung; BS. Nguyễn Thị Anh Vân; ThS. Hoong Văn Nhật; ThS. Nguyễn Đức Thành; CN. Trần Thị Thu Tâm; ThS. Nguyễn Anh Sơn; ThS. Nguyễn Kim Anh; CN. Nguyễn Hải Hà; ThS. Cao Hồng Sơn; ThS. Lương Thị Thanh Nga; ThS. Nguyễn Thị Thúy; ThS. Phạm Quang Huy; BSCKII. Lê Trọng Lưu; KS. Nguyễn Thị Thanh Thùy; BSCKII. Nguyễn Văn Dũng; BSCKII. Lê Ngọc Định; BS. Trần Trường Giang - Hà Nội - Trường Đại học Y tế Công cộng, 2020 - 07/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu mô tả thực trạng một số bệnh truyền nhiễm như bệnh tiêu chảy, sốt xuất huyết dengue, cúm mùa, sởi, bệnh tay chân miệng... có liên quan đến hạn hán tại tỉnh Ninh Thuận và tỉnh Cà Mau và những thay đổi của bệnh trong thời gian xảy ra hạn hán nặng tại các tỉnh này giai đoạn 2010-2017. Đồng thời đánh giá khả năng ứng phó của cộng đồng và ngành Y tế đối với hạn hán tại 2 tỉnh trên. Trên cơ sở trên đề xuất một số giải pháp can thiệp nhằm ứng phó với tác động của hạn hán tới sức khỏe người dân.

Số hồ sơ lưu: 18438

**30309. Dịch tế học**

77032. 11-2021. **Nghiên cứu dịch tế học phân tử và đặc tính kháng thuốc của các chủng Staphylococcus aureus kháng methicillin phân lập ở Việt Nam/PGS.TS. Nguyễn Thái Sơn, TS. Vũ Thị Thu Hương; ThS. Vũ Thị Kim Liên; ThS. Đỗ Thị Quỳnh Nga; ThS. Trần Thị Hải Âu; ThS. Nguyễn Văn An; PGS.TS. Diêm Đăng Thanh - Hà Nội - Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương, 2019 - 03/2013 - 11/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Thu thập chủng Staphylococcus aureus: Chủng vi khuẩn Staphylococcus aureus được thu thập phân lập từ mẫu bệnh phẩm lâm sàng đại diện cho 3 miền Bắc - Trung - Nam. Kiểm tra và phân loại các nhóm vi khuẩn tụ cầu kháng và nhạy methicillin bằng phương pháp PCR đa môi, nuôi cấy phân lập và định danh xác định vi khuẩn Staphylococcus aureus theo thường qui đã thẩm định của CLSI. Xác định mức độ nhạy cảm kháng sinh của các chủng Staphylococcus aureus kháng methicillin phân lập được bằng các kỹ thuật sau: Xác định nồng độ ức chế tối thiểu của một số kháng sinh phổ biến bằng phương pháp pha loãng vi thể tích; Chủng chuẩn Staphylococcus aureus ATCC 11632; Staphylococcus aureus ATCC 29213 được sử dụng cho kiểm soát chất lượng theo thường quy của CLSI. Thực hiện multiplex PCR xác định kiểu gen gây kháng kháng sinh chủ yếu trên chủng Staphylococcus aureus kháng methicillin. Mô hình phân tử của các chủng vi khuẩn Staphylococcus

aureus kháng methicillin miền Bắc, Trung, Nam bằng một số kỹ thuật sinh học phân tử.

Số hồ sơ lưu: 17391

**304. Dược học****30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc**

75694. 11-2021. **Bước đầu sản xuất cụm chồi và hạt nhân tạo của cây blueberry (Vaccinium ashei Reade) trong điều kiện in vitro/TS. Cao Đình Hùng, ThS. Nguyễn Thị Nguyên Trinh; ThS. Vương Thị Hồng Loan; ThS. Cao Đình Dũng; ThS. Huỳnh Thị Kim; ThS. Nguyễn Thị Điệp; KS. Kha Nữ Tú Uyên - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao, 2018 - 03/2017 - 03/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)**

Điều khiển các điều kiện nuôi cấy để chủ động sản xuất cụm chồi và hạt nhân tạo của cây blueberry V. ashei Reade trong điều kiện in vitro, bao gồm: điều khiển chất kích thích sinh trưởng (KTST) và môi trường nuôi cấy để sản xuất cụm chồi blueberry in vitro; điều khiển chất KTST hoặc môi trường gieo hạt và nhiệt độ bảo quản để sản xuất hạt nhân tạo blueberry trong điều kiện in vitro từ cụm chồi. Kết quả 50 bình chồi blueberry V. ashei sinh trưởng tốt ở trong điều kiện in vitro (mỗi bình chứa 5 cụm chồi, mỗi cụm có 5-7 chồi đơn, 40-50 lá, cao 25-30 mm và nặng 200-300 mg) và 500 hạt nhân tạo blueberry có kích thước đường kính 4-6 mm với khả năng

nảy mầm đạt tỉ lệ thấp nhất là 70% để tái sinh thành chồi trong cùng điều kiện.

Số hồ sơ lưu: HCM-0290-2018

79235. 11-2021. **Nghiên cứu ảnh hưởng của dịch chiết nấm Đông trùng Hạ thảo tới cấu trúc DNA vi khuẩn *Bacillus subtilis* bị chiếu xạ/** ThS. Trần Xuân An, CN. Nguyễn Thị Thơm; ThS. Trần Băng Diệp; ThS. Nguyễn Văn Bình; CN. Phạm Duy Dưỡng; ThS. Hoàng Đăng Sáng - Hà Nội - Trung tâm Chiếu xạ Hà Nội, 2021 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Thu nhận và đánh giá chất lượng dịch chiết nấm Đông trùng Hạ thảo *Cordyceps militaris*. Nghiên cứu ảnh hưởng của bức xạ gamma tới sự phát triển của tế bào vi khuẩn *Bacillus subtilis* trên môi trường có bổ sung dịch chiết nấm Đông trùng Hạ thảo *Cordyceps militaris*. Đồng thời, nghiên cứu ảnh hưởng của dịch chiết nấm Đông trùng Hạ thảo *Cordyceps militaris* lên cấu trúc DNA vi khuẩn *Bacillus subtilis* bị chiếu xạ.

Số hồ sơ lưu: 18429

79298. 11-2021. **Hoàn thiện qui trình sản xuất geraniin từ vỏ quả chôm chôm (*Nephelium lappaceum* L.) hỗ trợ điều trị bệnh cao huyết áp và bệnh đái tháo đường/** TS. Hoàng Thân Hoài Thu, TS. Nguyễn Thị Thu Trang; GS.TS. Vũ Thị Thu Hà; DS. CKII Trần Bình Duyên; PGS.TS. Mai Ngọc Chúc; CN. Nguyễn Thị Bảy; TS. Đỗ Mạnh Hùng; TS. Trần Thị Thanh Thủy; TS. Nguyễn Thị Phương Hoà; TS. Phạm Thị Vân Anh; Phạm Chí

Công; Phạm Văn Thành; CN. Lâm Thị Tho; Dương Quang Thắng; CN. Nguyễn Thị Thu Hà; ThS. Cao Thị Thuý; CN. Vũ Thị Thu Thủy; ThS. Nguyễn Mạnh Dương; Nguyễn Văn Chúc; KS. Hoàng Trọng Hà; CN. Phạm Anh Tài; CN. Trần Thị Thanh Hằng - Hà Nội - Phòng Thí nghiệm trọng điểm Công nghệ lọc, hóa dầu, 2020 - 03/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện công nghệ chiết tách và phân lập geraniin từ vỏ quả chôm chôm qui mô phòng thí nghiệm. Xây dựng dây chuyền công nghệ chiết tách và phân lập geraniin qui mô 100kg/mẻ. Tiến hành sản xuất thử nghiệm 5kg geraniin đạt độ tinh khiết 95% theo sắc ký lỏng hiệu năng cao (High-performance liquid chromatography) và sản xuất thử nghiệm 30g geraniin đạt độ tinh khiết 98% theo HPLC. Gia công 200.000 viên nang chứa geraniin đạt tiêu chuẩn cơ sở, hàm lượng geraniin 20mg. Đánh giá chỉ tiêu chất lượng, hiệu quả của sản phẩm viên nang Geraniin 20mg trên lâm sàng.

Số hồ sơ lưu: 18437

### **30404. Hoá dược học**

79227. 11-2021. **Nghiên cứu thành phần hóa học và hoạt tính kháng viêm của loài hương thảo *Rosmarinus officinalis* L./** TS. Lê Thị Huyền, TS. Nguyễn Thị Sơn; TS. Nguyễn Thị Minh Thư; TS. Nguyễn Hải Đăng; TS. Nguyễn Thế Cường; ThS. Lương Thị Mỹ Hạnh; CN. Lê Thị Oanh - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu xây dựng quy trình chiết xuất điều chế các căn chiết methanol, n-hexane, ethyl acetate, nước từ thân và lá loài hương thảo bằng phương pháp chiết siêu âm, đã nghiên cứu phân lập được 10 hợp chất từ phần chiết n-hexane bằng các phương pháp sắc ký hiện đại như TLC, CC, HPLC... xây dựng phương pháp định lượng một số các hoạt chất chính trong cây hương thảo bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao HPLC với detector DAD. Đồng thời, tối ưu hóa quy trình chiết xuất để thu được các hoạt chất chính có hàm lượng cao.

Số hồ sơ lưu: 18428

### **30499. Dược học khác**

78808. 11-2021. **Xây dựng phương pháp phân tích đồng thời một số ma túy tổng hợp nhóm kích thích thần kinh dạng amphetamin trong tóc bằng sắc ký khối phổ.**/ PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng, ThS. Phạm Quốc Chinh; TS. Vũ Đức Lợi; KS. Nguyễn Xuân Hoàn; ThS. Nguyễn Thị Tuyết Minh; TS. Lê Anh Hào; ThS. Nguyễn Mai Dung; DS. Đoàn Thị Hải Hạnh; DS. Phạm Thị Thu Hà; ThS. Chu Thị Như Quỳnh - Hà Nội - Viện Pháp y Quốc gia, 2020 - 07/2018 - 07/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tóc là mẫu đặc biệt hữu dụng trong lĩnh vực pháp y không chỉ vì cửa sổ phát hiện rộng mà còn bởi việc lấy mẫu dễ dàng, mẫu ít bị nhiễm và mẫu có thể được vận chuyển, bảo quản, lưu trữ một cách đơn giản. Hiện nay, nhiều nước trên thế giới chấp nhận phân tích tóc là công cụ có giá trị để xác định những

vấn đề liên quan trong nhiều lĩnh vực như pháp y, pháp luật, lâm sàng, nghiên cứu, cấp giấy phép lái xe. Tại Việt Nam và các nước trên thế giới, ma túy tổng hợp nhóm ATS đã và đang bị lạm dụng và có xu hướng gia tăng nhanh chóng. Do vậy, việc nghiên cứu xác định các chất ma túy tổng hợp nhóm ATS trong tóc đóng vai trò quan trọng trong công tác phòng, chống tệ nạn ma túy và nâng cao năng lực giám định pháp y tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18170

### **399. Khoa học y, dược khác**

#### **39904. Quân y; Y tế quốc phòng**

78950. 11-2021. **Nghiên cứu giải pháp nâng cao phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ quân y trong chăm sóc sức khỏe bộ đội và nhân dân trong thời kỳ mới.**/ PGS.TS. Lê Thu Hà, TS. Bùi Tuấn Khoa; PGS.TS. Nguyễn Bá Dương; GS.TS. Nguyễn Văn Tài; PGS.TS. Nguyễn Mạnh Hương; PGS.TS. Nguyễn Xuân Kiên; ThS. Phạm Hoài Giao; PGS.TS. Nguyễn Hồng Sơn; BS.CKI. Nguyễn Văn Hùng; TS. Nguyễn Mạnh Dũng - Hà Nội - Viện nghiên cứu khoa học y dược lâm sàng 108, 2020 - 12/2016 - 05/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn và xây dựng bộ tiêu chí về phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ quân y trong thời kỳ mới. Tiến hành khảo sát, đánh giá thực trạng phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ quân y hiện nay. Xác định một số yếu tố tác động đến yêu cầu phẩm chất và năng lực của đội ngũ cán bộ

quân y trong chăm sóc sức khỏe bộ đội và nhân dân. Từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ quân y trong chăm sóc sức khỏe bộ đội và nhân dân thời kỳ mới.

Số hồ sơ lưu: 18223

#### 4. Khoa học nông nghiệp

77713. 11-2021. **Nghiên cứu duy trì và phát triển một số giống lúa mùa đặc sản của tỉnh Bến Tre và thí nghiệm các giải pháp làm tăng mùi thơm của hạt gạo**/ Thạc sĩ Võ Hoài Chân, TS Hồ Văn Thiệt; KS Nguyễn Quốc Trung; Nguyễn Thanh Nhân; KS Võ Thị Rãi; KS Đỗ Thị Diễm Thanh; KS Nguyễn Thị Thanh Hằng; TS Bùi Trùng Thọ; KS Trần Nam Kha - Bến Tre - Trung tâm Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Bến Tre, 2020 - 09/2016 - 10/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tuyển chọn được 1 -2 giống lúa mùa phù hợp và năng suất được 500kg Lúa Mùa phục tráng. Kiểm nghiệm và chứng nhận chất lượng các giống lúa đã chọn đạt cấp siêu nguyên chủng. Thực nghiệm đề xuất điều chỉnh một số biện pháp canh tác chính cho các giống đặc sản theo hướng sản xuất hữu cơ, sạch và Thí nghiệm xác định ít nhất một giải pháp tang mùi thơm cho các giống lúa thơm đang trồng trên địa bàn tỉnh.

Số hồ sơ lưu: BTE-139-2020

78860. 11-2021. **Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ nuôi tôm càng xanh (*Macrobrachium rosenbergii* De Man, 1879) thích**

**ứng với biến đổi khí hậu trong mương vườn dừa ở huyện Trà Ôn tỉnh Vĩnh Long.**/ ThS. Nguyễn Văn Tám, ThS. Võ Nguyên Mẫn; KS. Nguyễn Bá Khanh; KS. Nguyễn Văn Bình; PGS.TS. Dương Nhật Long; PGS.TS. Lam Mỹ Lan; ThS. Võ Hoàng Liêm Đức tâm; ThS. Nguyễn Thanh Hiệu; ThS. Nguyễn Hoàng Thanh - Phòng NN &PTNN huyện Trà Ôn - Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Trà Ôn, 2020 - 04/2018 - 02/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hỗ trợ ứng dụng công nghệ, tiếp nhận quy trình kỹ thuật ương giống và nuôi thương phẩm tôm càng xanh trong các mương vườn dừa ở huyện Trà Ôn tỉnh Vĩnh Long. Xây dựng mô hình ương nuôi tôm càng xanh thương phẩm trong các mương vườn dừa ở huyện Trà Ôn tỉnh Vĩnh Long. Khảo sát, phân tích và đánh giá thực trạng kỹ thuật xây dựng và quản lý mô hình nuôi tôm càng xanh ở địa phương. Những thuận lợi, khó khăn cùng những hạn chế trong quá trình sản xuất với các mô hình nuôi tôm càng xanh. Xây dựng 45 điểm mô hình ương nuôi tôm càng xanh thương phẩm trong các mương vườn dừa. Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội, kỹ thuật và môi trường mang lại từ mô hình nuôi tôm trong mương vườn. Đào tạo và tập huấn kỹ thuật cho 9 cán bộ ở cơ sở và 198 lượt nông dân có khả năng tham gia sản xuất với mô hình ở các xã Hòa Bình, Xuân Hiệp, Tích Thiện, Vĩnh Xuân, Thiện Mỹ và Nhơn Bình huyện Trà Ôn tỉnh Vĩnh Long.

Số hồ sơ lưu: VLG.2020.TI007



78974. 11-2021. **Xây dựng mô hình trồng cây củ mài (*Dioscorea persimilis*) tại huyện miền núi Khánh Vĩnh tỉnh Khánh Hòa/ Lê Đăng Công Toại, - Lê Tuấn Quang – Thành chính– Thạc sĩ Chế biến gỗ - Võ Thị Mỹ Dung – Thành viên – Thạc sĩ nuôi trồng thủy sản - Bùi Thị Thu Hiền – Thư ký - CN Công nghệ sinh học - Lê Xuân Hải – Thành viên chính - Thạc sĩ Kỹ thuật điện - Khánh Hòa - Sở Khoa học và Công nghệ, 2020 - 05/2019 - 05/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)**

Kết quả nghiên cứu cho thấy : Tỷ lệ sống của hom giống khá cao (trên 96%) và không phụ thuộc vào mật độ hay mức phân bón. Thời gian ra chồi đầu tiên kể từ lúc trồng 7 ngày, thời gian ra chồi cuối cùng là 19 ngày và không phụ thuộc vào mật độ hay mức phân bón. Chiều dài thân tại thời điểm 7 ngày sau nảy chồi 100% theo dõi được từ 10,27 cm, 14 ngày 17,80cm không bị ảnh hưởng yếu tố mật độ. Thời điểm 21; 28, 35; 42 và 49 ngày chiều dài thân lần lượt là (34,17cm; 73,53cm; 134,27cm; 208,20cm; 304,33cm) và giai đoạn này chiều dài thân chịu ảnh hưởng của cả mật độ và phân bón. Đường kính thân thời điểm sau nảy chồi 100% là 0,11cm, thời điểm 15 ngày 0,132 cm; Giai đoạn 30; 45; 60; 75 và 90 ngày sau khi nảy chồi 100% lần lượt là (0,180cm; 0,197cm; 0,211cm; 0,239cm). Chiều dài củ tại các thời điểm 3 tháng, 5 tháng, 7 tháng, 9 tháng và thu hoạch đều chịu sự ảnh hưởng của yếu tố mật độ và phân bón; tuy nhiên tại thời điểm 3 tháng và 5 tháng mật độ và phân bón không có sự tương tác còn các

thời điểm 7 tháng, 9 tháng và thu hoạch có sự tương tác. Công thức bố trí cho chỉ tiêu chiều dài củ tốt nhất là  $A_3B_1$  và thấp nhất là  $A_1B_2$ . Tại thời điểm thu hoạch công thức cho khối lượng củ cao nhất là  $A_3B_1$  (804,43 gram) và thấp nhất là công thức  $A_1B_2$  (490,00 gram). Công thức  $A_3B_1$  với lợi nhuận 313,59 triệu đồng/ha và tỷ suất lãi là 89,49%; Kế đến là  $A_2B_1$  với lợi nhuận 260,46 triệu đồng/ha và tỷ suất lãi 73,67%. Đã tổng hợp đúc kết được quy trình thâm canh cây củ mài phù hợp tại Khánh Hòa.

Số hồ sơ lưu: ĐKKQ/300

#### **401. Trồng trọt**

73930. 11-2021. **Giải pháp phát triển chuỗi cung ứng nông sản chất lượng cao và an toàn trên địa bàn Hà Nội./ TS. Đào Thế Anh, ThS. Hoàng Thanh Tùng; ThS. Vũ Văn Đoàn; ThS. Nguyễn Văn Sơn; KS. Bùi Quang Duân; KS. Lê Quốc Anh; ThS. Nguyễn Thị Hà; KS. Thái Văn Tình; KS. Dư Văn Châu; ThS. Nguyễn Xuân Hoàn. - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Hệ thống Nông nghiệp, 2018 - 04/2014 - 11/2015. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về chuỗi cung ứng nông sản chất lượng cao và an toàn. Đánh giá thực trạng các chuỗi cung ứng nông sản chất lượng cao và an toàn (rau, lợn thịt và cá) trên địa bàn Hà Nội. Đề xuất giải pháp phát triển, thử nghiệm và đánh giá hiệu quả các chuỗi cung ứng nông sản chất lượng cao và an toàn (rau, lợn thịt và cá) trên địa bàn Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-06/ĐK-TTTT&TK

75837. 11-2021. **Sản xuất meo giống và nuôi trồng một số loại nấm ăn, nấm dược liệu có giá trị kinh tế cao/** PGS.TS. Trần Nhân Dũng, ThS. Phạm Cương Quyết; ThS. Diệp Ngun Thuân; ThS. Nguyễn Quốc Cường; ThS. Trần Ngọc Xuyên; CN. Lương Tuấn Thanh; PGS.TS. Trần Nhân Dũng; ThS. Nguyễn Tường Vy; ThS. Trần Văn Bé Năm; ThS. Vũ Kim Thảo; ThS. Phạm Duy - - Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp, 2018 - 07/2017 - 04/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nấm ăn là thực phẩm ngon có nhiều dinh dưỡng và nấm dược liệu hầu hết đều có tác dụng phòng ngừa chống u bướu (Nguyễn Lân Dũng, 2007), thông dụng quen thuộc như nấm rơm (*Volvariella volvacea*), nấm mèo (*Auricularia* spp.), nấm bào ngư (*Pleurotus citrinopileatus*), nấm chân dài (*Clitocybe maxima*), nấm hoàng kim (*Pleurotus citrinopileatus*), còn có một số loài nấm dược liệu quý có thể nuôi trồng nhưng chưa được khai thác như nấm linh chi (*Ganoderma lucidum*), nấm vân chi (*Trametes versicolor*), nấm vân chi đỏ (*Pycnoporus sanguineus*) nấm hầu thủ (*Hericium erinaceum*), đông trùng hạ thảo (*Cordyceps militaris*) đã được chuyển giao cho Công ty DASCO.

Đề án đã hoàn thành các quy trình phân lập, lưu trữ giống chất lượng cao, ngân hàng giống, với trên 164 giống/ dòng nấm. Đề án đã sáng tạo ra: (1) Quy trình giữ giống nấm chất

lượng cao, (2) Quy trình phân lập phục tráng giống Đông trùng hạ thảo *C.militaris* rất độc đáo để sản xuất đông trùng hạ thảo bền vững chất lượng cao, (3) quy trình kiểm tra chất lượng meo nấm rơm cũng như đánh giá chất lượng dòng nấm rơm. (4) Đề án đã thiết kế khá hoàn chỉnh quy trình sản xuất meo nấm rơm và 10 quy trình sản xuất nấm ăn, nấm dược liệu: nấm rơm, linh chi. vân chi đỏ, vân chi trắng, nấm hầu thủ, đông trùng hạ thảo, bào ngư, hoàng kim, chân dài, mộc nhĩ (nấm mèo). Kèm theo các quy trình riêng các loại nấm, các phương pháp, kỹ thuật chăm sóc, phòng trị sâu bệnh an toàn sinh học, đạo đức khoa học đã được tập huấn, chuyển giao. Chất lượng Đông trùng hạ thảo *C.miliaris* có hàm lượng cordycepin rất cao, vượt trội so với các mẫu trên thị trường. Triển vọng xuất khẩu của nấm linh chi Nhật, nấm vân chi đỏ rất có tiềm năng và triển vọng phát triển thành thực phẩm chủ lực thường xuyên của vùng miền. Đề án đã tận dụng được nguồn nấm và phụ phế phẩm của tỉnh Đồng Tháp và các vùng lân cận gián tiếp bảo vệ môi trường khỏi ô nhiễm. Góp phần làm tăng thu nhập cho người trồng nấm, tạo việc làm cho nông dân nhàn rỗi. Bên cạnh giá trị kinh tế cao, giá thành ổn định và chất lượng tốt, các sản phẩm nấm còn có triển vọng sẽ đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong tỉnh và có tiềm năng xuất khẩu ngoài nước.

Số hồ sơ lưu: DTP-2019-025

75888. 11-2021. **Nghiên cứu biện pháp làm đất thích hợp để nâng cao hiệu quả sản xuất bền vững trên đất trồng lúa 3 vụ tại**

**tỉnh Đồng Tháp/** GS.TS. Nguyễn Bảo Vệ, GS.TS. Nguyễn Bảo Vệ; TS. Nguyễn Thành Tài; PGS.TS. Nguyễn Thành Hải; ThS. Mai Vũ Duy; TS. Trần Thị Bích Vân; KS. Nguyễn Hồng Phú; ThS. Tô Thị Bích Loan - Trường Đại học Cần Thơ - Trường Đại Học Cần Thơ, 0 - 08/2016 - 06/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Sự phát triển của hệ thống thủy lợi và đê bao ngăn lũ đã giúp cho nông dân canh tác được 3 vụ lúa/năm ở tỉnh Đồng Tháp. Kiểu canh tác này đã có từ những năm đầu của thập niên 80 của thế kỷ trước và diện tích ngày càng tăng nhanh góp phần gia tăng tổng sản lượng lương thực, tăng thêm thu nhập cho nông hộ, thêm việc làm cho lao động nông nghiệp. Tuy nhiên, cách làm đất hiện nay đã bộc lộ một số hạn chế ảnh hưởng đến tính bền vững của sản xuất. Năng suất lúa giảm dần theo thời gian canh tác trên ba vụ Đông Xuân, Hè Thu và Thu Đông, nếu muốn tăng năng suất lúa thì phải tăng lượng N bón vào. Năng suất lúa giảm dần theo thời gian trong khi nhu cầu phân bón lại gia tăng dẫn đến lợi nhuận của người trồng lúa ngày càng giảm. Dấu hiệu cũng chỉ ra rằng sự suy thoái chất lượng đất là nguyên nhân chính làm giảm năng suất lúa theo thời gian canh tác (Ladha et al., 2003). Trong những thí nghiệm dài hạn trồng 2 hoặc 3 vụ lúa/năm, Olk et al. (2004) có kết luận là sau khi đạt tiềm năng suất tối đa thì năng suất lại sụt giảm 35% sau 20 - 30 năm trồng lúa. Trong đó, làm đất là nguyên nhân đầu tiên làm thay đổi đặc tính của đất lúa ngập nước.

Tiến trình làm đất ảnh hưởng đến các tính chất vật lý, hóa học và sinh học đất trồng lúa. Đứng về góc độ làm đất, qua nghiên cứu và thực tiễn sản xuất cho thấy độ phì của tầng canh tác lúa được quyết định bởi các yếu tố sau đây: Độ sâu làm đất: Việc đánh bùn để đất được mềm nhão, làm bằng mặt ruộng và giảm lượng nước thấm sâu, tiết kiệm nước, hạn chế mất phân là việc cần phải làm. Tuy nhiên, làm đất cạn sẽ làm tầng đế cày gần mặt đất, tầng canh tác mỏng dẫn đến nguồn cung cấp dinh dưỡng cơ hữu của đất bị hạn chế và hiệu quả sử dụng phân bón thấp do khả năng giữ phân kém. Rễ phát triển kém dễ đổ ngã sẽ ảnh hưởng đến sự sinh trưởng của lúa, gia tăng chi phí sản xuất. Do đó, cần nghiên cứu độ sâu làm đất là cần thiết. Phân hủy rơm rạ sau vụ lúa: Chôn vùi rơm rạ vào đất ngập nước sẽ sản sinh độc chất hữu cơ hai lúa, sự thiệt hại này trở nên mãnh liệt hơn khi đất có phèn. Trong điều kiện ngập nước, sự phân hủy rơm rạ rất chậm do tập đoàn vi sinh vật yếm khí cơ hữu của đất hoạt động yếu. Do đó, để sự phân hủy rơm rạ xảy ra được nhanh chóng kịp trong thời gian đất trồng giữa hai vụ, cần phải có những nghiên cứu bổ sung vi sinh vật phân hủy rơm rạ và nghiên cứu điều kiện để phân hủy có hiệu quả. Phơi đất lúc làm đất: Tổng quan tài liệu trong và ngoài nước đều cho thấy đất ngập nước quanh năm làm thay đổi hệ sinh vật đất dẫn đến sự chuyển hóa chất dinh dưỡng trong đất kém hiệu quả, cũng như khoáng hóa thuận về hóa học đất cũng bị trì trệ. Kinh nghiệm trồng lúa của ông ta đã đúc kết "Một cụ đất nỏ bằng giỏ phân".

Nghiên cứu khoảng cách giữa các rãnh nước. Thực tế cho thấy những cây lúa nước hai bên rãnh nước phát triển rất tốt, bông to, nhiều hạt bù lại phần đất bị mất do làm rãnh. Kết quả cho thấy đã cải thiện một số tính chất về độ phì của đất; Giảm chi phí phân bón, giảm đổ ngã, tăng hiệu quả sản xuất.

Số hồ sơ lưu: DTP-2020-001

76915. 11-2021. **Xây dựng mô hình vườn ươm giống bơ nhập nội trái vụ có năng suất, chất lượng cao tại huyện Bảo Lâm/ CN.** Nguyễn Văn Quang, CN. Lê Văn Quyền; ThS. Lê Xuân Thảo; BSTY. Vũ Thị Quỳnh - Lâm Đồng - Trung tâm Ứng dụng khoa học và công nghệ Lâm Đồng, 2020 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Năm 2019, UBND huyện Bảo Lâm giao cho Trung tâm Ứng dụng KH&CN tỉnh Lâm Đồng chủ trì thực hiện dự án “*Xây dựng mô hình vườn ươm giống bơ nhập nội, trái vụ có năng suất, chất lượng cao tại huyện Bảo Lâm*”. Với mục tiêu xây dựng 01 vườn ươm 03 giống bơ nhập nội, trái vụ có năng suất, chất lượng cao, đạt tiêu chuẩn cơ sở để cung cấp nguồn giống cho nhân dân tại huyện Bảo Lâm và vùng lân cận, từng bước chuyển đổi bộ giống bơ có năng suất chất lượng tốt nhằm nâng cao thu nhập cho người trồng bơ tại địa phương. Trên cơ sở quy trình nhân ươm cây giống bơ của đề tài “*Chọn lọc, di thực, bình tuyển và thử nghiệm trồng một số giống bơ có năng suất cao và chất lượng tốt tại tỉnh Lâm Đồng*”, do Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao kỹ thuật

cây công nghiệp và cây ăn quả Lâm Đồng thực hiện, kết hợp với điều kiện thực tế tại địa phương Dự án biên tập, hoàn thiện quy trình nhân ươm cây giống bơ làm tài liệu áp dụng vào thực tế của dự án, và chuyển giao cho các hộ nông dân có nhu cầu. Tài liệu kỹ thuật gồm những nội dung chính: Ươm cây giống làm gốc ghép, ghép giống, chăm sóc cây sau khi ghép. Ban chủ nhiệm dự án phối hợp với phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Bảo Lâm, Trung tâm Nông nghiệp Bảo Lâm, UBND xã Lộc Ngãi khảo sát chọn 01 hộ nông dân đảm bảo điều kiện tham gia xây dựng mô hình. Hộ được chọn có nhu cầu nhân ươm cây giống các giống bơ trong dự án, có vườn cây giống bơ đầu dòng các giống Pinkerton, Hass, Reed, chủ động được nguồn nước, công lao động và các điều kiện khác đảm bảo yêu cầu của dự án. Dự án hỗ trợ vật tư, kỹ thuật lắp đặt 500 m<sup>2</sup> nhà kính đảm bảo tiêu chuẩn của nhà ươm cây. Hộ dân đối ứng lắp đặt hệ thống tưới phun mưa, lưới che ánh sáng, giàn kệ và các điều kiện khác đưa vào sử dụng từ tháng 4/2019.

Số hồ sơ lưu: LDG-2020-008

78191. 11-2021. **Nghiên cứu quy trình chăm sóc cây giống bưởi da xanh và chôm chôm trong điều kiện hạn hán xâm nhập mặn/** Kỹ sư Trần Công Tín, KS Trần Công Tín; ThS Đinh Tấn Thừa; KS Nguyễn Văn Thạch; ThS Võ Minh Khoa; ThS Hồ Vũ Linh Đan - Chợ Lách, Bến Tre - Trạm khuyến nông huyện Chợ Lách, 2020 - 10/2019 - 09/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xác định được tổ hợp phân bón tốt nhất áp dụng vào qui trình sản xuất cây giống nhằm giảm tỉ lệ cây chết 30% trong điều kiện tưới nước mặn 1 ‰ trên cây Chôm chôm và 2‰ trên cây Bưởi da xanh trong thời gian tưới 60 ngày. Xác định được nồng độ mặn của nước có thể tưới cho cây giống chôm chôm và Bưởi da xanh khi chăm sóc cây giống có áp dụng tổ hợp kỹ thuật tốt nhất. Tổ chức tập huấn chuyển giao quy trình chăm sóc cây giống Chôm chôm và Bưởi da xanh trong điều kiện hạn mặn sau khi đề tài thực hiện có kết quả cho 240 nông dân trên đại bàn huyện Chợ Lách.

Số hồ sơ lưu: BTE-144-2020

#### **40102. Thổ nhưỡng học**

74128. 11-2021. **Nghiên cứu xác định đối tượng và cơ cấu cây trồng phù hợp trên đất thoái hóa tại xã Cam Thịnh Tây, Thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa/** ThS. Phạm Vũ Bảo, Đỗ Thị Ngọc; Nguyễn Phúc Hưng; Nguyễn Văn Dương; Nguyễn Thị Dung; Nguyễn Quốc Hải; Trần Quốc Đạt; Nguyễn Bình Nhật - Khánh Hòa - Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Duyên hải Nam trung bộ, 2018 - 09/2014 - 09/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Phân tích, đánh giá được hiện trạng về cơ cấu cây trồng và kỹ thuật canh tác nhằm xác cơ sở khoa học, thực tiễn của việc xác định đối tượng và cơ cấu cây trồng trên các loại đất và loại hình canh tác chính của xã Cam Thịnh Tây. Xác định được đối tượng và cơ cấu cây trồng thích nghi

trên đất thoái hóa ở xã Cam Thịnh Tây theo hướng nâng cao độ phì đất, hiệu quả kinh tế và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương. Xây dựng được mô hình trình diễn đối tượng và cơ cấu cây trồng phù hợp trên đất thoái hóa ở xã Cam Thịnh Tây theo hướng nâng cao độ phì đất, hiệu quả kinh tế và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương. Xác định được nguyên nhân và đề xuất được các giải pháp hạn chế thoái hóa đất ở xã Cam Thịnh Tây, thành phố Cam Ranh.

Số hồ sơ lưu: KHA-005-2019

#### **40103. Cây lương thực và cây thực phẩm**

76771. 11-2021. **Nghiên cứu chọn tạo giống ngô lai ngắn ngày năng suất cao cho các tỉnh Miền Trung/** ThS. Vũ Hoài Sơn, TS. Lương Văn Vàng; ThS. Nguyễn Thị Phương Hạnh; KS. Nguyễn Thị Hạnh; ThS. Lương Thái Hà; ThS. Nguyễn Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Hữu Hùng; ThS. Phạm Ngọc Thanh; ThS. Nguyễn Đức Anh; ThS. Hồ Sỹ Công - Hà Nội - Viện Nghiên cứu ngô, 2019 - 01/2016 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Chọn lọc được 3 dòng thuần có đặc điểm nông sinh học tốt, chịu hạn khá, có khả năng kết hợp cao, năng suất đạt từ 2,5 - 3,0 tấn/ha. Chọn tạo được 1 giống ngô lai ngắn ngày (TGST 100 - 110 ngày), chịu hạn (điểm 1-2), chống đổ tốt (điểm 1-2), chống chịu một số sâu bệnh chính, năng suất đạt 7,0 - 8,0 tấn/ha, màu vàng đẹp đáp ứng thị hiếu người tiêu dùng. Xây dựng được quy trình sản xuất hạt lai F1 đạt năng suất 2,5 - 3,0

tân/ha, được. Xây dựng được quy trình thâm canh giống ngô lai mới ngắn ngày, năng suất cao (7,0 - 8,0 tấn/ha).

Số hồ sơ lưu: 17323

76944. 11-2021. **Nghiên cứu phương pháp mới gây đột biến ở ngô bằng xử lý hóa chất EMS trên hạt phấn và cấu đột biến có định hướng (TILLING) phục vụ nghiên cứu khoa học cơ bản và chọn giống ngô năng suất cao.**/ TS. Vi Lạng Sơn, PGS.TS. Khuất Hữu Trung; ThS. Nguyễn Thị Nhung; ThS. Trần Thị Thúy; CN. Nguyễn Thị Ngọc Diệp - Hà Nội - Viện di truyền nông nghiệp, 2020 - 04/2015 - 03/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện công nghệ và tạo ra ngân hàng đột biến trên các dòng ngô nội, để có thể dùng trực tiếp chọn tạo giống mà không cần backcross; nghiên cứu hoàn thiện công nghệ đột biến hạt phấn của ngô bằng hóa chất EMS trên các dòng ngô bản địa như bố mẹ LVN10, VS36. Chọn lọc bằng kiểu hình đột biến từ ngân hàng đột biến xây dựng được ở mục tiêu trồng 1000 M2 families và kiểm tra kiểu hình đột biến dễ nhận biết như trổ cờ sớm, chiều cao cây; góc lá đứng, bắp có đỉnh sinh trưởng loe (fasciation); v.v... chọn lọc bằng kiểu gene (TILLING). Phối hợp với đối tác ở Mỹ để cấu đột biến trên các gene có tiềm năng tăng năng suất cây ngô: THICK TASSEL DWARF1, COMPACT PLANT 2, FASCIATED EAR2 qui định số hàng hạt trên bắp.

Số hồ sơ lưu: 17378

78744. 11-2021. **Ứng dụng khoa học và công nghệ trong nhân giống, trồng và chế biến cây Trà hoa vàng (Camellia chrysantha) tại tỉnh Thái Nguyên/ Nguyễn Thị Ngọc Mai, Nguyễn Thị Ngọc Mai; Vũ Thị Nguyên; Đặng Đức Hương; Vũ Hữu Đức; Đặng Đình Hải; Nguyễn Thị Lai; Vũ Hữu Giao - Thái Nguyên - Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển nông nghiệp xanh Thái Nguyên, 2020 - 04/2017 - 04/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Điều tra thu thập cây giống gốc trong tự nhiên và xây dựng vườn giống gốc tại huyện Đồng Hỷ và Tân Thịnh – Thành phố Thái Nguyên. Xây dựng vườn nhân giống quy mô 10.000 cây/năm. Xây dựng mô hình sản xuất Trà hoa vàng 3 ha tại xã Cổ Lũng huyện Phú Lương và xã Tân Thái tỉnh Thái nguyên. Chế biến trà hoa vàng. Tổ chức tập huấn chuyển giao kỹ thuật và hội thảo đánh giá kết quả tại các vùng thực hiện dự án.

Số hồ sơ lưu: TNN-2020-005

78765. 11-2021. **Bảo tồn và phát triển giống chè giống Trung du nhằm giữ gìn và phát triển chỉ dẫn địa lý Tân Cương cho sản phẩm chè của Thái Nguyên/ Vũ Đức Hải, Vũ Đức Hải; Triệu Thị Huệ; Nguyễn Mạnh Cường; Chu Thị Ngọc Dung - Thái Nguyên - Trung tâm Phát triển KH&CN tỉnh Thái Nguyên, 2020 - 09/2017 - 09/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Điều tra tuyển chọn cây chè Trung du đầu dòn, ưu tú. Chuyển giao công nghệ, xây dựng mô hình

nhân giống quy mô 6 vạn bầu phục vụ trồng vườn cây đầu dòng, vườn ươm cây ưu tú. Chuyển giao công nghệ, xây dựng 3 ha mô hình trồng giống chè Trung du đầu dòng, giống chè ưu tú. Chuyển giao công nghệ, xây dựng 07 ha mô hình thâm canh cải tạo chè Trung du.

Số hồ sơ lưu: TNN-2020-011

79242. 11-2021. **Nghiên cứu tuyển chọn và phát triển cây diêm mạch (*Chenopodium quinoa* Willd.) tại một số vùng sinh thái phù hợp ở Việt Nam/ PGS.TS. Nguyễn Việt Long, ThS. Trần Thị Minh Ngọc; PGS.TS. Nguyễn Thế Hùng; TS. Hoàng Đăng Dũng; ThS. Nguyễn Thị Bích Hồng; PGS.TS. Trần Thị Lan Hương; TS. Nguyễn Văn Khoa; TS. Trần Tấn Phương; TS. Mai Văn Tân; PGS.TS. Nguyễn Tất Cảnh; TS. Nguyễn Văn Lộc; ThS. Nguyễn Anh Đức; ThS. Đỗ Thị Ngọc Ánh; ThS. Đoàn Thị Yến - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2020 - 09/2017 - 09/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Tuyển chọn 02-03 giống diêm mạch triển vọng tham gia khảo nghiệm và tuyển chọn 01 giống được công nhận sản xuất thử có năng suất đạt 2 tấn/ha, hàm lượng protein từ 15-21%, chịu hạn (độ ẩm đất ở ngưỡng 40-50% độ ẩm tối đa đồng ruộng) hoặc chịu mặn (độ mặn tương đương 4-6‰) và đã tạo ra 01 quy trình canh tác cây diêm mạch/vùng sinh thái (nghiên cứu tại ba vùng sinh thái). Đồng thời đã xây dựng 01 mô hình tại mỗi vùng sinh thái thích hợp (nghiên cứu tại ba vùng sinh thái), quy mô tối thiểu 01 ha/vùng/vụ

với năng suất đạt khoảng 2 tấn/ha tại vùng sinh thái phù hợp.

Số hồ sơ lưu: 18421

#### **40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả**

75696. 11-2021. **Ảnh hưởng của giá thể và dinh dưỡng lên sự sinh trưởng, phát triển cây hương tuyết cầu (*Lobularia maritima*) trồng trong chậu tại Thành phố Hồ Chí Minh./ KS. Lê Thiên Việt Hùng, KS. Nguyễn Hoàng Duy Lưu - TP. Hồ Chí Minh - Phân viện Chăn nuôi Nam Bộ, 2018 - 05/2017 - 12/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Xác định được loại giá thể và lượng dung dịch dinh dưỡng tưới phù hợp cho sự sinh trưởng, phát triển cây hương tuyết cầu trồng chậu. Ảnh hưởng của nồng độ đạm đến sinh trưởng, phát triển cây hương tuyết cầu trồng chậu tại Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả 200 chậu cây tuyết cầu, cây trồng chậu 3 tháng tuổi, chiều cao cây > 20 cm, đường kính tán > 30 cm, sinh trưởng phát triển tốt, hoa đều đẹp, không bị sâu, bệnh hại.

Số hồ sơ lưu: HCM-0293-2018

75699. 11-2021. **Nghiên cứu chọn tạo giống cà chua bi năng suất cao, chất lượng tốt phù hợp với khu vực phía Nam (năm thứ 2)/ ThS. Trần Văn Lâm, - TP. Hồ Chí Minh - Phân viện Chăn nuôi Nam Bộ, 2018 - 01/2017 - 12/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Chọn tạo ra 1 - 2 giống cà chua bi lai F1 năng suất cao (> 50 tấn/ha), chất

lượng tốt, phù hợp với khí hậu khu vực phía Nam. Xác định được mẫu giống cà chua bi có năng suất cao, chất lượng tốt phù hợp với điều kiện khí hậu khu vực phía Nam, tạo được 50 – 100 dòng cà chua bi S1. Nghiên cứu tạo dòng thuần cho cà chua bi S1. Thu thập và khảo sát nguồn giống cà chua bi. Nghiên cứu đánh giá nguồn vật liệu chọn giống cà chua bi.

Số hồ sơ lưu: HCM-0296-2018

78888. 11-2021. **Tái cấu trúc ngành chè theo hướng sản xuất chè hữu cơ/** TS. Tô Thế Nguyên, TS. Trần Thị Thu Hương; TS. Nguyễn Quốc Oánh; TS. Bùi Thị Minh Hằng; TS. Nguyễn Thành Vũ; TS. Nguyễn Bích Hồng; TS. Nguyễn Hồng Chinh - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2020 - 06/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khảo sát, đánh giá hiệu quả (kinh tế và kỹ thuật) của sản xuất chè truyền thống và chè hữu cơ ở Việt Nam, tìm ra yếu tố tác động đến hiệu quả, do đó có căn cứ giúp cải thiện năng suất chè để có thể hội nhập và nâng cao sức cạnh tranh của chè Việt Nam. Đánh giá thực trạng xu hướng sản xuất hữu cơ của sản xuất chè ở Việt Nam, tìm ra các nhân tố ảnh hưởng đến xu hướng chuyển đổi đó, từ đó có các kiến nghị phù hợp cho các chính sách mà Chính phủ đang theo đuổi.

Số hồ sơ lưu: 18200

#### **40106. Bảo vệ thực vật**

78907. 11-2021. **Nghiên cứu biện pháp phòng trừ tổng hợp rệp sáp bột hồng ( Phenacoccus Manihoti Matile- Ferrero) hại sắn tại Phú Yên và các tỉnh Duyên Hải Nam Trung Bộ./** TS. Nguyễn Thị Thủy, ThS. Đặng Thị Lan Anh; ThS. Hà Thị Kim Thoa; ThS. Nguyễn Thị Mai Lương; ThS. Phạm Văn Sơn; PGS.TS. Trương Xuân Lam; ThS. Đặng Văn Mạnh; ThS. Ngô Thạch Quỳnh Huyền; ThS. Đào Công Nghiêm; KS. Nguyễn Quốc Tuấn; ThS. Phạm Duy Trọng; ThS. Trần Thị Thúy Hằng; ThS. Nguyễn Lê Lan Đa; ThS. Nguyễn Thanh Hiếu; ThS. Lê Thị Thanh Thủy; TS. Đặng Thị Huế - Hà Nội - Viện Bảo vệ thực vật, 2020 - 09/2017 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Điều tra, xác định thành phần loài rệp sáp bột (Pseudococcidae) trên cây sắn, sự phát sinh, hình thành quần thể và diễn biến mật độ, yếu tố ảnh hưởng đến số lượng của rệp sáp bột hồng tại Phú Yên và Duyên hải Nam Trung Bộ. Nghiên cứu đặc điểm chính về sinh học và sinh thái học của rệp sáp bột hồng tại Phú Yên, Bình Định, Khánh Hòa. Tìm hiểu các biện pháp phòng trừ tổng hợp rệp sáp bột hồng hại sắn và xây dựng mô hình phòng trừ tổng hợp IPM rệp sáp bột hồng trên cây sắn đồng thời chuyển giao quy trình phòng trừ tổng hợp rệp sáp bột hồng trên cây sắn cho nông dân.

Số hồ sơ lưu: 18214



**40199. Khoa học công nghệ trồng trọt khác**

78945. 11-2021. **Nghiên cứu xây dựng hệ số phát thải khí nhà kính quốc gia cho lúa và các loại cây trồng cạn chủ yếu phục vụ kiểm kê khí nhà kính và xây dựng các giải pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của ngành Nông nghiệp/** PGS.TS. Mai Văn Trinh, TS. Bùi Thị Phương Loan; ThS. Vũ Thị Hằng; ThS. Đinh Quang Hiếu; ThS. Lục Thị Thanh Thêm; CN. Phạm Thị Minh Ngọc; KS. Quách Tất Quang; TS. Hồ Huy Cường; TS. Dương Hoàng Sơn; ThS. Trịnh Đức Toàn - Hà Nội - Viện Môi trường Nông nghiệp, 2020 - 09/2017 - 09/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan nghiên cứu về phát thải khí nhà kính trong canh tác lúa, một số cây trồng cạn trong nước và trên thế giới. Xây dựng hệ số phát thải cho lúa và một số cây trồng cạn chủ yếu trên các loại đất chính trên các vùng sinh thái nông nghiệp và của Quốc gia, đồng thời xây dựng cơ sở dữ liệu không gian về hệ số phát thải khí nhà kính và xây dựng được Metadata quản lý dữ liệu phát thải khí nhà kính cho lúa và cây trồng cạn theo các vùng sinh thái. Từ đó, nghiên cứu đề xuất giải pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong trồng trọt.

Số hồ sơ lưu: 18221

78999. 11-2021. **Nghiên cứu sản xuất và ứng dụng một số vật liệu mới (chất hấp thụ, hạt cải tạo đất và vải địa kỹ thuật) từ phế phụ phẩm mía đường và lúa để nâng cao giá trị gia tăng và phục vụ**

**nông nghiệp bền vững/** GS.TS. Đỗ Năng Vịnh, Lê Văn Tam; PGS.TS. Lê Như Kiều; PGS.TS. Hà Thị Thúy; PGS.TS. Nguyễn Thanh Liêm; TS. Vũ Văn Tiến; TS. Lê Thị Thanh Thủy; KS. Trần Văn Hùng; KS. Lê Việt Hùng; ThS. Trần Thị Hạnh; PGS.TS. Bạch Trọng Phúc; KS. Lê Quang Mây; TS. Nguyễn Thành Đức; CN. Trịnh Hồng Sơn; TS. Trần Ngọc Thanh; ThS. Nguyễn Văn Toàn - Hà Nội - Viện di truyền nông nghiệp, 2021 - 10/2016 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá nguồn sinh khối sử dụng làm nguyên liệu chế tạo vật liệu mới (chất hấp thụ, sợi hữu cơ và vải địa kỹ thuật) từ phụ phế phẩm mía đường và lúa. Nghiên cứu quy trình sản xuất hạt phân bón hữu cơ vi sinh chất lượng cao. Xây dựng mô hình ứng dụng hạt hữu cơ phân bón trong canh tác cây rau màu và mía (1,0 ha rau và 2,0 ha mía). Nghiên cứu quy trình công nghệ sản xuất hạt hoạt tính từ bã mía, sử dụng bã mía, rơm rạ để chế tạo sợi và phân tích các đặc tính cơ bản của các loại sợi.

Số hồ sơ lưu: 18244

**402. Chăn nuôi**

75655. 11-2021. **Nghiên cứu công thức lai kinh tế và xây dựng mô hình chăn nuôi bò thịt cao sản tại TP. Hồ Chí Minh/** TS. Đoàn Đức Vũ, Phan Văn Sỹ; Nguyễn Thị Thủy Tiên; Phạm Công Hải; Bùi Thanh Điền; Lương Văn Kiều; Nguyễn Văn Minh - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm công nghệ sinh học Chăn nuôi, 2018 - 12/2015 - 11/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá tình hình chăn nuôi bò thịt tại TP. Hồ Chí Minh, một số chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của các công thức lai bò thịt 2 máu làm cơ sở cho việc xác định được một số công thức lai kinh tế bò thịt 3 máu và xây dựng mô hình tổ chức chăn nuôi bò thịt. Điều tra đánh giá tình hình chăn nuôi bò thịt tại TP. Hồ Chí Minh. Đánh giá một số chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của các công thức lai bò thịt 2 máu. Nghiên cứu xác định một số công thức lai kinh tế bò thịt cao sản tại TP. Hồ Chí Minh. Xây dựng mô hình tổ chức hợp tác chăn nuôi bò thịt cao sản tại TP. Hồ Chí Minh.

Số hồ sơ lưu: HCM-0274-2018

77283. 11-2021. **Đánh giá các yếu tố tác động của dịch lở mồm long móng, dịch tai xanh và đề xuất các giải pháp kỹ thuật, chính sách và tổ chức phát triển chăn nuôi lợn ở nước ta/ TS. Lê Thị Thanh Huyền, TS. Đinh Xuân Tùng; KS. Nguyễn Đăng Thanh; ThS. Đỗ Văn Đức; ThS. Lê Tiến Dũng; KS. Hàn Anh Tuấn; KS. Đinh Khánh Thùy - Hà Nội - Viện Chăn nuôi, 2014 - 01/2011 - 02/2014. (Đề tài cấp Bộ)**

Xác định các yếu tố rủi ro lây lan dịch lở mồm long móng (LMLM) và tai xanh trong chăn nuôi lợn. Đánh giá mức độ ảnh hưởng (trực tiếp và gián tiếp) của dịch bệnh LMLM và tai xanh cũng như những biện pháp phòng trừ đến sinh kế, dịch bệnh của các tác nhân tham gia quá trình sản xuất kinh doanh chăn nuôi lợn. Đề xuất các giải pháp chính sách nhằm triển khai có hiệu quả các giải pháp phòng chống dịch

bệnh để giảm thiểu tác động và lây lan 2 loại bệnh này.

Số hồ sơ lưu: 17519

78745. 11-2021. **Xây dựng mô hình chăn nuôi bò thịt theo hướng sản xuất hàng hóa nhằm nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên/ Hà Văn An, Hà Văn An; Sầm Thúy Vinh; Nguyễn Đức Hùng; Nguyễn Văn Đích; Nguyễn Khắc Huy; Đinh Thị Trà Linh - Thái Nguyên - Công ty Cổ phần Nam Việt, 2019 - 09/2016 - 09/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Đào tạo, tập huấn kỹ thuật cho cán bộ chuyên môn kỹ thuật và hộ chăn nuôi về quy trình kỹ thuật nuôi bò thịt cao sản; tổ chức tham quan học tập mô hình. Xây dựng trang trại phát triển chăn nuôi bò sinh sản và bò thịt sản xuất chất lượng cao. Xây dựng mô hình chăn nuôi bò sinh sản và bò thịt chất lượng cao tại hộ nông dân liên kết sản xuất theo chuỗi.

Số hồ sơ lưu: TNN-2020-006

**40202. Di truyền và nhân giống động vật nuôi**

78782. 11-2021. **Khai thác và phát triển nguồn gen gà Kiến và gà Lạc Thủy/ ThS. Nguyễn Thị Mười, ThS. Phạm Thị Thanh Bình; ThS. Trần Quốc Hùng; ThS. Đào Đoàn Trang; ThS. Nguyễn Thị Hải; ThS. Dương Trí Tuấn; ThS. Lý Văn Vỹ; Kỹ sư. Trần Thúy An; ThS. Nguyễn Quyết Thắng; Kỹ sư. Đinh Thị Thương Thương - Hà Nội - Trung tâm Thực nghiệm và Bảo tồn vật nuôi, 2020 - 09/2016 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Xây dựng tiêu chuẩn đàn hạt nhân, đàn sản xuất và đàn thương phẩm cho gà Kiến và gà Lạc Thủy. Xây dựng đàn hạt nhân gà Kiến với quy mô 200 con và gà Lạc Thủy với quy mô 500 con. Xây dựng đàn gà Kiến với quy mô 200 con và đàn gà sản xuất Lạc Thủy với quy mô 400 con. Xây dựng quy trình chọn đàn hạt nhân, quy trình chăn nuôi gà Kiến gà và Lạc Thủy thương phẩm.

Số hồ sơ lưu: 18157

#### **40299. Khoa học công nghệ chăn nuôi khác**

78745. 11-2021. **Xây dựng mô hình chăn nuôi bò thịt theo hướng sản xuất hàng hóa nhằm nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên/ Hà Văn An, Hà Văn An; Sầm Thúy Vinh; Nguyễn Đức Hùng; Nguyễn Văn Đích; Nguyễn Khắc Huy; Đinh Thị Trà Linh - Thái Nguyên - Công ty Cổ phần Nam Việt, 2019 - 09/2016 - 09/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Đào tạo, tập huấn kỹ thuật cho cán bộ chuyên môn kỹ thuật và hộ chăn nuôi về quy trình kỹ thuật nuôi bò thịt cao sản; tổ chức tham quan học tập mô hình. Xây dựng trang trại phát triển chăn nuôi bò sinh sản và bò thịt sản xuất chất lượng cao. Xây dựng mô hình chăn nuôi bò sinh sản và bò thịt chất lượng cao tại hộ nông dân liên kết sản xuất theo chuỗi.

Số hồ sơ lưu: TNN-2020-006

#### **404. Lâm nghiệp**

##### **40407. Bảo quản và chế biến lâm sản**

78906. 11-2021. **Sản xuất chế phẩm hỗn hợp MF1, MF2 ứng dụng trong trồng rừng thông, bạch đàn và keo cung cấp gỗ lớn/ TS. Nguyễn Thị Thuý Nga, TS. Nguyễn Minh Chí; KS. Nguyễn Thị Tuyên; KS. Phạm Văn Nhật; KS. Trần Nhật Tân; ThS. Trần Xuân Hinh; KS. Trần Việt Thắng; KS. Nguyễn Thị Loan; ThS. Nguyễn Văn Nam; ThS. Nguyễn Văn Kiêm - Hà Nội - Viện Khoa học lâm nghiệp Việt nam, 2020 - 07/2017 - 07/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Hoàn thiện quy trình công nghệ nhân sinh khối và sản xuất chế phẩm hỗn hợp vi sinh vật MF1, MF2 quy mô 1 tấn/ mẻ và hoàn thiện quy trình sử dụng chế phẩm MF1, MF2 đối với vườn ươm và rừng với các loài cây thông, keo, bạch đàn trên các vùng đất nghèo dinh dưỡng. Sản xuất thương phẩm chế phẩm MF1 là 15 tấn, chế phẩm MF2 10 tấn phục vụ lưu hành thị trường, thời hạn sử dụng chế phẩm thời gian 6 - 9 tháng. Tiến hành đánh giá hiệu quả về khoa học công nghệ, kinh tế, môi trường và hội xã hội cũng như khả năng phát triển của sản phẩm trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 18212

#### **405. Thủy sản**

##### **40503. Bệnh học thủy sản**

73922. 11-2021. **Nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật và quản lý nhằm kiểm soát hiệu quả bệnh**

sung vôi trên Tu hài (*Lutreria philippinarum* Reeve, 1854) nuôi/ TS. Đặng Thị Lua, PGS. TS. Phan Thị Vân; ThS. Phạm Thị Yên; ThS. Nguyễn Thị Hạnh; TS. Trương Thị Mỹ Hạnh; ThS. Phạm Thế Việt; KS. Đào Xuân Trường; ThS. Nguyễn Thị Là; ThS. Nguyễn Đức Bình; TS. Kim Thị Phương Oanh - Bắc Ninh - Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I, 2018 - 01/2015 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Tách chiết và tinh sạch tác nhân sung vôi VLPs phục vụ giải trình tự đoạn gen phát triển kít chắn đoán nhanh bệnh sung vôi; Thử nghiệm một số biện pháp kỹ thuật và quản lý nhằm kiểm soát bệnh sung vôi ở giai đoạn ương giống cấp I lên cấp II; Thử nghiệm một số biện pháp kỹ thuật và quản lý nhằm kiểm soát bệnh sung vôi ở giai đoạn nuôi thương phẩm; Theo dõi sự xuất hiện dịch bệnh sung vôi trong các mô hình thử nghiệm và đánh giá kết quả thử nghiệm B. Nghiên cứu giải mã metagenomics của dịch chiết tu hài bệnh chứa VLPs; Nghiên cứu xác định các yếu tố nguy cơ liên quan đến sự xuất hiện và bùng phát bệnh sung vôi; Đề xuất biện pháp kỹ thuật phòng trị bệnh sung vôi và đề xuất biện pháp quản lý góp phần phát triển nghề nuôi tu hài bền vững.

Số hồ sơ lưu: 16293

#### **406. Công nghệ sinh học trong nông nghiệp**

##### **40601. Công nghệ gen (cây trồng và động vật nuôi); nhân dòng vật nuôi;**

78892. 11-2021. **Đánh giá tiềm năng di truyền một số nguồn gen rau địa phương họ bầu bí và hoa thập tự ở miền Bắc Việt Nam/** PGS.TS. Lã Tuấn Nghĩa, TS. Hoàng Thị Huệ; ThS. Lê Thị Thu Trang; ThS. Đàm Thị Thu Hà; ThS. Nguyễn Thị Tâm Phúc; CN. Phạm Thị Thùy Dương; ThS. Nguyễn Ngọc An; TS. Trần Thị Thu Hoài; TS. Ngô Thị Hạnh; TS. Đoàn Xuân Cảnh - Hà Nội - Trung tâm Tài nguyên Thực vật, 2020 - 10/2016 - 09/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng cơ sở dữ liệu về đặc điểm nông sinh học chính và đa dạng di truyền ở mức độ phân tử của một số nguồn gen địa phương: bí đỏ, mướp, cải mè, cải củ. Xác định các chỉ thị phân tử ADN đặc trưng cho các nguồn gen địa phương: bí đỏ, mướp, cải mè, cải củ và ít nhất 5 chỉ thị liên kết với tính trạng chất lượng và chống chịu bệnh. Đề xuất hướng bảo tồn và sử dụng các nguồn gen: bí đỏ, mướp, cải mè, cải củ có tiềm năng ở miền Bắc Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18206

78949. 11-2021. **ứng dụng công nghệ tinh phân ly giới tính và công nghệ phối trong sản xuất bò sữa cao sản ở Việt Nam/** PGS.TS. Hoàng Kim Giao, PGS.TS. Hoàng Kim Giao; ThS. Ngô Tiến Dũng; TS. Võ Văn Sự; TS. Nguyễn Ngọc Hùng; ThS. Hoàng Xuân Nghinh;

KS. Hà Đình Hiệu; KS. Phạm Tuấn Hiệp; ThS. Trần Thị Loan; TS. Nguyễn Hữu Đức; KS. Lê Văn Thiện - Nghệ An - Công ty cổ phần thực phẩm sữa TH, 2020 - 01/2017 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu hoàn thiện quy trình công nghệ thụ tinh nhân tạo sử dụng tinh phân ly giới tính đạt tỷ lệ thụ thai >42%. Quy trình được công nhận là tiến bộ kỹ thuật. Đồng thời, nghiên cứu hoàn thiện quy trình công nghệ tạo phôi phân ly giới tính (phôi tươi và phôi đông lạnh) đạt trên 5 phôi trong đó 03 phôi loại A, 02 phôi loại B / lần thụ phôi. Tiến hành sản xuất trên 2.000 phôi phân ly giới tính và 600 bê sinh ra từ phôi phân ly giới tính. Phôi phân ly giới tính được sản xuất tại đảm bảo về chất lượng (tỷ lệ thụ thai đối với từng loại phôi) tương đương phôi nhập khẩu và giá bán thấp hơn ít nhất là 15% so với phôi nhập khẩu.

Số hồ sơ lưu: 18220

#### **499. Khoa học nông nghiệp khác**

74036. 11-2021. **Nghiên cứu giải pháp chủ yếu đổi mới, phát triển hợp tác xã ở ngoại thành Hà Nội đến năm 2025/** PGS.TS. Phạm Bảo Dương, PGS.TS Phạm Bảo Dương; Ths Nguyễn Thị Hải Ninh; TS Nguyễn Việt Đăng; Ths Nguyễn Thị Thanh Minh; Ths Trần Mạnh Hải; Ths Nguyễn Tiến Phong; Ths Phạm Thị Thanh Thúy; Ths Phạm Thị Tân; Ks Lưu Văn Duy; CN Nguyễn Ngọc Mai - - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2017 - 01/2015 - 12/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Phân tích, đánh giá cơ cấu tổ chức, quản lý và thực trạng các hoạt động của HTX nông nghiệp tại 5 điểm nghiên cứu và các chính sách hỗ trợ phát triển HTX, đặc biệt là các chính sách như đào tạo và bồi dưỡng cán bộ HTX, hỗ trợ tài chính cho HTX thông qua quỹ hỗ trợ phát triển HTX và chính sách hỗ trợ đất đai. Bên cạnh đó, các HTX khu vực ngoại thành Hà Nội chủ yếu hoạt động trên lĩnh vực nông nghiệp như trồng trọt, chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp nên đề tài tập trung phân tích thực trạng tổ chức, quản lý và hoạt động của các HTX thuộc lĩnh vực này để từ đó đưa ra các giải pháp nhằm đổi mới, phát triển các HTX nông nghiệp nói riêng và HTX trên khu vực ngoại thành Hà Nội nói chung. Tổng hợp được những nội dung liên quan đến khái niệm về HTX, đặc điểm của HTX, nguyên tắc tổ chức, quản lý và hoạt động của HTX. Bên cạnh đó các nội dung nghiên cứu về đổi mới, phát triển các HTX cũng được đề cập chi tiết: đổi mới về tổ chức quản lý, hoạt động sản xuất, kinh doanh của HTX, đổi mới về quản lý Nhà nước và hỗ trợ đối với HTX. Nghiên cứu ban hành chính sách đào tạo bồi dưỡng nhân lực cho HTX, chính sách hỗ trợ đất đai, chính sách ưu đãi về tín dụng, chính sách hỗ trợ hoạt động xúc tiến thương mại và mở rộng thị trường, chính sách tiếp cận vốn và quỹ hỗ trợ phát triển HTX... Các chính sách này phần nào đã có tác động đến sự phát triển của HTX, tuy nhiên những tác động này còn hạn chế. Về nguyên tắc và cơ cấu tổ chức HTX: Theo kết quả nghiên cứu trên 5 huyện ngoại thành Hà Nội, các

nguyên tắc tự nguyện, tự chủ và công bằng được thực hiện rộng rãi, đáp ứng được yêu cầu của từ 40% đến 76% số xã viên. Trong khi các nguyên tắc minh bạch đáp ứng được nhu cầu của từ 40 đến 80% số xã viên. Điều này chứng tỏ, các HTX ưu tiên triển khai thực hiện nguyên tắc minh bạch vì nó liên quan đến tài sản, vốn góp và phân chia lợi nhuận, đây đều là những quyền và lợi ích mà thành viên nào cũng quan tâm. Về hoạt động của HTX: có 3 loại hình dịch vụ nông nghiệp chính được cung ứng tại các HTX nghiên cứu bao gồm dịch vụ thủy nông, dịch vụ bảo vệ thực vật và dịch vụ khuyến nông - chuyển giao tiến bộ kỹ thuật. Giải pháp chủ yếu đổi mới, phát triển HTX ngoại thành Hà Nội: nhóm giải pháp đổi mới tổ chức, quản lý HTX theo Luật HTX; nhóm giải pháp phát triển HTX khu vực ngoại thành Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: HNI-2017-17/ĐK-TTTT&TK

78824. 11-2021. **Nông nghiệp hay phi nông nghiệp - Lựa chọn đầu tư của người nông dân và tác động đến phúc lợi của nông hộ/PGS.TS. Phạm Bảo Dương, TS. Nguyễn Thị Thu Phương; TS. Phùng Giang Hải; TS. Tô Thế Nguyên; TS. Phạm Tiến Thành; PGS.TS. Đỗ Quang Giám; ThS. Trần Thế Cường; TS. Phạm Thanh Lan; TS. Nguyễn Hữu Nhuận; TS. Đỗ Thị Diệp - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2020 - 06/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Nghiên cứu xem xét quyết định đầu tư của nông dân và tác động của

các hoạt động đó lên mức sống của hộ và cộng đồng cư dân ở nông thôn. Từ đó, giúp nắm bắt được ảnh hưởng của việc chuyển đổi từ sản xuất nông nghiệp sang phi nông nghiệp cũng như các yếu tố tác động đến quá trình này. Trên cơ sở đó đề xuất các chính sách phù hợp để giúp cho việc thực hiện quá trình này được hiệu quả.

Số hồ sơ lưu: 18182

### 5. Khoa học xã hội

74523. 11-2021. **Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thực tập cho sinh viên trường Đại học Khánh Hòa/ Thái Thị Phương Thảo, - TS. Ngô Thị Minh - ThS. Từ Thị Hường - ThS. Nguyễn Thị Minh Huyền - ThS. Lê Thị Phương - ThS. Nguyễn Hữu Thống - Nha Trang - Khánh Hòa - Trường Đại học Khánh Hòa, 2019 - 02/2017 - 10/2018. (Đề tài cấp Cơ sở)**

Nâng cao năng lực nhận thức về vai trò, trách nhiệm của GV và SV trong hoạt động rèn luyện nghiệp vụ nói chung và thực tập nói riêng. Tổ chức tốt hoạt động rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên cho SV. Rà soát, xây dựng, đổi mới nội dung, hình thức và qui trình tổ chức thực tập, biên soạn các văn bản hướng dẫn thực tập. Tăng cường xây dựng mạng lưới cơ sở thực tập, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, giáo viên cơ sở tham gia hoạt động tổ chức, hướng dẫn thực tập. - Tăng cường các điều kiện vật chất và đầu tư kinh phí đảm bảo tổ chức hoạt động thực tập hiệu quả.

- Tăng cường gắn kết chặt chẽ giữa Trường đại học và cơ sở thực tập ở

nhiều cấp độ, phương diện: Đào tạo, thực tập, rèn luyện tay nghề cho SV.

Số hồ sơ lưu: KH\_06

78105. 11-2021. **Đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức cơ sở trên địa bàn tỉnh Bến Tre/** Thạc sĩ Dương Văn Chăm, Thạc sĩ Nguyễn Trúc Hạnh ThS Dương Văn Chăm; ThS Nguyễn Trúc Hạnh; CN Nguyễn Thị Hiền; ThS Dương Quốc Hoàng; ThS Phan Văn Thuận; CN Hồ Thị Hoàng Yên; CN Trần Văn Thiêm; ThS Trần Văn Hòa; ThS Nguyễn Thị Nga; CN Nguyễn Thị Nguyên - Bến Tre - Trường Chính trị tỉnh Bến Tre, 2020 - 09/2019 - 09/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá việc sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức cấp cơ sở (kể cả những người hoạt động không chuyên trách) trên địa bàn tỉnh Bến Tre trong thời gian qua, rút ra những nguyên nhân và bài học kinh nghiệm để tìm kiếm những giải pháp hợp lý, khoa học, hiệu quả cho việc thực hiện trong những năm sắp tới. Lựa chọn, đề xuất hướng sắp xếp, bố trí phù hợp để thực hiện công tác tinh giản biên chế hiệu quả.

Số hồ sơ lưu: BTE-141-2020

78106. 11-2021. **Đánh giá việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bến Tre lần thứ X (nhiệm kỳ 2015-2020); cung cấp luận cứ, đề xuất nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm góp phần xây dựng Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI (nhiệm kỳ 2020-2025).**/ Cử nhân Nguyễn Quốc Bảo, CN Nguyễn

Quốc Bảo; BS Trần Ngọc Hải; ThS Nguyễn Thị Ánh Nguyệt; CN Bùi Văn Bia; ThS Đoàn Hải Nam; ThS Nguyễn Trúc Sơn; CN Trần Văn Đâu; CN Nguyễn Thanh Phương; CN Nguyễn Minh Cảnh; ThS Lê Trường Hận; CN Phan Việt Hòa - Bến Tre - Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật tỉnh Bến Tre, 2020 - 09/2018 - 09/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bến Tre lần thứ X (nhiệm kỳ 2015-2020); nguyên nhân; những bài học kinh nghiệm. Qua đó, cung cấp luận cứ và đề xuất những giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm, góp phần xây dựng Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bến Tre lần thứ XI (nhiệm kỳ 2020- 2025).

Số hồ sơ lưu: BTE-142-2020

78778. 11-2021. **Phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thái Nguyên đến năm 2025/** Phạm Thị Minh Nguyệt, TS. Phạm Thị Minh Nguyệt; ThS. Dương Thu Hà; TS. Lê Kim Anh; TS. Hoàng Văn Dũng; ThS. Vũ Thị Thu Hương; ThS. Nông Thị Phương Thu; ThS. Nguyễn Thị Thanh Thắm; NCS. Nguyễn Thị Thu Hà - Thái Nguyên - Trường Cao đẳng Kinh tế - Tài chính Thái Nguyên, 2020 - 07/2019 - 07/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Làm rõ một số lý luận về nguồn nhân lực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Đánh giá và phân tích thực trạng nguồn nhân lực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thái

Nguyên giai đoạn hiện nay. Đề xuất một số quan điểm, giải pháp phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thái Nguyên đến năm 2025.

Số hồ sơ lưu: TNN-2020-008

78779. 11-2021. **Luận cứ khoa học phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên đến năm 2025, tầm nhìn năm 2030/** Trần Quang Huy, PGS.TS. Trần Quang Huy; TS. Ngô Thị Hương Giang; ThS. Dương Văn Lộc; ThS. Phạm Mạnh Hùng; TS. Nguyễn Quang Hợp; TS. Đinh Hồng Linh; TS. Đàm Thanh Thủy; TS. Phạm Thị Thanh Mai; ThS. Hà Thị Thanh Hoa; ThS. Nông Thị Minh Ngọc; ThS. Hoàng Ngọc Hiệp; ThS. Nguyễn Đức Thu; ThS. Nguyễn Đắc Dũng; ThS. Hoàng Thị Huệ; ThS. Đặng Quỳnh Trinh; TS. Đỗ Đình Long; TS. Nguyễn Bích Hồng; ThS. Nguyễn Hải Quân; Nguyễn Thị Bảo Hường - Thái Nguyên - Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh, 2020 - 10/2019 - 10/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Cơ sở lý luận và quan điểm của Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên về phát triển KT-XH giai đoạn 2015 -2020. - Tổng quan về bối cảnh quốc tế, tình hình kinh tế - xã hội của Việt Nam giai đoạn 2015 – 2020. - Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2015 - 2020. - Nghiên cứu đánh giá tiềm năng, lợi thế, cơ hội và thách thức trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên đến năm 2025, tầm nhìn 2030 - Nghiên cứu, đánh giá các kịch bản tăng trưởng kinh tế tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2020 – 2025,

tầm nhìn 2030. - Luận cứ khoa học phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn 2030. - Quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn 2030 - Đề xuất những giải pháp, kiến nghị thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2020 -2025, tầm nhìn 2030 .

Số hồ sơ lưu: TNN-2020-009

78901. 11-2021. **Nghiên cứu xây dựng mô hình quản lý tài nguyên số mở ở trường Đại học Quảng Bình/** Tiến sĩ: Đậu Mạnh Hoàn, Đậu Mạnh Hoàn; Nguyễn Thị Thúy; Hoàng Văn Tám; Trương Thị Phương Anh; Đinh Phú Lộc; Trần Thị Thu Hiền Đậu Mạnh Hoàn; Trương Thị Phương Anh; Hoàng Văn Tám; Nguyễn Thị Thúy; Đinh Phú Lộc; Trần Thị Thu Hiền - Trường Đại học Quảng Bình - Trường Đại học Quảng Bình, 2020 - 04/2020 - 05/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu lý thuyết về cơ sở dữ liệu số mở, các lý thuyết về phân tích thiết kế hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu; nghiên cứu và tìm kiếm; biên tập cơ sở dữ liệu số, tài nguyên số nguồn mở trong và ngoài nhà trường; Nghiên cứu thực trạng nhu cầu và điều kiện ứng dụng tại trung tâm học liệu, Trường Đại học Quảng Bình để phân tích thiết kế hệ thống xử lý công việc, Xây dựng chính sách khai thác cơ sở dữ liệu số mở, phân tích thiết kế chức năng cho hệ thống, cài đặt hệ thống, thử nghiệm, đánh giá và đưa ra các khuyến nghị



Số hồ sơ lưu: 13/2020-QLKH-CN

79093. 11-2021. **Nghiên cứu đánh giá nâng cao hiệu quả công tác bảo đảm an ninh du lịch trên địa bàn tỉnh Quảng Bình trong tình hình hiện nay/** TS. Hoàng Giang Nam, Hoàng Giang Nam; TRẦN ĐỨC DƯƠNG; Nguyễn Anh Dương; Nguyễn Tiến Dương; Hoàng Thị Lê Na; Mai Văn Lành Hoàng Giang Nam; Trần Đức Dương; Nguyễn Anh Dương; Nguyễn Anh Dương; Nguyễn Tiến Dương; Hoàng Thị Lê Na; Mai Văn Lành - Công an tỉnh Quảng Bình - Công an tỉnh Quảng Bình, 2021 - 06/2019 - 02/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu, Khảo sát, xây dựng thuyết minh, dự toán kinh phí thực hiện đề tài; Tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu tài liệu một số cơ quan đơn vị cá nhân liên quan đến đề tài, điều tra tình hình liên quan bảo đảm an ninh du lịch trên địa bàn, tổng hợp đánh giá hình thành đề cương; Nhận thức cơ bản về bảo đảm an ninh du lịch; thực trạng bảo đảm an ninh du lịch; nâng cao hiệu quả công tác an ninh du lịch trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Số hồ sơ lưu: 03/2021-QLKH-CN

79447. 11-2021. **Nghiên cứu xây dựng hệ thống hỗ trợ quản lý kết quả quá trình học tập, rèn luyện học sinh tại tỉnh Quảng Bình/** Thạc sĩ: Đặng Ngọc Tuấn, Đặng Ngọc Tuấn; Nguyễn Giang Nam; Nguyễn Văn Thông; Trương Tấn Nguyễn; Bùi Huy Hoàng;

Dương Hoài Thương; Lê Khắc Hoàn - Sở Giáo dục và Đào tạo - Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Bình, 2021 - 06/2019 - 01/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thiết kế cơ sở dữ liệu liên quan đến quá trình học tập, rèn luyện học sinh các cấp từ tiểu học đến trung học phổ thông. Đảm bảo dữ liệu liên thông với hệ thống liên quan, thống nhất và chuẩn hóa giữa các cấp học, phục vụ tốt việc trích xuất dữ liệu cho công tác đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh; Xây dựng phần mềm phục vụ cập nhật, lưu trữ, xử lý trích xuất kết quả học tập rèn luyện hàng ngày của học sinh trực tuyến từ tiểu học đến trung học phổ thông; Khai thác dữ liệu phục vụ công tác thống kê, báo cáo số liệu về kết quả học tập; Khai thác dữ liệu đề tài; " Nghiên cứu xây dựng hỗ trợ quản lý công tác tuyển sinh, xét tốt nghiệp và tổ chức các kỳ thi từ mầm non đến phổ thông tại tỉnh Quảng Bình".

Số hồ sơ lưu: 05/2021-QLKH-CN

## **501. Tâm lý học**

### **50101. Tâm lý học nói chung**

78991. 11-2021. **Mối quan hệ thân mật với bạn khác giới của học sinh trung học phổ thông/** TS. Nguyễn Thị Phương Hoa, ThS. Phạm Minh Thu; PGS.TS. Lê Thị Thu Thủy; ThS. Lê Thị Ngọc Thúy; TS. Rơ Đăm Thị Bích Ngọc - Hà Nội - Viện Tâm lý học, 2021 - 01/2019 - 01/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Những vấn đề lý luận về mối quan hệ thân mật với bạn khác giới của học sinh trung học phổ thông. Nghiên cứu thực trạng mối quan hệ thân mật với bạn khác giới của học sinh trung học phổ thông hiện nay và một số biểu hiện về tính chất của mối quan hệ thân mật với bạn khác giới của học sinh trung học phổ thông. Xác định một số yếu tố ảnh hưởng đến mối quan hệ thân mật với bạn khác giới của học sinh trung học phổ thông.

Số hồ sơ lưu: 18239

## 502. Kinh tế và kinh doanh

75653. 11-2021. **Hoàn thiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh.**/ TS. Trần Hoàng Ngân, TS. Phạm Quốc Việt; ThS. Hồ Thu Hoài; ThS. Lương Quốc Trọng Vinh; ThS. Đoàn Nguyễn Thùy Trang; ThS. Đỗ Thị Diễm Ngọc; ThS. Nguyễn Trần Yên Hạ; CN. Phan Thị Thủy Tiên - TP. Hồ Chí Minh - Học viện Cán bộ TP. Hồ Chí Minh, 2018 - 11/2017 - 11/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Cung cấp bộ tiêu chí đánh giá thành công của doanh nghiệp khởi nghiệp. Sử dụng để đánh giá thực trạng doanh nghiệp khởi nghiệp tại TP. Hồ Chí Minh. Phát hiện các thành phần của hệ sinh thái khởi nghiệp. Sử dụng để phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động của hệ sinh thái khởi nghiệp của TP. Hồ Chí Minh. Phân tích, đánh giá thực trạng chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp tại TP. Hồ Chí Minh. Đề xuất hệ thống chính sách hỗ trợ phát triển

doanh nghiệp khởi nghiệp tại TP. Hồ Chí Minh.

Số hồ sơ lưu: HCM-2072-2018

77247. 11-2021. **Nghiên cứu chính sách, mô hình Quỹ Chất lượng Dịch vụ (QSF) của UPU và đề xuất khai thác hiệu quả cho Việt Nam/ CN.** Đặng Thị Thủy, TS. Phan Thảo Nguyên; CN. Phạm Trinh Hương; CN. Phạm Minh Đức; CN. Phạm Thị Bích Duyên - Hà Nội - Vụ Hợp tác Quốc tế, 2019 - 04/2019 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về Quỹ Chất lượng Dịch vụ của UPU, cơ sở pháp lý và quy chế hoạt động. Báo cáo đánh giá của UPU về các hoạt động của Quỹ QSF trong giai đoạn từ 2001-2016. Nghiên cứu chính sách của UPU về Quỹ QSF trong giai đoạn 2017-2020 và các quy định mới của UPU về Quỹ QSF Chung. Khảo sát và đánh giá về việc triển khai các dự án QSF của Việt Nam đã và đang triển khai trong thời gian qua. Đề xuất các hoạt động và hướng xây dựng các dự án QSF của Việt Nam trong giai đoạn 2017-2020 và các năm tiếp theo để triển khai hiệu quả nguồn thụ hưởng của Việt Nam tại Quỹ QSF.

Số hồ sơ lưu: 17503

78748. 11-2021. **Ứng dụng Công nghệ GIS (Geographic Information System) để quản lý quy hoạch và phát triển hệ thống kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bến Tre/ Thạc sĩ Lưu Đình Hiệp, KS Nguyễn Thị Cẩm Tiên; KS Thiệu Quang Hà; KS Hồ Phương Hiếu; ThS Lê Hữu Thanh Tùng; KS Nguyễn Gia Huy; KS Lưu Đức**

Hoài; KS Khâu Thị Kim Thu; KS Từ Thị Hồng Hạnh; KS Huỳnh Trung Tính - TP Hồ Chí Minh - Trung tâm Công nghệ Thông tin địa lý - Ditagis, 2020 - 10/2018 - 04/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Ứng dụng công nghệ GIS giúp quản lý hệ thống kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bến Tre, phân tích tình hình bố trí các cơ sở kinh doanh, xu hướng phát triển của thị trường kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Bến Tre để hỗ trợ ra quyết định cho các nhà quản lý của tỉnh trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến quá trình phân tích và quy hoạch hệ thống kinh doanh.

Số hồ sơ lưu: BTE-143-2020

78749. 11-2021. **Nghiên cứu đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp phát triển ngành du lịch huyện Thạnh Phú/** Phó Giáo sư-Tiến sĩ Nguyễn Minh Đức, PGS.TS Nguyễn Minh Đức; PGS.TS Đoàn Thị Mỹ Hạnh; TS Đoàn Xuân Diệp; ThS Nguyễn Quốc Thệ; ThS Huỳnh Diệp Trâm Anh; ThS Nguyễn Thị Ngọc Dung; CN Võ Tấn Bình; CN Phan Thị Cẩm Tú; ThS Lê Thị Thanh Huệ - TP Hồ Chí Minh - Trường Đại học Văn Hiến, 2020 - 11/2018 - 08/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tạo ra các mô hình điểm du lịch đặc trưng, chuyên biệt, mang đậm bản sắc văn hóa, phát huy tối đa giá trị tài nguyên du lịch vốn có của địa phương, phù hợp với nhu cầu, thị hiếu của du khách. Các mô hình này kết nối tương thích với các điểm du lịch hiện có, hướng tới phát triển

bền vững ngành du lịch và phát triển cân bằng nền kinh tế địa phương.

Số hồ sơ lưu: BTE-146-2020

79360. 11-2021. **Đánh giá tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bến Tre/** Tiến sĩ Nguyễn Thanh Hoàng, TS. Nguyễn Thanh Hoàng; TS. Nguyễn Thành Trung; CN. Huỳnh Thanh Toàn; ThS. Nguyễn Trúc Sơn; CN. Nguyễn Minh Cảnh; CN. Từ Thị Hồng Hạnh; ThS. Trần Minh Tâm; ThS. Phạm Văn Luân; CN. Bùi Văn Ngăn; CN. Nguyễn Thị Hồng Tâm; ThS. Trần Văn Hồng - TP Hồ Chí Minh - Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Tp Hồ Chí Minh, 2020 - 01/2019 - 10/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định các tiêu chí làm cơ sở cho đánh giá tác động của FDI đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bến Tre. Khảo sát, đánh giá thực trạng, khả năng liên kết chuỗi cung ứng giữa doanh nghiệp địa phương và doanh nghiệp FDI dưới góc nhìn của doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp địa phương, bao gồm doanh nghiệp mới thành lập (khởi nghiệp). Đề xuất giải pháp nhằm tăng cường khả năng thẩm thấu lợi ích của FDI tại tỉnh Bến Tre, bao gồm doanh nghiệp địa phương.

Số hồ sơ lưu: BTE-150-2021

79432. 11-2021. **Nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch huyện Châu Thành/** Cử nhân Thái Hoàng Thi, CN Nguyễn Thanh Tuấn; ThS Phạm Văn Luân; CN Nguyễn Văn Chung;

CN Đỗ Văn Bình; CN Phạm Thị Bích Thủy; KS Huỳnh Văn Triều; CN Lê Hồng Quân - Bến Tre - Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, 2020 - 02/2019 - 08/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đánh giá thực trạng chất lượng dịch vụ du lịch huyện Châu Thành. Xây dựng mô hình “Tổ liên kết du lịch Xanh” tại xã Tân Phú, liên kết giữa đơn vị lữ hành với cơ sở kinh doanh, các điểm tham quan vườn cây ăn trái và chủ sở hữu các dịch vụ đi kèm tập trung vào dịch vụ vận chuyển trong đường nhỏ (xe honda ôm, xe đạp...), nhà vệ sinh, truyền thông và hệ thống biển báo, chỉ dẫn. Đề xuất kiến nghị các nhóm giải pháp truyền thông, quảng bá, nâng cao nhận thức về xây dựng, đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư, liên kết kinh doanh nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch huyện Châu Thành.

Số hồ sơ lưu: BTE-151-2021

**50201. Kinh tế học; Trắc lượng kinh tế học; Quan hệ sản xuất kinh doanh**

77306. 11-2021. **Thị trường đích, phương thức quản trị và nâng cấp chuỗi giá trị: trường hợp ngành hàng gạo và thủy sản ở Việt Nam/** TS. Nguyễn Đỗ Anh Tuấn, TS. Nguyễn Trung Kiên; ThS. Nguyễn Ngọc Quý; TS. Trần Công Thắng; ThS. Trần Thị Thanh Nhân; ThS. Chu Thị Thu Hà; ThS. Nguyễn Võ Hưng - Hà Nội - Trung tâm Tư vấn Chính sách nông nghiệp, 2019 - 09/2013 - 09/2016. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan các lý thuyết nâng cấp và quản trị chuỗi giá. Thực trạng chuỗi giá trị ngành hàng gạo, thủy sản, mô tả thị trường đích, phương thức quản trị và nâng cấp trong chuỗi giá trị tôm và lúa gạo Việt Nam. Nghiên cứu kỳ vọng sẽ có những đóng góp vào tranh luận về thị trường đích ảnh hưởng như thế nào tới phương thức quản trị chuỗi giá trị và khả năng nâng cấp. Chỉ ra các thị trường 5 đích sẽ ảnh hưởng như thế nào tới phương thức quản trị chuỗi giá trị và khả năng nâng cấp đối với chuỗi giá trị gạo và tôm ở Việt Nam. Tiêu chuẩn sản phẩm và quy trình sản xuất thay đổi như thế nào khi thị trường đích thay đổi. Sự thay đổi về tiêu chuẩn này có ảnh hưởng như thế nào tới sự lựa chọn phương thức quản trị và nâng cấp trong chuỗi giá trị. Hàm ý của những thay đổi trên tới lý thuyết và quản trị và nâng cấp chuỗi giá trị.

Số hồ sơ lưu: 17521

78947. 11-2021. **Nghiên cứu đề xuất chính sách hỗ trợ làm chủ công nghệ trong lĩnh vực cơ khí thông qua chuyên gia công nghệ từ nước ngoài/** ThS. Phạm Thị Hà, PGS.TS. Trần Ngọc Ca; TS. Nguyễn Hữu Xuyên; TS. Nguyễn Trường Phi; TS. Nguyễn Khánh Tùng; TS. Nguyễn Thị Thu Thủy; TS. Nguyễn Thị Hồng Minh; TS. Nguyễn Thị Lê Thúy; CN. Nguyễn Thị Hồng; CN. Huỳnh Thu Linh; KS. Nguyễn Quốc Thịnh - Hà Nội - Văn phòng Hội đồng chính sách khoa học và công nghệ quốc gia, 2020 - 02/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng cơ sở lý luận và thực tiễn về hỗ trợ làm chủ công nghệ trong lĩnh vực cơ khí thông qua chuyển giao công nghệ từ nước ngoài. Phân tích thực trạng chính sách hỗ trợ làm chủ công nghệ trong lĩnh vực cơ khí thông qua chuyển giao công nghệ từ nước ngoài tại Việt Nam. Tìm hiểu kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới. Từ đó, đề xuất các chính sách và giải pháp hỗ trợ phù hợp làm chủ công nghệ trong lĩnh vực cơ khí thông qua chuyển giao công nghệ từ nước ngoài.

Số hồ sơ lưu: 18219

78956. 11-2021. **“Cơ sở khoa học và giải pháp chính sách đột phá phát triển kinh tế biển bền vững các vùng kinh tế trọng điểm ở Việt Nam”**/ TS. Hoàng Ngọc Phong, PGS.TS. Đào Văn Hùng; TS. Nguyễn Công Mỹ; PGS.TS. Nguyễn Huy Hoàng; TS. Trần Hồng Quang; PGS.TS. Bùi Quang Tuấn; PGS.TS. Trần Kim Chung; TS. Cao Ngọc Lâm; TS. Nguyễn Thu Nhung; ThS. Võ Xuân Hoài; PGS.TS. Trần Trọng Nguyên; TS. Đào Hoàng Tuấn; ThS. Bùi Thị Thanh Hoa; TS. Trần Văn Thành; ThS. Nguyễn Thị Minh Hạnh - Hà Nội - Học viện Chính sách và Phát triển, 2020 - 09/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác lập cơ sở khoa học cho hoạch định chính sách đột phá phát triển bền vững kinh tế biển các vùng kinh tế trọng điểm. Đánh giá toàn diện về thực trạng và những vấn đề lớn đặt ra về hệ thống chính sách phát triển, những bất cập, rào cản của các cơ chế, thể chế, chính sách

đối với phát triển kinh tế biển bền vững các vùng kinh tế trọng điểm giai đoạn 2005 - 2018. Tổng hợp và dự báo các kịch bản về triển vọng phát triển kinh tế biển bền vững các vùng kinh tế trọng điểm, luận chứng các quan điểm chủ đạo và mục tiêu phát triển kinh tế biển bền vững đến 2025 và tầm nhìn đến 2030. Đề xuất chính sách đột phá phát triển bền vững kinh tế biển các vùng kinh tế trọng điểm.

Số hồ sơ lưu: 18205

79004. 11-2021. **Nghiên cứu, đề xuất giải pháp thúc đẩy phát triển bền vững thương mại biên giới Việt Nam - Trung Quốc**/ ThS. Trần Quốc Toàn, CN. Đỗ Hữu Tùng; ThS. Trần Xuân Long; CN. Nguyễn Trung Kiên; ThS. Nguyễn Thị Phong Lam; CN. Võ Thị Mai Hoa; CN. Nguyễn Thức; ThS. Đỗ Quang - Hà Nội - Cục Xuất nhập khẩu, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Một số vấn đề chung và kinh nghiệm quốc tế trong phát triển thương mại biên giới. Điều tra, đánh giá thực trạng thương mại biên giới Việt Nam – Trung Quốc. Phân tích, đánh giá thực trạng chính sách và giải pháp phát triển thương mại biên giới Việt Nam – Trung Quốc. Đề xuất giải pháp thúc đẩy phát triển bền vững thương mại biên giới Việt Nam – Trung Quốc.

Số hồ sơ lưu: 18246

79226. 11-2021. **Nghiên cứu và đề xuất các giải pháp thúc đẩy xuất khẩu các mặt hàng nông sản - thực phẩm Việt Nam thông qua một số hệ thống phân phối hiện**

**đại trên thế giới/** ThS. Nguyễn Thảo Hiền, ThS. Cao Thị Phương Lan; CN. Đỗ Thị Minh Phương; CN. Đỗ Việt Hà; ThS. Phan Quang Nghĩa; ThS. Chủ Hương Lan; ThS. Hoàng Trần Phương; CN. Trần Phương Nga; ThS. Đỗ Hữu Hưng; ThS. Nguyễn Thắng Vượng - Hà Nội - Vụ Thị trường châu Âu - châu Mỹ, 2020 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa lý luận về xuất khẩu hàng hóa thông qua hệ thống các nhà phân phối dưới góc độ quản lý nhà nước đối với lĩnh vực xuất khẩu. Nghiên cứu phân tích, đánh giá một cách có hệ thống, chi tiết về thực trạng xuất khẩu hàng nông sản, thực phẩm Việt Nam. Từ đó, đề xuất các giải pháp thúc đẩy xuất khẩu hàng nông sản, thực phẩm Việt Nam thông qua một số hệ thống phân phối hiện đại trên thế giới, qua đó góp phần tích cực thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu, hoàn thành mục tiêu đề ra trong chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa 2011-2020, định hướng đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 18439

79232. 11-2021. **Nghiên cứu học tập kinh nghiệm quốc tế về thu hút đầu tư nước ngoài và đề xuất cho lĩnh vực ICT ở Việt Nam/** CN. Nguyễn Thị Thanh Tú, Hoàng Anh Tú; Nguyễn Đình Trung; Nguyễn Đức Toàn; Hoàng Minh Hằng; Đào Ngọc Tuyền; Phạm Thị Diệu Thúy; Nguyễn Thị Lợi - Hà Nội - Vụ Hợp tác Quốc tế, 2020 - 03/2020 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, đánh giá tổng quan về thu hút đầu tư nước ngoài tại Việt

Nam nói chung và thu hút đầu tư trong lĩnh vực ICT nói riêng. Phân tích đánh giá xu hướng FDI toàn cầu và khu vực, đồng thời phân tích kinh nghiệm các nước về thu hút đầu tư nước ngoài nói chung và trong lĩnh vực ICT nói riêng. Tiên hành nghiên cứu, đánh giá cơ hội và thách thức của ngành ICT Việt Nam trong hợp tác và thu hút đầu tư nước ngoài và đề xuất giải pháp thúc đẩy hợp tác, đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực ICT cho Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18431

### **50202. Kinh doanh và quản lý**

79020. 11-2021. **Đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động đại lý thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế/** KS. Đinh Duy Hùng, ThS. Trần Minh Thắng; ThS. Nguyễn Xuân Tư; ThS. Nguyễn Thị Như Quỳnh; ThS. Hoàng Ngọc Anh; CN. Mai Thanh Bình; ThS. Nguyễn Thị Trà My; ThS. Trần Thái Dương; CN. Trần Thị Cẩm Liên; ThS. Trần Quang Tùng - Hà Nội - Ban Quản lý Thu - Sô, Thẻ (trước là Ban Thu, đổi tên theo Nghị định số 89/2020/NĐ-CP), 2021 - 07/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu quy định hoạt động và đề xuất tiêu chí đánh giá chất lượng hoạt động của đại lý thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Phân tích các yếu tố tác động đến hoạt động và thực trạng hoạt động của đại lý thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động và đề xuất quy trình hoạt động cho nhân viên đại lý thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

Số hồ sơ lưu: 18248

**50299. Kinh tế học và kinh doanh khác**

78856. 11-2021. **Đánh giá tác động của các hiệp định thương mại tự do đến cơ cấu kinh tế và xác định các ngành có lợi thế phát triển trong cơ cấu kinh tế của Việt Nam/** PGS.TS. Nguyễn Mạnh Toàn, TS. Huỳnh Thị Diệu Linh; PGS.TS. Võ Thị Thúy Anh; TS. Trương Tấn Quân; PGS.TS. Bùi Văn Huyền; PGS.TS. Trần Đình Thiên; TS. Nguyễn Trung Kiên; TS. Hồ Kỳ Minh; PGS.TS. Nguyễn Phúc Nguyên; TS. Huỳnh Thị Hồng Hạnh; GS.TS. Eric Donald Ramstetter; GS.TS. Markus Brueckner; GS.TS. Chen Kuang-hui; GS.TS. Nguyễn Thị Cảnh; GS.TS. Võ Xuân Tiến; TS. Nguyễn Phú Thái; PGS.TS. Trương Hồng Trình; PGS.TS. Bùi Quang Bình; TS. Lê Đức Niêm; PGS.TS. Bùi Tất Thắng; TS. Vũ Thanh Liêm; TS. Vũ Thị Bích Hậu; TS. Trịnh Thúy Hương; TS. Nguyễn Thị Hương; ThS. Ông Nguyên Chương; TS. Nguyễn Hữu Nguyên Xuân; TS. Đặng Hữu Mẫn; ThS. Lê Ngọc Phương Trâm - Đà Nẵng - Trường Đại học Kinh tế, 2020 - 09/2017 - 02/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hệ thống hoá và làm rõ một số vấn đề lý luận về tác động của các FTA đến cơ cấu kinh tế và xác định các ngành có lợi thế phát triển trong cơ cấu kinh tế. Đánh giá tác động của các FTA đến cơ cấu kinh tế của Việt Nam giai đoạn 2007 - 2016, dự báo tác động của các FTA thế hệ mới đến cơ cấu kinh tế và xác định

các ngành có lợi thế phát triển trong cơ cấu kinh tế của Việt Nam giai đoạn tiếp theo 2017 - 2025. Đề xuất các giải pháp nhằm tận dụng những tác động tích cực và hạn chế những tác động tiêu cực của các FTA đến cơ cấu kinh tế Việt Nam và các giải pháp phát triển hiệu quả các ngành có lợi thế phát triển trong giai đoạn tới.

Số hồ sơ lưu: 18191

**503. Khoa học giáo dục**

**50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,..**

78690. 11-2021. **Tác động của động lực làm việc đến kết quả công việc của giảng viên tại Đại học Quốc gia Hà Nội/** TS. Đỗ Anh Đức, TS. Phạm Ngọc Thạch; TS. Nguyễn Thế Kiên; PGS. TS. Vũ Đức Thanh; ThS. Bùi Hồng Phượng; ThS. Nguyễn Thị Huyền - Hà Nội - Trường Đại học Kinh tế, 2020 - 06/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan các nghiên cứu liên quan tới động lực và kết quả công việc của người lao động trên các phương diện: các nhân tố tác động tới động lực làm việc hiệu quả công việc của người lao động, các thang đo đo lường động lực làm việc hiệu quả công việc của người lao động và các phương pháp đánh giá mối quan hệ giữa các nhóm nhân tố; Xây dựng thang đo và mô hình đánh giá mối quan hệ giữa động lực và kết quả công việc của giảng viên; Xây dựng mô hình ra quyết định đa tiêu chuẩn để đánh giá trọng số của các

nhân tố đo lường động lực làm việc và kết quả công việc của giảng viên tại Đại học Quốc gia Hà Nội; Kiểm định thang đo và mô hình đánh giá mối quan hệ giữa động lực làm việc và kết quả công việc của giảng viên tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Số hồ sơ lưu: 18107

78889. 11-2021. **Nghiên cứu mô hình trường đại học đáp ứng với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 ("Đại học 4.0").**/ GS.TS. Nguyễn Hữu Đức, GS.TS. Nguyễn Hữu Đức; TS. Võ Đình Hiếu; ThS. Nguyễn Hữu Thành Chung; TS. Nghiêm Xuân Huy; PGS.TS. Hà Quang Thụy; TS. Trần Thị Bích Liễu; PGS.TS. Phạm Bảo Sơn; ThS. Nguyễn Xuân Phong; TS. Trần Trọng Hiếu; Nguyễn Thế Trung; PGS.TS. Lê Sỹ Vinh; TS. Tăng Thị Thùy - Hà Nội - Trường Đại học Công nghệ, 2020 - 11/2017 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định các đặc trưng cơ bản của mô hình trường đại học đáp ứng cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 ("Đại học 4.0"). Xây dựng được bộ tiêu chuẩn mô hình "Đại học 4.0" theo tiếp cận đảm bảo chất lượng giáo dục, đồng thời xây dựng bộ chỉ số đối sánh và công cụ đánh giá theo tiếp cận kiểm định chất lượng giáo dục cho mô hình "Đại học 4.0". Tiến hành thí điểm đánh giá mô hình "Đại học 4.0" tại 1-2 cơ sở giáo dục đại học và đề xuất giải pháp phát triển mô hình "Đại học 4.0" tại Việt Nam..

Số hồ sơ lưu: 18201

78893. 11-2021. **So sánh chương trình tiếng Việt tiểu học (thuộc Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể của Việt Nam) với chương trình tương ứng của một số nước trên thế giới/** TS. Trịnh Thị Hà, TS. Nguyễn Thế Dương ThS. Nguyễn Thị Phương; PGS.TS. Vũ Thị Thanh Hương; TS. Đỗ Thị Hiên; TS. Phạm Thị Hương Quỳnh - Hà Nội - Viện Ngôn Ngữ Học, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tiến hành so sánh chương trình tiếng Việt tiểu học trong Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể vừa được Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố với chương trình giáo dục tiếng mẹ đẻ ở nước Anh và nước Úc nhằm chỉ ra những điểm tương đồng và khác biệt đồng thời tìm hiểu thái độ của các bên có liên quan đối với chương trình tiếng Việt tiểu học. Từ đó, tổng kết một số kinh nghiệm cần thiết cho Việt Nam trong quá trình hoàn thiện khung chương trình đồng thời là kênh thông tin cho các chuyên gia biên soạn sách giáo khoa Tiếng Việt bậc tiểu học tham khảo.

Số hồ sơ lưu: 18211

78894. 11-2021. **Khảo sát năng lực giao tiếp của học sinh tiểu học và một số nhân tố tác động (trường hợp học sinh tiểu học tại Thanh Hóa)/** TS. Bùi Thị Ngọc Anh, TS. Lê Thị Lâm; PGS.TS. Vũ Thị Thanh Hương; TS. Nguyễn Tài Thái; ThS. Đinh Thị Hằng; TS. Nguyễn Thị Ly Na; ThS. Đàm Thị Thúy; ThS. Nguyễn Thị Phương; ThS. Đào Thị Trà - Hà Nội - Viện Ngôn Ngữ Học, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)



Xây dựng khung lí thuyết rõ ràng và đầy đủ về năng lực giao tiếp và đo lường năng lực giao tiếp. Phân tích và chỉ ra tác động của các nhân tố như giới tính, môi trường nhà trường và điều kiện gia đình đến năng lực giao tiếp của học sinh tiểu học để từ đó có những hoạch định chính sách bảo đảm sự bình đẳng và tạo điều kiện tốt nhất có thể cho mọi trẻ em phát triển được năng lực giao tiếp của mình.

Số hồ sơ lưu: 18210

79001. 11-2021. **Tâm thế đối với việc thực hiện đổi mới giáo dục của giáo viên phổ thông/** PGS.TS. Phan Thị Mai Hương, ThS. Đặng Thị Thu Trang; CN. Lâm Thanh Bình; ThS. Nguyễn Thị Thanh Huyền; TS. Đinh Thị Hồng Vân; ThS. Trần Anh Châu; CN. Phạm Phương Thảo - Hà Nội - Viện Tâm lý học, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định các nội dung tâm thế thực hiện đổi mới giáo dục của giáo viên phổ thông. Đánh giá thực trạng tâm thế của giáo viên phổ thông đối với các hoạt động đổi mới giáo dục. Xác định những yếu tố ảnh hưởng đến tâm thế thực hiện đổi mới giáo dục của giáo viên phổ thông bao gồm các yếu tố thúc đẩy cũng như những rào cản đối với tâm thế. Xác định vai trò của tâm thế đối với các hành vi đổi mới của giáo viên phổ thông trước yêu cầu của đổi mới giáo dục.

Số hồ sơ lưu: 18242

79286. 11-2021. **Quản lý nhà nước đối với giáo dục đại học: một**

**số kinh nghiệm của Trung Quốc và khuyến nghị cho Việt Nam/** PGS.TS. Mai Ngọc Anh, PGS.TS. Đỗ Thị Hải Hà (Thư ký); GS.TS. Nguyễn Đình Hương; GS.TS. Đỗ Tiên Sâm; GS.TS. Lê Quốc Hội; TS. Bùi Thị Hồng Việt; TS. Nguyễn Đăng Núi; TS. Đặng Văn Huân; ThS. Nguyễn Thị Hảo; TS. Nguyễn Đình Hưng; TS. Phùng Minh Thu Thủy; ThS. Vũ Trí Tuấn; PGS.TS. Phạm Thị Bích Chi; TS. Trịnh Mai Vân; TS. Lê Việt Thủy; TS. Vũ Văn Ngọc; TS. Đàm Sơn Toại; TS. Nguyễn Đình Trung - Hà Nội - Trường Đại học kinh tế Quốc dân, 2020 - 05/2017 - 05/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan hệ thống chính sách của nhà nước Trung Quốc đối với giáo dục đại học từ 1978 đến nay. Tìm hiểu kết quả thực hiện chính sách phát triển giáo dục đại học của Trung Quốc, đánh giá chính sách, chiến lược phát triển giáo dục đại học, quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học, đầu tư ngân sách nhà nước đối với phát triển các đại học, ngành đào tạo trọng điểm của Trung Quốc. Từ đó, đưa ra một khuyến nghị đối với Việt Nam trong hoàn thiện quản lý nhà nước đối với đảm bảo chất lượng giáo dục đại học và kiểm định chất lượng giáo dục đại học, chính sách hỗ trợ sinh viên... dựa trên kinh nghiệm của Trung Quốc.

Số hồ sơ lưu: 18452

**50302. Giáo dục chuyên biệt**

78820. 11-2021. **Nghiên cứu giáo dục ngôn ngữ và văn tự Hán Nôm bậc tiểu học ở Việt Nam**

trước năm 1919 qua nguồn tư liệu Hán Nôm/ PGS.TS. Nguyễn Tuấn Cường, TS. Nguyễn Thị Tú Mai; PGS.TS. Phạm Văn Khoái; TS. Đỗ Thị Bích Tuyền; TS. Trần Thị Giáng Hoa; TS. Lê Thị Thu Hương - Hà Nội - Viện nghiên cứu H, 2020 - 07/2017 - 07/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tìm hiểu giáo dục Hán Nôm ở bậc tiểu học ở các góc độ, từ ngôn ngữ văn tự dùng trong dạy học đến hệ thống học liệu, chương trình học, độ tuổi học. Nghiên cứu xác định vai trò của tiếng Việt và tiếng Hán trong giảng dạy ngôn ngữ văn tự, góp phần xây dựng phân môn tiếng Việt cấp sơ sở, xa hơn nữa là góp những luận cứ cơ bản để bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt. Ở góc độ tư vấn chính sách, nghiên cứu góp phần tư vấn trong việc nghiên cứu và giảng dạy tiếng Việt trong chương trình đổi mới giáo dục hiện nay theo Dự thảo chương trình đổi mới giáo dục phổ thông Quốc gia mà Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Số hồ sơ lưu: 18176

### **50399. Các vấn đề khoa học giáo dục khác**

78836. 11-2021. **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để sửa đổi, bổ sung Luật Giáo dục đại học 2012/** PGS.TS. Vũ Thị Lan Anh, PGS.TS. Cao Thị Oanh; TS. Lê Đình Nghị; PGS.TS. Trần Hoàng Hải; PGS.TS. Nguyễn Thị Quê Anh; PGS.TS. Phạm Thị Giang Thu; PGS.TS. Nguyễn Quang Tuyền; PGS.TS. Nguyễn Văn Quang; TS. Hoàng Ly Anh; TS. Đoàn Thị Tố Uyên - Hà Nội - Trường Đại học

Luật Hà Nội, 2020 - 12/2017 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng kết những vấn đề lý luận có liên quan làm cơ sở cho việc xây dựng chính sách sửa đổi, bổ sung Luật GDĐH năm 2012; Tham khảo kinh nghiệm pháp luật về GDĐH của nước ngoài liên quan đến các vấn đề được đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật GDĐH 2012 để đưa ra các khuyến nghị cho Việt Nam; Xác định cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của việc sửa đổi, bổ sung Luật GDĐH năm 2012 và đề xuất các chính sách, nội dung quy định cụ thể của Luật GDĐH cần sửa đổi, bổ sung, của Nghị định hướng dẫn thi hành Luật cần xây dựng, phù hợp với quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước đối với những vấn đề này, phù hợp với thực tiễn GDĐH ở Việt Nam và thông lệ quốc tế nhằm đổi mới toàn diện GDĐH.

Số hồ sơ lưu: 18187

78853. 11-2021. **Nghiên cứu đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả, hiệu lực chi ngân sách Nhà nước cho giáo dục ở Việt Nam/** PGS.TS. Nguyễn Vũ Việt, PGS.TS. Nguyễn Vũ Việt; TS. Vũ Duy Nguyên; PGS.TS. Hoàng Thị Thúy Nguyệt; PGS.TS. Vũ Sỹ Cường; PGS.TS. Vũ Cương; TS. Bùi Tiên Hạnh; TS. Đỗ Đình Thu; TS. Lê Thu Huyền; TS. Đào Thị Bích Hạnh; TS. Tôn Thu Hiền - Hà Nội - Học viện tài chính, 2020 - 12/2017 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm rõ nội hàm và khung lý thuyết để đánh giá hiệu lực và hiệu quả chi NSNN cho giáo dục; Xây dựng các tiêu chí đánh giá tính hiệu

lực và hiệu quả chi NSNN cho giáo dục phù hợp với khung phân tích đã xác định; Áp dụng khung lý thuyết và các tiêu chí để đánh giá thực trạng tính hiệu lực và hiệu quả chi NSNN cho giáo dục ở Việt Nam giai đoạn 2011-2017; Định hướng và đề xuất các giải pháp nâng cao tính hiệu quả và hiệu lực chi NSNN cho giáo dục phù hợp với xu hướng cải cách nền giáo dục quốc dân và cải cách quản lý tài chính công ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18190

#### **504. Xã hội học**

##### **50401. Xã hội học nói chung**

78977. 11-2021. **Vai trò của tầng lớp trung lưu đối với tăng trưởng và bất bình đẳng ở Việt Nam/** TS. Lê Kim Sa, ThS. Nguyễn Thị Vân Hà; TS. Vũ Hoàng Đạt; TS. Nguyễn Thị Cẩm Nhung; TS. Nghiêm Thị Thủy; TS. Phạm Minh Thái; CN. Vũ Thị Vân Ngọc; CN. Lê Thu Hà; ThS. Nguyễn Thị Nguyệt Anh - Hà Nội - Trung tâm phân tích và dự báo, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá vai trò tầng lớp trung lưu đối với tăng trưởng kinh tế và bất bình đẳng ở Việt Nam trong những năm qua để làm rõ thực tiễn phát triển và vai trò của tầng lớp trung lưu ở các nước đang phát triển và làm rõ những đặc trưng của tầng lớp trung lưu Việt Nam. Đồng thời, nghiên cứu đánh giá vai trò của tầng lớp trung lưu đối với tăng trưởng kinh tế và bất bình đẳng thu nhập ở Việt Nam. Từ đó đưa ra những khuyến nghị chính sách nhằm bảo đảm sự phát triển và đóng góp của

tầng lớp này vào sự phát triển chung của đất nước.

Số hồ sơ lưu: 18228

79274. 11-2021. **Vai trò của tổ chức xã hội đối với đoàn kết xã hội ở Việt Nam hiện nay/** TS. Trần Tuấn Phong, TS. Vũ Thị Thu Hằng; PGS.TS. Nguyễn Thị Lan Hương; TS. Đỗ Thị Kim Hoa; ThS. Hoàng Thị Thúy An; ThS. Nguyễn Hồng Đức; ThS. Phạm Thị Hương; CN. Hồ Mạnh Tùng - Hà Nội - Viện Triết học, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu làm sáng tỏ cơ sở lý luận về vai trò của tổ chức xã hội đối với đoàn kết xã hội, đánh giá thực trạng thực hiện vai trò của các tổ chức xã hội đối với đoàn kết xã hội ở Việt Nam hiện nay. Từ đó, đề xuất giải pháp, kiến nghị nhằm phát huy vai trò của tổ chức xã hội đối với đoàn kết xã hội ở Việt Nam hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 18423

##### **50404. Dân tộc học**

75914. 11-2021. **Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp phát triển nguồn nhân lực dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh lâm đồng giai đoạn 2017 - 2025, định hướng đến năm 2030/** TS. Nguyễn Thị Bích Thu, PGS.TS. Lê Ngọc Thắng; TS. Nguyễn Thị Thuận; ThS. Hoàng Kiều Ngân; KS. Phạm Văn Hiếu; ThS. Dương Hiền Diệu; TS. Nguyễn Thị Thân Thủy; TS. Bùi Sỹ Tuấn; TS. Phí Hùng Cường; ThS. Đỗ Vũ Hiệp - Lâm Đồng - Học viện Dân tộc, 2019 - 10/2017 - 07/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn liên quan đến phát triển nguồn nhân lực DTTS trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Đánh giá thực trạng nguồn nhân lực DTTS của tỉnh Lâm Đồng hiện nay. Đánh giá tác động của chính sách phát triển kinh tế - xã hội đến phát triển nguồn nhân lực DTTS của tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2005 – nay. Dự báo, đề xuất giải pháp phát triển nguồn nhân lực DTTS trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn sau năm 2020 đến năm 2030. Xây dựng một số mô hình thí điểm về phát triển nguồn nhân lực DTTS. Với các nội dung nghiên cứu này, cùng với sử dụng hệ thống phương pháp phù hợp (điều tra xã hội học, chuyên gia, đánh giá nhanh nông thôn có sự tham gia,...), nhóm nghiên cứu đã tập trung chọn điểm nghiên cứu và dân tộc nghiên cứu đại diện cho 12 huyện/thành phố, 47 dân tộc của tỉnh Lâm Đồng như sau. Huyện Di Linh: Nghiên cứu về CB, CC cấp xã người DTTS. Huyện Đơn Dương, Lạc Dương: Nghiên cứu về người lao động DTTS ở nông thôn thuộc hai dân tộc K'ho, Chu Ru. Trường CĐSP Đà Lạt và Trường Phổ thông DTNT tỉnh Lâm Đồng: Nghiên cứu về học sinh và sinh viên DTTS thuộc các DTTS đang cư trú trên địa bàn, có chú ý hơn đến các HS, SV là người DTTS tại chỗ và thuộc nhóm dân tộc có chất lượng nguồn nhân lực thấp (Mông, Thái,...). Kết quả nghiên cứu đã cho chúng tôi rút ra nhiều vấn đề quan trọng về hiện trạng nguồn nhân lực DTTS ở tỉnh Lâm Đồng hiện nay về chủ trương, chính sách phát triển nguồn nhân lực DTTS nói chung, tỉnh Lâm Đồng nói riêng. Đề từ đó,

có những đề xuất, kiến nghị bổ sung, điều chỉnh chính sách phát triển nguồn nhân lực DTTS của Lâm Đồng, đặc biệt với nhóm DTTS tại chỗ và các dân tộc di cư từ nơi khác đến thuộc nhóm nhân lực có chất lượng thấp. Mặt khác, trong bối cảnh chung của nền kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế, chúng tôi cũng đề xuất một số giải pháp mới, phù hợp với điều kiện dân cư, văn hóa, kinh tế, xã hội của tỉnh, Cần đưa máy vi tính vào trong các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội cho vùng DTTS, thay thế cho một số hỗ trợ không còn phù hợp hoặc ít phát huy tác dụng cho phát triển nguồn nhân lực DTTS. Đưa nội dung tập huấn về sử dụng mạng internet phục vụ cho tìm kiếm thông tin phục vụ phát triển kinh tế gia đình, cộng đồng là chương trình tập huấn chính thức trong đề án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin cho vùng DTTS. Với cán bộ, công chức DTTS trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng cần có chương trình bồi dưỡng riêng, để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ ở chính quyền địa phương. Để các giải pháp trên khả thi, chúng tôi cũng có những kiến nghị đối với các sở, ngành, UBND các cấp ở địa phương có sự phối hợp chặt chẽ, sáng tạo và mạnh dạn trong vận dụng chủ trương, chính sách của nhà nước vào phát triển nguồn nhân lực DTTS trên địa bàn, tập trung vào các thế mạnh của địa phương về nông nghiệp công nghệ cao, du lịch.

Số hồ sơ lưu: LDG-2020-006

78858. 11-2021. **Hoạt động truyền thông bằng ngôn ngữ dân tộc thiểu số của Việt Nam/**

PGS.TS. Nguyễn Thị Nhung, PGS.TS. Đào Thủy Nguyên; PGS.TS. Cao Thị Hào; PGS.TS. Nguyễn Thị Minh Thu; Cử nhân. Thào Seo Sinh; PGS.TS. Tạ Văn Thông; TS. Nguyễn Thị Sửu; PGS.TS. Lê Văn Trường; PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền; PGS.TS. Trần Trung - Thái Nguyên - Trường Đại học Sư phạm- Đại học Thái Nguyên, 2020 - 02/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định cơ sở lí luận, thực tiễn, pháp lí của việc nghiên cứu hoạt động truyền thông ngôn ngữ dân tộc thiểu số (TTNNDTTS) của Việt Nam hiện nay. Nhận diện chính xác ưu điểm, nhược điểm của hoạt động TTNNDTTS của Việt Nam hiện nay; nhu cầu, thái độ, nguyện vọng của bà con DTTS với hoạt động này. Đề xuất những giải pháp, đưa ra những kiến nghị với các cấp lãnh đạo, các cơ quan truyền thông để hoạt động TTNNDTTS có thể đóng góp vào việc thực hiện nhiệm vụ cấp bách là bảo tồn, phát huy vai trò, bản sắc ngôn ngữ, văn hóa, góp phần phát triển bền vững vùng DTTS và đất nước Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 18192

79022. 11-2021. Tác động của biến đổi xã hội đến ổn định và phát triển vùng dân tộc thiểu số nước ta hiện nay/ PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Hoa, PGS.TS. Trịnh Văn Tùng; PGS.TS. Hoàng Thu Hương; PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Hà; PGS.TS. Nguyễn Tuấn Anh; TS. Hoàng Khắc Lịch; TS. Nguyễn Đức Truyền; PGS.TS. Lưu Bích Ngọc; TS. Mai Linh; ThS. Phạm Quang

Minh - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 2021 - 05/2018 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Cơ sở khoa học về biến đổi xã hội, phân tầng xã hội và phát triển bền vững vùng dân tộc thiểu số, xây dựng khung lý thuyết để nghiên cứu tác động của biến đổi xã hội, phân tầng xã hội đối với ổn định và phát triển vùng dân tộc thiểu số nước ta. Đánh giá tác động của biến đổi xã hội, phân tầng xã hội tới ổn định và phát triển xã hội của một số quốc gia trên thế giới để rút ra các bài học đối với Việt Nam. Phân tích và đánh giá thực trạng phân tầng xã hội và những hệ lụy đối với phát triển vùng dân tộc thiểu số ở nước ta từ 1986 đến nay. Làm rõ những vấn đề cơ bản và cấp bách liên quan đến biến đổi xã hội và dự báo xu hướng biến đổi xã hội và tác động, ảnh hưởng của biến đổi xã hội đến ổn định và phát triển vùng dân tộc thiểu số ở nước ta đến năm 2030. Đề xuất các giải pháp phát huy những mặt tích cực, hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của biến đổi xã hội, phân tầng xã hội đến ổn định và phát triển vùng dân tộc thiểu số nước ta đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 18245

**50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội**

78794. 11-2021. Ấn dụ ý niệm trong tư duy của người Việt (Khảo sát trên tư liệu ngôn ngữ đời thường của người Việt ở một số tỉnh đồng bằng Bắc Bộ)/ TS. Phạm Thị Hương Quỳnh, TS. Phạm Thị

Hương Quỳnh; ThS. Nguyễn Thị Uyên; TS. Đỗ Thị Hiên; PGS.TS. Vũ Thị Thanh Hương; ThS. Nguyễn Thị Phương; ThS. Trần Thùy An; ThS. Nguyễn Thu Huyền; Cử nhân. Trương Thị Hồng Gái; ThS. Nguyễn Thị Thùy; ThS. Lê Thị Thanh Hương; Cử nhân. Nguyễn Thị Thanh Hương; TS. Trịnh Thị Hà - Hà Nội - Viện Ngôn Ngữ Học, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu sâu về ngôn ngữ học tri nhận như: các xu hướng chính, các nguyên lí của ngôn ngữ học tri nhận, mối quan hệ giữa ngôn ngữ-tri nhận-văn hóa... Nghiên cứu về ẩn dụ ý niệm như: ý niệm, cấu trúc ý niệm, phạm trù tỏa tia của ý niệm; cấu trúc của ẩn dụ ý niệm với miền nguồn, miền đích, sự ánh xạ giữa miền nguồn với miền đích và đặc điểm văn hóa dân tộc. Nghiên cứu về ẩn dụ ý niệm trong diễn ngôn đời thường thông qua các cuộc hội thoại. Từ đó cần chỉ ra bức tranh chung về ẩn dụ ý niệm trong tư duy của người Việt và những ẩn dụ ý niệm tiêu biểu nhất thường xuất hiện trên cơ sở phân tích các cơ sở nghiệm thân cũng như đặc điểm văn hóa chi phối đến.

Số hồ sơ lưu: 18161

78809. 11-2021. **Tác động của thời tiết cực đoan, chất lượng quản trị và hành chính công lên di cư: Bằng chứng tại Việt Nam/** TS. Nguyễn Việt Cường, TS. Giang Thanh Long; TS. Nguyễn Quỳnh Hoa; ThS. Nguyễn Hồng Thom; ThS. Nguyễn Hải Yên; ThS. Hoàng Thanh Tuyền - Hà Nội - Trường Đại học kinh tế Quốc dân, 2020 -

08/2017 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tiến hành tổng quan nghiên cứu về tác động của thời tiết và quản trị và hành chính công lên các loại hình di cư. Nghiên cứu và cung cấp các phân tích mô tả hiện trạng và xu hướng của thời tiết cực đoan, chất lượng của quản trị, hành chính và dịch vụ công, cũng như tình hình di cư trong nước ở Việt Nam. Đánh giá tác động ‘đẩy’ và ‘kéo’ của thời tiết cực đoan, chất lượng của quản trị, hành chính và dịch vụ công lên việc di cư giữa các tỉnh và thành phố. Căn cứ vào kết quả thực nghiệm, nghiên cứu sẽ đề xuất các khuyến nghị chính sách về giảm các tác động của các sự kiện thời tiết khắc nghiệt và chất lượng quản trị và hành chính công kém qua việc di cư trong nước.

Số hồ sơ lưu: 18175

78855. 11-2021. **Nghiên cứu xây dựng phương pháp đánh giá liệu dân chúng - Áp dụng thử nghiệm tại Hàng Gòn - Long Khánh tỉnh Đồng Nai/** ThS. Lê Như Siêu, Cử nhân. Nguyễn Minh Đạo; Cử nhân. Vương Thị Thu Hằng; Cử nhân. Trần Văn Hòa; ThS. Trần Đình Khoa; ThS. Nguyễn Văn Phú; ThS. Nguyễn Văn Phúc; Cử nhân. Lê Xuân Thắng; ThS. Nguyễn Đình Tùng; Cử nhân. Lê Thị Minh Tuyền; KTV. Nguyễn Tổng Thanh Hồng; KTV. Nguyễn Kim Thành; ThS. Trương Ý - Lâm Đồng - Viện Nghiên cứu Hạt Nhân, 2020 - 01/2018 - 09/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, phân tích các yêu cầu đánh giá tác động môi trường về

mặt phóng xạ theo các chuẩn mực của IAEA và các bài học kinh nghiệm từ tai nạn và sự cố hạt nhân. Hệ thống hóa các số liệu hiện có về mức phóng các đồng vị tự nhiên và nhân tạo trong môi trường không khí, đất, nước, lương thực – thực phẩm tại tỉnh Đồng Nai, đặc biệt là vùng lân cận dự án cơ sở hạt nhân có lò phản ứng nghiên cứu. Thu thập các thông số vận chuyển của một số nhân phóng xạ chủ yếu có trong thành phần thải dự kiến của các cơ sở hạt nhân. Nghiên cứu lựa chọn áp dụng mô hình thích hợp để đánh giá liều dân chúng tại vùng dự án cơ sở hạt nhân có lò phản ứng nghiên cứu. Áp dụng phần mềm đã chọn lựa để đánh giá thử nghiệm liều dân chúng tại Hàng Gòn - Long Khánh tỉnh Đồng Nai. Dự thảo Hướng dẫn đánh giá liều dân chúng tại vùng Dự án cơ sở hạt nhân có Lò phản ứng nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: 18188

79000. 11-2021. **Dịch chuyển lao động trong ngành cao su tiểu điền ở tỉnh Bình Dương/** TS. Hoàng Thị Thu Huyền, ThS. Lê Văn Gia Nhỏ; ThS. Phan Tuấn Anh; ThS. Nguyễn Thị Vân; TS. Ngô Hoàng Oanh; ThS. Hà Thúc Dũng; ThS. Tạ Doãn Cường; ThS. Hồ Thị Thanh Sang; Lê Thị Hồng Nhung; Trần Thị Hiền - Hồ Chí Minh - Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá thực trạng và xu hướng dịch chuyển lao động cao su tiểu điền tại tỉnh Bình Dương (chủ yếu là lao động nông nghiệp trồng, chăm sóc, cạo mủ cao su). Phân tích các

yếu tố tác động đến xu hướng dịch chuyển lao động trong ngành cao su tiểu điền ở tỉnh Bình Dương. Đề xuất một số giải pháp và gợi ý chính sách đối với lao động cao su tiểu điền

Số hồ sơ lưu: 18241

79230. 11-2021. **Một số vấn đề cơ bản về bình đẳng giới ở vùng dân tộc thiểu số nước ta/** GS.TS. Nguyễn Hữu Minh, TS. Trần Thị Hồng; PGS.TS. Đặng Thị Hoa; TS. Bùi Thị Hương Trâm; TS. Trần Thị Vân Anh; PGS.TS. Vũ Mạnh Lợi; TS. Đặng Bích Thủy; PGS.TS. Nguyễn Chiến Thắng; TS. Dương Kim Anh; ThS. Hoàng Thị Thu Huyền; ThS. Trần Quý Long; TS. Lê Ngọc Lan; ThS. Trần Thị Thanh Loan - Hà Nội - Viện Nghiên cứu gia đình và giới, 2021 - 06/2017 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hệ thống hóa, xây dựng cơ sở lý luận về bình đẳng giới ở vùng dân tộc thiểu số: Khung lý thuyết nghiên cứu, phân tích về bình đẳng giới; kinh nghiệm của một số quốc gia và bài học cho Việt Nam. Đánh giá thực trạng về hiệu quả, tác động của việc thực hiện các chính sách của Nhà nước về bình đẳng giới ở vùng dân tộc thiểu số nước ta. Nhận diện những vấn đề cơ bản về bình đẳng giới ở vùng dân tộc thiểu số nước ta hiện nay. Từ đó, dự báo xu hướng và đề xuất các quan điểm, giải pháp, cơ chế nhằm thực hiện có hiệu quả luật pháp, chính sách về bình đẳng giới ở vùng dân tộc thiểu số đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 18442

79269. 11-2021. **Bách khoa thư nghề thủ công cổ truyền các dân tộc thiểu số ở Việt Nam/ PGS.TS. Tạ Văn Thông, ThS. Đặng Hoàng Hải; TS. Trương Thị Thu Hà; PGS.TS. Phạm Văn Tình; TS. Hoàng Thị Nhung; TS. Nguyễn Thị Thanh Hào; ThS. Bùi Thanh Phương; TS. Trần Văn Duy; ThS. Hà Thùy Dương; TS. Quách Thị Gám; ThS. Vũ Hoàng; ThS. Trịnh Thị Ly - Hà Nội - Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)**

Tổng quan tình hình nghiên cứu, biên soạn trong và ngoài nước về nghề thủ công các dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Nghiên cứu đặc điểm về nghề thủ công cổ truyền của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Tìm hiểu cấu trúc, nguyên tắc, thể lệ biên soạn “Bách khoa thư nghề thủ công cổ truyền các dân tộc thiểu số ở Việt Nam”. Tiến hành biên soạn “Bách khoa thư nghề thủ công cổ truyền các dân tộc thiểu số ở Việt Nam” và tổ chức các tọa đàm khoa học với chủ đề: “Bách khoa thư nghề thủ công cổ truyền các dân tộc thiểu số ở Việt Nam”, trong đó chủ yếu thảo luận về các nguyên tắc thể lệ biên soạn công trình, cấu trúc vĩ mô và vi mô....Đề xuất những kiến nghị từ kết quả nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: 18424

### 505. Pháp luật

77806. 11-2021. **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để xây dựng dự thảo Thông tư hướng dẫn Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa/ CN. Cao Thị Bích Hà,**

TS. Trần Quốc Tuấn; CN. Bùi Thị Thùy Dương; CN. Nguyễn Tiến Trung; ThS. Nguyễn Tiến Thực; ThS. Vũ Thị Thùy Anh; KS. Nguyễn Trần Minh Đức; CN. Nguyễn Thành Dũng; ThS. Nguyễn Thị Thanh Lịch; ThS. Hoàng Thị Loan - Hà Nội - Cục Quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa, 2019 - 01/2019 - 10/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng được dự thảo Thông tư hướng dẫn Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2018 của Chính phủ về nhãn hàng hóa trình Lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ ký ban hành. Thông tư hướng dẫn Nghị định số 43/2017/NĐ-CP đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của pháp luật về nhãn hàng hóa, đề thống nhất cách hiểu và triển khai thực hiện giữa các doanh nghiệp, các cơ quan quản lý. Thông tư hướng dẫn Nghị định số 43/2017/NĐ-CP khắc phục một số khó khăn vướng mắc trong quá trình áp dụng Nghị định như: vấn đề ghi nhãn hàng hóa đối với hàng nhập khẩu dạng xá, dạng rời không có bao bì thương phẩm, hướng dẫn ghi nhãn trong trường hợp nhãn in sai, in thiếu nội dung; có thay đổi về nội dung đã in trên nhãn hoặc khắc phục nhãn sau xử lý vi phạm; hướng dẫn ghi nhãn xuất xứ hàng hóa, ghi nhãn thực phẩm biến đổi gen, ghi nhãn dinh dưỡng...

Số hồ sơ lưu: 17775

77809. 11-2021. **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để xây dựng dự thảo Thông tư hướng dẫn về giải thưởng chất lượng quốc gia theo quy định tại Nghị định số**



74/2018/NĐ-CP của Chính phủ/ThS. Phùng Mạnh Trường, ThS. Lê Ngân Giang; ThS. Nghiêm Thanh Hải; ThS. Lê Xuân Trường; ThS. Vũ Đại Dương; ThS. Phùng Quang Minh; ThS. Trần Minh Khánh; ThS. Nguyễn Thùy Khánh; CN. Vũ Thị Diệu - Hà Nội - Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam, 2020 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích, đánh giá kết quả triển khai hoạt động giải thưởng chất lượng quốc gia (GTCLQG) trong thời gian qua, qua đó làm rõ các thành tựu, hạn chế để làm căn cứ cho việc đổi mới hoạt động GTCLQG trong thời gian tới. Xây dựng dự thảo Thông tư hướng dẫn về GTCLQG (thay thế Thông tư số 17/2011/TT-BKHCN ngày 30/6/2011 và Thông tư số 07/2012/TT-BKHCN ngày 02/4/2012), trình Bộ Khoa học và Công nghệ duyệt, ký, ban hành. Đổi mới công tác quản lý, tổ chức triển khai hoạt động GTCLG trong thời gian tới nhằm khuyến khích nhiều hơn nữa việc tham gia và áp dụng mô hình GTCLQG của các doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa và nâng cao vị thế và uy tín của GTCLQG trong cộng đồng doanh nghiệp và các bộ, ngành, cơ quan từ trung ương đến địa phương, qua đó thúc đẩy phong trào nâng suất, chất lượng tại đơn vị, địa phương, quốc gia.

Số hồ sơ lưu: 17776

77836. 11-2021. **Nghiên cứu, đề xuất ban hành mới, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật cần thiết về: đăng ký thành lập, hoạt động của tổ chức, cá nhân đầu tư**

**mạo hiểm; cơ chế, chính sách đầu tư, hỗ trợ ban đầu của Nhà nước và khuyến khích đầu tư tiếp theo cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của các thành phần kinh tế, tổ chức, cá nhân và cộng đồng xã hội để thúc đẩy môi trường khởi nghiệp đổi mới sáng tạo/** TS. Phạm Hồng Quát, KS. Nguyễn Thị Trang; TS. Từ Minh Hiệu; TS. Nguyễn Minh Sản; ThS. Đặng Thị Mai Hương; ThS. Trần Đức Thắng; ThS. Trịnh Thị Hương; ThS. Phan Hoàng Lan; CN. Nguyễn Thị Lệ Quyên; ThS. Hoàng Thị Hồng; TS. Vũ Duy Dũng - Hà Nội - Trung tâm ươm tạo và hỗ trợ doanh nghiệp khoa học và công nghệ, 2020 - 12/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đề xuất nội dung về việc đăng ký thành lập, hoạt động của các quỹ đầu tư khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (KNĐMST) và đối ứng của nhà nước cho hoạt động KNĐMST vào dự thảo văn bản hướng dẫn Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (Luật SME). Bổ sung việc đăng ký thành lập và hoạt động của quỹ phi lợi nhuận vào Nghị định 30/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 về tổ chức hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện nhằm huy động nguồn lực xã hội đầu tư cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Đề xuất việc huy động vốn cộng đồng vào dự thảo Luật chứng khoán sửa đổi bổ sung và hình thức gọi vốn cộng đồng vào dự thảo quy định về thành lập của quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa và quy chế hoạt động của quỹ đầu tư phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Số hồ sơ lưu: 17784

**50501. Luật học**

73924. 11-2021. **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn đề xuất hành vi, hình thức và mức xử phạt đối với các vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường biển/** ThS. Lại Đức Ngân, ThS. Nguyễn Hoàng Quý; TS. Đỗ Huy Dương; ThS. Nguyễn Văn Thành; ThS. Nguyễn Thị Bích Ngọc; ThS. Đỗ Thủy Tiên; ThS. Hồ Thị Hòa; CN. Đinh Thị Minh Hương; ThS. Lê An Nguyên; ThS. Vũ Thị Minh Thư - Hà Nội - Cục Kiểm soát tài nguyên và Bảo vệ môi trường biển, hải đảo, 2019 - 07/2016 - 01/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan tài liệu, các kết quả nghiên cứu liên quan tới xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường biển, hải đảo ở Việt Nam và trên thế giới. Phân tích chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của một số tổ chức liên quan trên biển. Xác định hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường biển, hải đảo. Xác định hình thức xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường biển, hải đảo. Xác định biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường biển, hải đảo. Nghiên cứu đề xuất xây dựng các quy định trong Dự thảo Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên môi trường biển. Pháp luật và quy chế pháp lý về các hình thức, chế tài và biện pháp xử lý vi phạm về môi trường biển trong pháp luật quốc tế. Đề xuất quy định xử phạt vi phạm

hành chính trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường biển và các biện pháp thực hiện.

Số hồ sơ lưu: 16294

**506. Khoa học chính trị**

76561. 11-2021. **Đổi mới tổ chức và hoạt động công an xã trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh/** TS. Phùng Văn Hào, - TP. Hồ Chí Minh - Học viện Cảnh sát nhân dân, 2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Những vấn đề thuộc về nhận thức chung (khái niệm, đặc điểm, vai trò, cơ sở pháp lý, nguyên tắc cơ bản...) về tổ chức và hoạt động của công an xã. Tình hình, đặc điểm liên quan đến tổ chức và hoạt động của công an xã trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Tổ chức bộ máy, cán bộ (cơ cấu, số lượng, chất lượng), trang bị vũ khí, phương tiện, cơ sở vật chất, chế độ, chính sách và thực trạng hoạt động của công an xã trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Những yếu tố tác động đến tổ chức và hoạt động của công an xã trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian tới và các giải pháp đổi mới tổ chức và hoạt động của lực lượng này nhằm đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của tình hình mới.

Số hồ sơ lưu: HCM-012-2020

**50601. Khoa học chính trị**

78883. 11-2021. **Vai trò của thông tin khoa học đối với việc hoạch định chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội địa phương của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh/** ThS. Phùng Thị Việt Hà, TS. Nguyễn Thị Hồng

Lâm; PGS.TS. Trần Minh Trường; PGS.TS. Nguyễn Hữu Thắng; PGS.TS. Lê Văn Toan; TS. Nguyễn Thị Phương Thảo; TS. Nguyễn Mạnh Hải; TS. Nguyễn Duy Hạnh; TS. Nguyễn Thị Kim Thanh; TS. Nguyễn Thị Ánh; ThS. Trình Trần Phương Anh; ThS. Lưu Quang Đà; ThS. Nguyễn Ngọc Lam; ThS. Nguyễn Thanh Bình; ThS. Nguyễn Thị Thoa; ThS. Bùi Thị Xuân; ThS. Nguyễn Kim Anh; TS. Nguyễn Hải Thanh; ThS. Bùi Thị Long; ThS. Trần Danh Tuấn; CN. Dương Thị Kim Ngân; CN. Nguyễn Thành Trung; ThS. Nguyễn Thị Tuyết Vân; ThS. Bùi Thị Bích Thảo - Hà Nội - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2019 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hoá và làm rõ một số vấn đề lý luận cơ bản về vai trò của thông tin khoa học đối với việc ra các quyết sách lãnh đạo, quản lý. Tiến hành phân tích, đánh giá đặc điểm, vai trò, yêu cầu thông tin của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh. Đồng thời, phân tích sự tác động của thông tin khoa học đến việc hoạch định chủ trương, chính sách phát triển KT - XH địa phương và sự tác động trở lại đến sự phát triển của thông tin khoa học. Từ đó, đề xuất phương hướng và giải pháp nhằm nâng cao chất lượng thông tin khoa học.

Số hồ sơ lưu: 18195

78958. 11-2021. **Nghiên cứu đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao năng lực thông tin đối ngoại các tuyến biên giới trên đất liền/** CN. Đoàn Công Huỳnh,

Phạm Minh Giang; Phan Thị Thu Hồng; Nguyễn Thị Duyên; Đặng Thị Khánh Hòa - Hà Nội - Cục Thông tin đối ngoại, 2020 - 01/2020 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Khái quát một số lý luận về quốc gia, chủ quyền biên giới quốc gia và các chính sách đối ngoại của Việt Nam đối với 3 nước láng giềng (Trung Quốc; Lào và Campuchia). Đánh giá thực trạng công tác thông tin đối ngoại tại các tuyến biên giới trên đất liền. Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao năng lực thông tin đối ngoại tại các tuyến biên giới trên đất liền, đáp ứng yêu cầu và đòi hỏi của công tác thông tin đối ngoại trong tình hình mới của đất nước.

Số hồ sơ lưu: 18226

### **50602. Hành chính công và quản lý hành chính**

77833. 11-2021. **Kiểm soát, ngăn chặn "nhóm lợi ích" trong thực thi chính sách công ở Việt Nam hiện nay/** TS. Nguyễn Văn Chung, PGS.TS. Đoàn Minh Huân; TS. Nguyễn Thị Như; ThS. Nguyễn Quỳnh Lan; ThS. Nguyễn Thị Hồng Vân; CN. Đinh Thúy Ngà; CN. Trần Thị Hạnh; CN. Phùng Thị Thanh Hương; CN. Đỗ Thị Kim Oanh - Hà Nội - Tạp chí Cộng sản, 2020 - 03/2018 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn kiểm soát, ngăn chặn “nhóm lợi ích” trong thực thi chính sách công, bao gồm: làm rõ khái niệm, nội hàm, đặc điểm, biểu hiện của “nhóm lợi ích”; chính sách công, “nhóm lợi ích” trong thực thi chính sách công. Đánh giá thực trạng việc kiểm soát,

ngăn chặn “nhóm lợi ích” trong thực thi chính sách công ở Việt Nam hiện nay trên các lĩnh vực: Đất đai, khai thác tài nguyên, xây dựng cơ bản, tài chính - ngân hàng. Đưa ra các giải pháp nhằm kiểm soát, ngăn chặn “nhóm lợi ích” trong thực thi chính sách công ở Việt Nam hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 17770

78801. 11-2021. **Nghiên cứu xây dựng chương trình và tài liệu bồi dưỡng về quản lý KH, CN và ĐMST dành cho lãnh đạo cấp phòng của các tổ chức KH&CN tại Việt Nam/** TS. Vũ Trường Sơn, ThS. Lê Vũ Toàn; TS. Hoàng Thu Hiền; ThS. Nguyễn Việt Hùng; ThS. Trần Minh Huyền; ThS. Nguyễn Trang Anh; ThS. Phạm Chiến Thắng; Cử nhân. Trần Thị Mai Hoa - Hà Nội - Trung tâm Đào tạo, bồi dưỡng quản lý KH&CN, 2020 - 06/2019 - 03/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng chương trình và tài liệu bồi dưỡng về quản lý KH, CN và ĐMST nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý cấp phòng các tổ chức KH&CN tại Việt Nam, thúc đẩy hoạt động KH&CN và ĐMST. Đề xuất phương án và kế hoạch triển khai đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ lãnh đạo cấp phòng của các tổ chức KH&CN giai đoạn 3 năm từ 2020 tới 2022.

Số hồ sơ lưu: 18166

78990. 11-2021. **Công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ**

**nghĩa/** GS.TS. Phan Trung Lý, ThS. Nguyễn Trung Thành; GS.TS. Nguyễn Minh Thuyết; GS.TS. Thái Vĩnh Thắng; PGS.TS. Đinh Dũng Sỹ; PGS.TS. Nguyễn Đức Bách; PGS.TS. Vũ Công Giao; PGS.TS. Lương Quỳnh Khuê; TS. Nguyễn Văn Thanh; TS. Nguyễn Trí Tuệ; TS. Trần Công Phàn; TS. Vũ Văn Họa; TS. Nguyễn Văn Tùng; TS. Nguyễn Tuấn Khanh; TS. Phạm Trọng Nghĩa; TS. Phan Thanh Hà; TS. Nguyễn Văn Hoạt; TS. Bùi Tiến Đạt; TS. Phạm Văn Đạt; TS. Lã Trường Anh; ThS. Cao Anh Đức; ThS. Nguyễn Văn Tùng; ThS. Nguyễn Thanh Tùng; ThS. Cao Việt Hoàng; ThS. Đào Thị Cẩm; ThS. Nguyễn Đình Phúc; ThS. Phan Văn Sáng; ThS. Hoàng Thị Hương; Bùi Thị Hơ; Lê Thị Nhung - Hà Nội - Viện Khoa học Môi trường và Xã hội, 2021 - 04/2019 - 09/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về thực hiện công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước ở Việt Nam. Đánh giá nội dung và hình thức thực hiện công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của các cơ quan hành chính nhà nước ở Việt Nam như Chính phủ, các thành viên của Chính phủ, các Bộ, ngành và ủy ban nhân dân các cấp. Đánh giá về sự tham gia của các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, báo chí và người dân trong việc thúc đẩy công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước ở Việt Nam hiện nay. Đề xuất các giải pháp

nâng cao hiệu quả thực hiện công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Xây dựng bộ chỉ số về đánh giá mức độ thực hiện công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước ở Việt Nam hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 18238

**50603. Lý thuyết tổ chức; Hệ thống chính trị; Đảng chính trị**

78946. 11-2021. **Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)-Những vấn đề lý luận và thực tiễn qua 10 năm thực hiện/** GS.TS. Tạ Ngọc Tấn, GS.TS. Phùng Hữu Phú; GS.TS. Vũ Văn Hiền; PGS.TS. Nguyễn Văn Thọ; PGS.TS. Nguyễn Việt Thông; PGS.TS. Trần Quốc Toàn; PGS.TS. Ngô Văn Thọ; ThS. Lê Đức Thắng; ThS. Trần Thị Minh Thu; CN. Nguyễn Thị Kim Yến - Hà Nội - Hội đồng lý luận Trung ương, 2020 - 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân trong việc thực hiện các nội dung của Cương lĩnh cả về lý luận và thực tiễn thực hiện. Xác định những vướng mắc, những vấn đề đặt ra, trên cơ sở đó đề xuất giải pháp tiếp tục thực hiện thành công Cương lĩnh của Đảng. Kiến nghị với Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư những vấn đề bổ sung, phát triển lý

luận và giải pháp qua 10 năm thực hiện Cương lĩnh năm 2011, phục vụ xây dựng văn kiện Đại hội XIII của Đảng và những định hướng, chủ trương lớn tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Cương lĩnh.

Số hồ sơ lưu: 18222

78957. 11-2021. **Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp thiết phục vụ trực tiếp cho yêu cầu đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước/** PGS.TS. Nguyễn Văn Thọ, PGS.TS. Nguyễn Việt Thông; TS. Nguyễn Mạnh Hùng; GS.TS. Dương Xuân Ngọc; TS. Bùi Văn Thạch; TS. Bùi Trường Giang; CN. Cao Văn Thông; TS. Đinh Quang Ty; ThS. Hoàng Thị Bích Ngọc; CN. Nguyễn Thị Hương - Hà Nội - Hội đồng lý luận Trung ương, 2020 - 01/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phân tích, đánh giá làm rõ những vấn đề lý luận, thực tiễn cấp thiết đang đặt ra phục vụ trực tiếp cho yêu cầu đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước hiện nay. Đề xuất quan điểm, định hướng giải quyết những vấn đề này, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, trực tiếp là góp phần vào việc chuẩn bị các dự thảo văn kiện Đại hội XIII của Đảng.

Số hồ sơ lưu: 18204

78978. 11-2021. **Vai trò tiên phong của đội ngũ đảng viên trong giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay/** TS. Trần Thị Hương, ThS. Đỗ Thị Diệp; TS. Nguyễn Thị Ngọc

Loan; TS. Nguyễn Thị Thúy Mai; PGS.TS. Đỗ Ngọc Ninh; ThS. Tạ Như Sơn; ThS. Tô Hoàng Linh; ThS. Bùi Quang Hiệp; ThS. Trương Thị Duyên; ThS. Trần Thị Bình; ThS. Phùng Văn Hải; ThS. Ngô Thanh Hoa - Hà Nội - Học viện Báo chí và Tuyên truyền, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Luận giải những vấn đề lý luận và thực tiễn về vai trò tiên phong của đội ngũ đảng viên trong giai cấp công nhân Việt Nam, xác định vai trò tiên phong của đội ngũ đảng viên trong giai cấp công nhân, xây dựng bộ tiêu chí đánh giá vai trò tiên phong của đội ngũ đảng viên. Khảo sát, đánh giá thực trạng đội ngũ đảng viên trong giai cấp công nhân và thực trạng vai trò tiên phong của đội ngũ đảng viên trong giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay. Phân tích các nhân tố tác động, xác định phương hướng, đề xuất giải pháp và kiến nghị để phát huy vai trò tiên phong của đội ngũ đảng viên trong giai cấp công nhân Việt Nam trong điều kiện mới.

Số hồ sơ lưu: 18229

78998. 11-2021. **Nghiên cứu thực trạng thu hút, tuyển dụng, sử dụng và đề xuất giải pháp nhằm tăng cường đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong hệ thống chính trị từ trung ương đến địa phương/** TS. Phí Hùng Cường, PGS.TS. Trần Trung; PGS.TS. Bế Trung Anh; PGS.TS. Lê Ngọc Thắng; ThS. Nguyễn Thị Mai Phương; TS. Giang Khắc Bình; TS. Đậu Thê Tụng; ThS. Nguyễn Văn Chí; CN. Lý Bình Huy;

ThS. Nguyễn Văn Tuyền - Hà Nội - Trung tâm Hỗ trợ đào tạo và phát triển nhân lực vùng dân tộc và miền núi., 2020 - 01/2018 - 07/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa cơ sở lý thuyết về thu hút, tuyển dụng, sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong hệ thống chính trị từ Trung ương đến địa phương. Phân tích, đánh giá làm rõ thực trạng việc thu hút, tuyển dụng, sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay. Qua đó, đề xuất các nhóm giải pháp, kiến nghị về cơ chế chính sách thu hút, tuyển dụng, sử dụng nhằm tăng cường đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong hệ thống chính trị.

Số hồ sơ lưu: 18224

79002. 11-2021. **Điều tra thực trạng lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thực tiễn phát triển kinh tế Việt Nam hiện nay và đề xuất giải pháp/** PGS.TS. Lê Quốc Lý, TS. Tạ Văn Nam; TS. Hà Văn Tuấn; TS. Phạm Anh Hùng; TS. Đỗ Văn Quân; PGS.TS. Lê Văn Chiến; ThS. Lê Quốc; TS. Lê Quốc Bang; PGS.TS. Phạm Minh Anh; ThS. Trịnh Đăng Cường - Hà Nội - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2021 - 01/2019 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng khung lý thuyết nhằm đánh giá vai trò, kết quả lãnh đạo phát triển kinh tế của Đảng cộng sản Việt Nam trong những năm gần đây. Phân tích, đánh giá thông tin liên quan tới thực trạng lãnh đạo phát

triển kinh tế của Đảng cộng sản Việt Nam và làm sáng tỏ dựa trên bằng chứng các nguyên nhân khách quan, chủ quan của kết quả và hạn chế trong lãnh đạo phát triển kinh tế của Đảng cộng sản Việt Nam trong thời gian vừa qua. Đề xuất những giải pháp và kiến nghị về mặt chủ trương, chính sách, phương thức, nội dung nhằm bảo phát huy vai trò, hiệu quả của Đảng cộng sản Việt Nam trong lãnh đạo phát triển kinh tế trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 18243

79003. 11-2021. **Xây dựng mô hình tổ chức đảng ở cơ quan chính quyền địa phương hiện nay/** PGS.TS. Đinh Ngọc Giang, TS. Lê Thị Minh Hà; PGS.TS. Trần Khắc Việt; PGS.TS. Ngô Huy Tiếp; PGS.TS. Nguyễn Minh Tuấn; PGS.TS. Nguyễn Văn Giang; PGS.TS. Lâm Quốc Tuấn; TS. Trịnh Thanh Tâm; ThS. Hà Văn Luyện; ThS. Bùi Văn Hải - Hà Nội - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Khái quát về chính quyền địa phương ở Việt Nam. Đánh giá thực trạng xây dựng mô hình tổ chức Đảng ở cơ quan chính quyền địa phương Dự báo nhân tố tác động và mục tiêu, quan điểm xây dựng mô hình tổ chức Đảng ở cơ quan chính quyền địa phương theo mô hình đã được xây dựng đến năm 2030. Đề xuất giải pháp xây dựng mô hình tổ chức Đảng ở cơ quan chính quyền địa phương theo mô hình đã được xây dựng đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 18234

## 507. Địa lý kinh tế và xã hội

### 50701. Khoa học môi trường - các khía cạnh xã hội

75654. 11-2021. **Nghiên cứu xây dựng đề án và các giải pháp phát triển ngành công nghiệp môi trường tại TP. Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025/** ThS. Cao Tung Sơn, PGS. TS Phùng Chí Sỹ; ThS. Dịong Thị Minh Hằng; ThS. Nguyễn Thị Tuyết Hoa; KS. Đỗ Minh Luân; ThS. Vũ Thành Nam; ThS. Phạm Mai Duy Thông; CN. Nguyễn Minh Tiến; CN. Nguyễn Thị Hải; CN. Đặng Thị Thơm; Trần Quang Khải; Nguyễn Lê Phúc Minh; Đồng Quang Kiên; Nguyễn Thị Thanh Bình; Phạm Minh Sơn - TP. Hồ Chí Minh - Chi Cục Bảo vệ Môi trường TP. Hồ Chí Minh, 2018 - 12/2016 - 06/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu xây dựng đề án phát triển ngành công nghiệp môi trường tại TP. Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025 trên cơ sở đánh giá hiện trạng và dự báo về nhu cầu phát triển ngành công nghiệp môi trường tại TP. Hồ Chí Minh. Đề xuất các chương trình, dự án, nhiệm vụ và các giải pháp phát triển ngành công nghiệp môi trường tại TP. Hồ Chí Minh.

Số hồ sơ lưu: HCM-0273-2018

79021. 11-2021. **Nghiên cứu cơ sở lý luận, thực tiễn và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả phân cấp và cơ chế phối hợp trong quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường/** PGS.TS. Phạm Văn Lợi, ThS. Nguyễn Thị Ngọc Ánh; ThS.

Nguyễn Thị Thu Hoài; TS. Nguyễn Hoàng Phương Lan; PGS.TS. Nguyễn Cảnh Quý; PGS.TS. Dương Đăng Huệ; PGS.TS. Lê Kế Sơn; TS. Nguyễn Thế Đồng; ThS. Phạm Việt Huy; ThS. Đặng Anh Tuấn; ThS. Nông Ánh Dương; TS. Cao Trường Sơn - Hà Nội - Viện Khoa học Môi trường, 2021 - 06/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về phân cấp và cơ chế phối hợp trong quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Đánh giá thực trạng việc thực hiện phân cấp và cơ chế phối hợp trong quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định về phân cấp và cơ chế phối hợp trong quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Đề xuất giải pháp đảm bảo thực hiện hiệu quả phân cấp và cơ chế phối hợp quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Xây dựng dự thảo chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường phối hợp trong quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

Số hồ sơ lưu: 18250

### **50702. Địa lý kinh tế và văn hoá**

78997. 11-2021. **Nghiên cứu xây dựng chính sách về ngư dân, ngư nghiệp và ngư trường để phát triển nghề cá bền vững và có trách nhiệm ở Việt Nam/** TS. Cao Lê Quyên, ThS. Nguyễn Quý Dương; TS. Phùng Giang Hải; ThS. Hồ Công Hường; ThS. Phan Đăng Liêm; ThS. Vũ Thị Hồng Ngân; ThS. Nguyễn Phương Thảo; ThS. Nguyễn Đặng Hoàng Thư; ThS. Đỗ Phương Linh; ThS. Lại Thị Thùy; ThS. Lê Trường Giang; TS. Nguyễn

Xuân Trinh; TS. Nguyễn Phi Toàn; ThS. Trịnh Quang Tú; ThS. Đào Việt Long; ThS. Hoàng Văn Cường; ThS. Nguyễn Thành Bách - Hà Nội - Viện kinh tế và quy hoạch thủy sản, 2021 - 09/2018 - 09/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Cơ sở lý luận và thực tiễn về nghề cá có trách nhiệm và quản lý nghề cá bền vững, xác định yêu cầu và các tiêu chí nhận dạng phù hợp để áp dụng cho Việt Nam. Đánh giá thực trạng vấn đề ngư dân, ngư nghiệp và ngư trường ở Việt Nam hiện nay. Phân tích vai trò và vị trí của ngư dân, ngư nghiệp và ngư trường trong chiến lược phát triển kinh tế biển, hội nhập quốc tế, bảo vệ an ninh và bảo đảm “chủ quyền dân sự” trên các vùng biển đảo Việt Nam. Đánh giá thực trạng chính sách về ngư dân, ngư nghiệp, ngư trường và mối quan hệ với chính sách về nông dân, nông nghiệp và nông thôn của Việt Nam. Đề xuất chính sách đặc thù cho ngư dân và nghề cá xa bờ, hỗ trợ và quản lý nghề cá gần bờ theo hướng bền vững và có trách nhiệm ở Việt Nam. Xây dựng Dự thảo khung chính sách đồng bộ về ngư dân, ngư nghiệp và ngư trường.

Số hồ sơ lưu: 18240

79023. 11-2021. **Cơ sở khoa học và các giải pháp phát triển bền vững các khu kinh tế ven biển Việt Nam/** TS. Phạm Văn Thanh, ThS. Phạm Thị Tám Hương; TS. Hoàng Khắc Lịch; TS. Nguyễn Văn Niệm; GS.TS. Nguyễn Trọng Tín; TS. Trịnh Thế Hiếu; TS. Nguyễn Văn Quý; TS. Đặng Hoài Nhơn; TS. Đậu Hiền; ThS. Đào Hương Giang -



Hà Nội - Hội Địa chất biển Việt Nam, 2021 - 08/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu cơ sở lý luận, thực tiễn và các tiêu chí về phát triển bền vững các khu kinh tế ven biển. Bài học kinh nghiệm phát triển các khu kinh tế ven biển của một số nước trên thế giới và áp dụng cho Việt Nam. Đánh giá thực trạng môi trường, kinh tế, xã hội và quản trị theo quan điểm phát triển bền vững các khu kinh tế ven biển Việt Nam và các khu kinh tế nghiên cứu điểm. Đề xuất giải pháp phát triển bền vững các khu kinh tế ven biển Việt Nam và mô hình, các giải pháp phát triển bền vững 03 khu kinh tế nghiên cứu điểm.

Số hồ sơ lưu: 18249

## **508. Thông tin đại chúng và truyền thông**

### **50803. Khoa học thư viện**

78979. 11-2021. **Nghiên cứu biên soạn lịch sử huyện Trường Sa, tỉnh Khánh Hòa/ TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền, PGS.TS. Nguyễn Việt Thảo; PGS.TS. Nguyễn Mạnh Hà; GS.TS. Trần Đức Cường; PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hà; PGS.TS. Vũ Văn Quân; PGS.TS. Trần Ngọc Long; PGS.TS. Đoàn Minh Huân; PGS.TS. Nguyễn Văn Sự; PGS.TS. Nguyễn Danh Tiên; TS. Trần Thị Vui - Hà Nội - Học viện chính trị khu vực I, 2020 - 06/2016 - 06/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Qua các tài liệu Châu bản, các thư tịch cổ, các bộ cổ sử của Việt Nam, các tài liệu dân gian...; Các tài

liệu của các nhà địa lý, hàng hải, truyền giáo phương Tây...; Các nghiên cứu về quá trình kiến tạo địa lý, hình thành đảo và quần đảo, vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên...cũng như qua quá trình phát hiện, khai thác, bảo vệ huyện đảo Trường Sa qua các thời kỳ lịch sử đều khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với Trường Sa.

Số hồ sơ lưu: 18231

## **599. Khoa học xã hội khác**

77313. 11-2021. **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để xây dựng hệ thống giám sát và đánh giá dựa trên kết quả thực hiện các chương trình và dự án phát triển năng lực của Tổ chức Năng suất Châu Á (APO) tại Việt Nam/ CN. Nguyễn Thị Minh Nguyệt, ThS. Vũ Thị Tú Quyên; ThS. Nguyễn Thị Phương Yên; ThS. Phan Thanh Sơn; CN. Nguyễn Thị Mai Sinh; CN. Trương Hạnh Hoa; ThS. Vũ Thị Thu Phương; ThS. Nguyễn Văn Dũng; ThS. Nguyễn Lê Duy - Hà Nội - Vụ Hợp tác quốc tế - Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)**

Xây dựng hệ thống giám sát và đánh giá dựa trên kết quả nhằm đánh giá hiệu quả việc điều phối thực hiện chương trình và dự án phát triển năng lực của APO với mục tiêu tăng cường năng lực của các tổ chức năng suất quốc gia, thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp vừa và nhỏ và cộng đồng hướng tới đổi mới, tăng trưởng năng suất và năng suất xanh. Nâng cao hiệu quả các hoạt động hợp tác với Tổ chức Năng suất Châu Á thông qua hệ thống giám sát

và đánh giá dựa trên kết quả thực hiện các chương trình và dự án APO.

Số hồ sơ lưu: 17532

## 6. Khoa học nhân văn

78732. 11-2021. **Nghiên cứu biên soạn Lịch sử ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 1945 – 2015.**/ Phạm Việt Đức, Phạm Việt Đức; Nguyễn Mạnh Sơn; Nhâm Quốc Hưng; Nguyễn Văn Hưng; Trần Thị Mai Loan; Lê Minh Hải; Trần Thị Thu Hằng - Thái Nguyên - Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên, 2019 - 05/2018 - 11/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Bản thảo cuốn sách *Lịch sử ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 1945-2015* có chất lượng tốt được Hội đồng cấp tỉnh nghiệm thu; dung lượng từ 250 đến 300 trang A4; đủ điều kiện xuất bản thành sách, phát hành phục vụ nhiệm vụ chính trị của ngành Giáo dục và Đào tạo và của địa phương.

Số hồ sơ lưu: TNN-2020-002

## 601. Lịch sử và khảo cổ học

### 60101. Lịch sử Việt Nam

79231. 11-2021. **Nông thôn Trung Kỳ từ năm 1858 đến năm 1945**/ TS. Trần Thị Phương Hoa, TS. Nguyễn Thị Lệ Hà; PGS.TS. Nguyễn Ngọc Mão; TS. Bùi Thị Hà; ThS. Nguyễn Văn Biểu - Hà Nội - Viện Sử học, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định tổ chức nông thôn qua đại diện là tổ chức làng xã, hệ thống chính quyền quản lý nông thôn

Trung Kỳ. Nghiên cứu làm rõ các chính sách kinh tế, xã hội và văn hoá đối với khu vực nông thôn. Tìm hiểu thực tiễn diễn ra ở nông thôn Trung Kỳ trong lĩnh vực kinh tế, chủ yếu đối với nông nghiệp, lâm nghiệp đồng thời tìm hiểu về đời sống văn hoá-xã hội ở nông thôn Trung Kỳ: giáo dục, y tế, đời sống văn hoá (lễ hội, phong tục tập quán).

Số hồ sơ lưu: 18425

## 602. Ngôn ngữ học và văn học

### 60202. Nghiên cứu ngôn ngữ Việt Nam

78881. 11-2021. **Nghiên cứu quan hệ bao thuộc trong tiếng Việt**/ TS. Phạm Văn Lam, ThS. Nguyễn Thị Thuỳ; TS. Đỗ Anh Vũ; PGS.TS. Phạm Tất Thắng; ThS. Nguyễn Thanh Tuấn; ThS. Đào Thị Trà - Hà Nội - Viện Ngôn Ngữ Học, 2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan tình hình và cơ sở lí luận của việc nghiên cứu quan hệ bao thuộc trong tiếng Việt, làm rõ bản chất ngữ nghĩa của hệ thống các đơn vị từ có quan hệ bao thuộc. Xác lập một số tiền đề lí thuyết quan trọng cho việc xây dựng các kho ngữ liệu từ vựng để hướng tới việc xác lập được một danh sách tương đối có tính hệ thống về các đơn vị từ vựng đã được gán nhãn quan hệ bao thuộc (trong một số khu vực từ vựng), góp phần miêu tả một cách thoả đáng hơn cấu tạo từ tiếng Việt từ góc độ ngữ nghĩa.

Số hồ sơ lưu: 18197

78930. 11-2021. **Xác lập cơ sở lý thuyết cho việc biên soạn cú**

**pháp tiếng Việt/** GS.TS. Nguyễn Văn Hiệp, TS. Nguyễn Thị Phương; TS. Nguyễn Thế Dương; ThS. Đinh Thị Hằng; TS. Vũ Thị Hải Hà; ThS. Đào Thị Trà - Hà Nội - Viện Ngôn Ngữ Học, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nêu những đặc trưng loại hình của tiếng Việt chi phối đến cơ cấu của ngữ pháp tiếng Việt nói chung và cú pháp tiếng Việt nói riêng. Nhận diện những vấn đề chưa được giải quyết của cú pháp tiếng Việt, những vấn đề lí luận và thực tiễn của việc nghiên cứu cú pháp tiếng Việt như: Vấn đề trật tự từ trong câu tiếng Việt, nhìn từ quan điểm truyền thống và quan điểm của ngữ pháp chức năng và ngôn ngữ học tri nhận; Vấn đề vai trò hư từ trong câu tiếng Việt, nhìn từ quan điểm truyền thống và quan điểm của ngữ pháp chức năng và ngôn ngữ học tri nhận và vấn đề về các bình diện nghiên cứu của câu tiếng Việt, nhìn từ quan điểm truyền thống và quan điểm của ngữ pháp chức năng và ngôn ngữ học tri nhận.

Số hồ sơ lưu: 18215

### **60207. Lý luận văn hoá; Nghiên cứu văn hoá nói chung**

73923. 11-2021. **Nghiên cứu đề xuất giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị dân ca dân tộc Sán Dìu ở Việt Nam/** PGS. TS. Ngô Quang Sơn, ThS. Trần Quốc Hùng; TS. Vũ Thị Thanh Minh; ThS. Phương Đoàn; ThS. Ngô Anh Quang; ThS. Trần Đăng Khởi; ThS. Phạm Văn Trường; CN. Phạm Văn Hiếu; CN. Lại Việt Lộc; ThS. Đỗ Thúy Hằng -

Hà Nội - Học viện Dân tộc, 2016 - 01/2016 - 12/2016. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích, đánh giá thực trạng dân ca trong cưới xin của dân tộc Sán Dìu, từ đó đề xuất một số giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị dân ca trong cưới xin và trong đời sống của dân tộc Sán Dìu ở Việt Nam hiện nay. Nghiên cứu về phong tục, nghi lễ và bản sắc dân ca trong cưới xin của dân tộc Sán Dìu. Nghiên cứu, điều tra thực trạng thực hành dân ca trong cưới xin của dân tộc Sán Dìu trong đời sống hiện nay. Đề xuất một số giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị dân ca dân tộc Sán Dìu ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 16295

### **603. Triết học, đạo đức học và tôn giáo**

#### **60301. Triết học**

79260. 11-2021. **Định hướng giá trị thẩm mỹ con người Việt Nam hiện nay/** PGS.TS. Nguyễn Thu Nghĩa, TS. Phan Thị Thu Hằng; TS. Lê Thị Hường; TS. Đỗ Thị Thanh Hương; ThS. Lê Thuý Hạnh; TS. Đỗ Thị Kim Hoa; TS. Đào Thị Minh Thảo; ThS. Trần Thị Tuyết; ThS. Nguyễn Ánh Hồng Minh; ThS. Phương Thanh Thủy; ThS. Lê Hồng Hà - Hà Nội - Viện Triết học, 2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu làm rõ các vấn đề cốt lõi như khái niệm, bản chất, đặc trưng, nội dung, tầm quan trọng và các nhân tố tác động đến định hướng giá trị thẩm mỹ. Phân tích thực trạng định hướng giá trị thẩm mỹ trên hai

mặt thành tựu và hạn chế; làm rõ các nguyên nhân của thành tựu và hạn chế, những vấn đề đặt ra đối với việc định hướng giá trị thẩm mỹ con người Việt Nam hiện nay. Từ đó, đưa ra được các quan điểm và giải pháp góp phần định hướng các giá trị thẩm mỹ con người Việt Nam hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 18422

### **60302. Lịch sử và triết học của khoa học và công nghệ**

73001. 11-2021. **Nghiên cứu đánh giá mức độ sẵn sàng với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 trong lĩnh vực ICT/** TS. Nguyễn Thị Hoàng Yến, TS. Trần Quang Huy; TS. Trần Quý Nam; ThS. Đặng Việt Hà; ThS. Nguyễn Văn Cường - Hà Nội - Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, 2018 - 04/2018 - 11/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu về một số mô hình quốc tế về đánh giá mức độ sẵn sàng đối với cách mạng công nghiệp 4.0 và nghiên cứu các mô hình đánh giá mức độ sẵn sàng đối với cách mạng công nghiệp 4.0 dưới góc độ kinh tế. Với kết quả thực hiện tổng quan nghiên cứu, hướng tới mục tiêu nghiên cứu, đánh giá mức độ sẵn sàng của một số ngành, đặc biệt là của các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực ICT của Việt Nam đối với cách mạng công nghiệp 4.0. Trên cơ sở đó, đề xuất một số hướng giải pháp nhằm thúc đẩy sự sẵn sàng của lĩnh vực ICT của Việt Nam đối với cách mạng công nghiệp 4.0.

Số hồ sơ lưu: 15562

73962. 11-2021. **Cách mạng công nghiệp lần thứ tư: Phản ứng chính sách của một số nước và gợi mở đối với Việt Nam/** TS. Nguyễn Hồng Thu, PGS. TS. Phạm Thị Thanh Bình; TS. Võ Thị Minh Lệ; ThS. Nguyễn Hồng Bắc; TS. Phạm Anh Tuấn; TS. Chu Phương Quỳnh; ThS. Nguyễn Thị Hồng Nga; ThS. Hoàng Thị Hồng Minh; TS. Nguyễn Thị Hồng Tâm; CN. Trần Thị Thu Thủy; CN. Ngô Thị Phương Lan; CN. Nguyễn Thị Hằng - Hà Nội - Viện kinh tế và chính trị thế giới, 2019 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Nhận diện cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư: Phần này tập trung tìm hiểu quá trình định hình, bản chất, đặc điểm, tác động tích cực và tiêu cực của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Nghiên cứu phản ứng chính sách của một số nước đối với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư tập trung chủ yếu ở các chính sách: Khuyến khích, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển khoa học công nghệ mới; Phát triển nguồn nhân lực; Đầu tư phát triển R&D. Dựa trên các bài học kinh nghiệm từ các nước, và cơ hội, thách thức của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đối với Việt Nam, đề tài đưa ra một số gợi mở chính sách cho Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 16298

### **60305. Nghiên cứu tôn giáo**

74293. 11-2021. **Biến đổi của tin lành trong phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay/** TS. Vũ Thị Thu Hà, ThS. Lê Văn Tuyên; TS. Nguyễn Xuân Hùng; ThS. Trần Thị

Phuong Anh; TS. Ngô Quốc Đông; ThS. Dương Văn Biên; ThS. Nguyễn Thị Bích Ngoan; TS. Nguyễn Bình; CN. Nguyễn Thị Thanh Trà - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Tôn giáo, 2019 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn dẫn đến biến đổi tin lành ở Việt Nam. Phân tích thực trạng biến đổi của tin lành ở Việt Nam giai đoạn từ năm 2004 đến nay. Phân tích các tác động của tin lành đối với sự phát triển bền vững tại Việt Nam trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, môi trường, văn hóa và an ninh quốc phòng. Đưa ra một số khuyến nghị nhằm tiếp tục đổi mới và hoàn thiện hơn nữa chính sách tôn giáo trong quá trình phát triển bền vững đất nước trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 16390

77990. 11-2021. **Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý về an ninh, trật tự đối với lễ hội tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.**/ Trịnh Hữu Sơn, - Ninh Bình - Công an tỉnh Ninh Bình, 2019 - 02/2018 - 07/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Làm rõ những vấn đề cơ bản về quản lý về an ninh, trật tự đối với các lễ hội tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; Đánh giá thực trạng hoạt động lễ hội tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Ninh Bình có liên quan đến ANTT; Đánh giá thực trạng công tác quản lý về ANTT đối với hoạt động lễ hội tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; Đưa ra dự báo, đề xuất những giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả công tác

đảm bảo ANTT đối với các lễ hội tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Số hồ sơ lưu: NBH-005-2020

## 604. Nghệ thuật

### 60402. Mỹ thuật

78944. 11-2021. **Mỹ thuật Việt Nam giai đoạn 1986 đến 2016 (Nghiên cứu tại thành phố Hà Nội, tỉnh Thừa Thiên Huế, thành phố Hồ Chí Minh)**/ PGS.TS. Lê Văn Sửu, PGS.TS. Ngô Tuấn Phong PGS.TS. Ngô Tuấn Phong; PGS.TS. Hoàng Minh Phúc; PGS.TS. Bùi Thị Thanh Mai; ThS. Phạm Trung; ThS. Nguyễn Thiện Đức; CN. Nguyễn Thanh Mai - Hà Nội - Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam, 2020 - 01/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về mỹ thuật Việt Nam giai đoạn 1986 đến 2016 ở thành phố Hà Nội, tỉnh Thừa Thiên Huế và thành phố Hồ chí Minh. Đánh giá và nêu rõ thực trạng mỹ thuật Việt Nam giai đoạn 1986 đến 2016 ở thành phố Hà Nội, tỉnh Thừa Thiên Huế và thành phố Hồ chí Minh qua các vấn đề đội ngũ nghệ sĩ, đề tài, chủ đề, ngôn ngữ, kỹ thuật, chất liệu, hình thức, thị trường mỹ thuật, điều kiện sáng tác và công bố tác phẩm, tác động của công cuộc đổi mới đến mỹ thuật. Nghiên cứu dự báo xu thế sáng tác mỹ thuật Việt Nam trong thời gian tới và đề xuất một số giải pháp phát triển mỹ thuật Việt Nam đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế.

Số hồ sơ lưu: 18218

**Phu lục: THỦ TỤC ĐĂNG KÝ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN**

**1. Tên thủ tục hành chính:** Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ.

**2. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1:

+ *Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không có nhu cầu đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp hoặc đã đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp trước khi nghiệm thu chính thức*

Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

+ *Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp sau khi nghiệm thu chính thức*

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, nhưng không muộn hơn 60 ngày kể từ ngày được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước, nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Bước 2:

Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ và ghi vào giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm thông báo bằng văn

bản tới tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ yêu cầu bổ sung. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm cấp 01 Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

### **3. Cách thức thực hiện:**

- Đăng ký trực tuyến tại trang thông tin điện tử: <http://dangkyqcnv.vista.gov.vn/>;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia;
- Gửi bảo đảm theo đường bưu chính về Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

### **4. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ**

- 01 Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước (Phiếu đăng ký để rời, đóng dấu giáp lai nếu 2 tờ, không đóng vào báo cáo tổng hợp).
- 01 bản giấy Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ (đã hoàn thiện sau khi nghiệm thu chính thức), báo cáo đóng bìa cứng, gáy vuông (in tên chủ nhiệm vụ, và mã số nhiệm vụ), trên trang bìa lót bên trong có xác nhận của tổ chức chủ trì nhiệm vụ về việc đã hoàn thiện kết quả thực hiện nhiệm vụ sau khi nghiệm thu chính thức.
- 01 bản điện tử Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ (file hoàn chỉnh, không tách riêng các file chương, mục,...); 01 bản điện tử Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ; 01 bản điện tử phụ lục tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát, bản đồ, bản vẽ, ảnh, sách chuyên khảo, bài tạp chí... tài liệu đa phương tiện, phần mềm (nếu có). Bản điện tử phải sử dụng định dạng Portable Document (.pdf) và phải sử dụng phông chữ tiếng Việt Unicode (Time New Roman) theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 6909:2001), bản điện tử phải thể hiện đúng với bản giấy, được ghi trên đĩa quang và không được đặt mật khẩu.
- 01 bản sao Biên bản họp Hội đồng nghiệm thu chính thức kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (biên bản không đóng kèm vào báo cáo tổng hợp); văn bản xác nhận về sự thỏa thuận của các tác giả về việc xếp thứ tự tên trong danh sách tác giả thực hiện nhiệm vụ (nếu có).
- 01 Bản sao đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (nếu có) kèm theo bản chính để đối chiếu khi giao nộp.

- 01 Phiếu mô tả công nghệ (theo mẫu) đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà sản phẩm bao gồm quy trình công nghệ.

**5. Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

**8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**9. Lệ phí:** Không.

**10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

- Phiếu mô tả công nghệ.

- Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**11. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

**12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013.

- Nghi định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/2/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.

- Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**13. Thời gian và địa chỉ tiếp nhận hồ sơ:**

Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày Lễ, Tết)

Sáng: từ 8h30 đến 11h30

Chiều: từ 13h30 đến 16h30



Địa chỉ: Bộ phận Một cửa - Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê khoa học và công nghệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Phòng 308 (tầng 3), 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024.39349116; Fax: 024.39349127.

Email: dangky@vista.gov.vn

*\* Mọi ý kiến phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân liên quan đến thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ gửi về địa chỉ: Bộ phận Kiểm soát thủ tục hành chính, Phòng 207b, tầng 2, 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội, điện thoại: 04.39349119*